

BACH KHOA

trong số này

THU THỦY *koweit* • NGUYỄN HIỂN LÊ *ibn séoud* • NGUYỄN ANH LINH *ludwig feuerbach* • ĐẶNG VĂN HỒ *một quan niệm y học, một phương pháp trị liệu* • HOÀNG THÁI LINH *những lối xây dựng mới về tiểu thuyết* • ĐOÀN THÊM *thử tìm hiểu hội họa* • TRẦN VĂN KHÊ *dại nhạc hội tế hệ rãng và việc bảo vệ truyền thống âm nhạc* • VÕ QUANG YẾN *virgil grissom, nhà phi hành vũ trụ thứ nhì của mỹ* • CÔ LIÊU *tội người trong sạch* • VŨ QUỲNH BANG *sự tình* • NGUYỄN NGU Í *mơ* • LÊ THANH THÁI *tiếng vàng* • VÕ PHIẾN *những buổi mai đẹp* • MAI TRÚC DIỄN *mộng ca — tháng 5* • ĐOÀN DÂN *sương mù* • NGUYỄN VĂN HẦU — BẰNG BÁ LÂN *trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của bách khoa* • HOÀNG KHANH *trở về* — TƯỜNG LINH *đêm dài* • TUYẾT HƯƠNG *phấn đấu* • TRĂNG THIÊN *đọc « tâm sự kẻ sang tần » — đọc «phan khôi và cuộc tranh đấu tư tưởng ở miền bắc» của nguyên vạn an* • NGUYỄN HỮU NGƯ *nghe nói chuyện về kịch, về ái tình và hôn nhân* •



Nhân dịp

Lễ Lạc trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "D.C."**

* Rượu **Rhum CARAVELLE**

lầu năm **44°**
và trắng **54°**

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Quí vị thường thức luôn **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'É.C.**

Patteux - Saigon - ĐT. 23.916

và có bán tại đó :

- . ALCOOL RECTIFIÉ
- . ALCOOL DENATURÉ
- . RƯỢU THUỐC "Ich. Tho. Tươi"
- . DẦU ĂN HẢO HẠNG CHẾ BẰNG CẤP 6°



BÁCH-KHOA

Số III — Ngày 15-8-1961



	Trang
THU-THỦY	Koweit 3
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Ibn Séoud 7
NGUYỄN-ANH-LINH	Ludwig Feuerbach. 15
ĐẶNG-VĂN-HỒ	Một quan-niệm y-học, một phương-pháp trị liệu 24
HOÀNG-THÁI-LINH	Tìm hiểu những lối xây dựng mới về tiền thuyết. 31
ĐOÀN-THÊM	Thử tìm hiểu hội-họa. 37
TRẦN-VĂN-KHÊ	Đại nhạc hội Tê-Hê-Răng và việc bảo vệ truyền thống âm nhạc . . . 51
VÕ-QUANG-YẾN	Virgil Grissom, nhà phi hành vũ trụ thứ nhì của Mỹ 57
CÔ-LIÊU	Tội người trong sạch. 61
VŨ-QUỲNH-BANG	Sức tỉnh (thơ) 69
NGUYỄN-NGU-Í	Mơ.. (thơ) 70
LÊ-THANH-THÁI	Tiếng vàng (thơ). 71
VÕ-PHIẾN	Những buổi mai đẹp (truyện ngắn) 73
MAI-TRÚC-DIÊN	Tháng 5 — Mộng ca (thơ) . . . 82
DOÃN-DÂN	Sương mù (truyện ngắn) 83
NGUYỄN-VĂN-HẦU — BÀNG-BÁ-LÂN	Trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của Bách-Khoa 89
TUYẾT-HƯƠNG	Phấn đấu 95
HOÀNG-KHANH — TƯỜNG-LINH	Trở về — Đêm dài (thơ) 104

SINH - HOẠT

TRÀNG-THIÊN	Độc « Tâm sự kẻ sang Tần » của Vũ-Hoàng-Chương và « Phan Khôi và cuộc tranh đấu tư tưởng ở miền Bắc » của Nguyễn-Vạn-An 105
NGUYỄN-HỮU-NGU	Nói chuyện về kịch (thuật buổi nói chuyện của kịch gia Vi-Huyền-Đắc, ngày 8-8-61) 112
	Ái tình và Hôn nhân (thuật buổi nói chuyện của nhà văn Bùi-Xuân-Uyên tại Câu lạc bộ báo chí 26-7-61) 114

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HUỖNH-VĂN-LANG : *Tìm hiều vấn đề xung đột giữa Nga-sô và Trung-cộng*
- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Giải quyết cuộc tranh chấp Bá Linh là mở đường đi tới hòa hoãn.*
- ĐOÀN-THÊM : *Những điều kiện phát triển hội họa.*
- BỬU-KẾ : *Thuận-An thất thủ.*
- NGUYỄN-VĂN-THU : *Cát bụi phù-sinh.*
- VƯƠNG-HỒNG-SÈN : *Thú chơi sách : Sách giả.*
- T. Đ. G. : *Giới thiệu nước Hòa-Lan.*
- NGUYỄN-HIỂN-LÊ : *Lật qua hồ-sơ thanh-niên.*
- id — : *Vài ý nghĩ về cú-pháp.*
- NGUYỄN-THÁI : *Danilo Dolci.*
- HOÀNG-THÁI-LINH : *« Khoảng một đêm » của Jean Cayrol.*
- VÕ-QUANG-YẾN : *Ta biết gì về kim-tinh.*
- NGUYỄN-ANH-LINH : *Bước tiếp đến nhân-bản vô-thần : Nietzsche, con người sát thiên — (Déicide) —*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Nhạc-khí dùng trong lối « ca Huế » và lối « đờn tài tử ».*
- NGUYỄN-NGU-Í : *Có chồng không tỉnh trí.*
- MINH-ĐỨC : *Lão Duy-Minh và con nhện.*
- VŨ-HẠNH : *Người thầy thuốc.*
- NGUYỄN : *Căn chết (truyện dịch).*
- THẠCH-HÀ : *Tai-nạn.*
- VÕ-HỒNG : *Chuyện cái răng.*

KOWEIT

★ THU-THỦY

TRƯỚC tháng 7 vừa qua, ở xứ ta thực ít có dịp nghe ai nói tới Koweit. Nhiều người cơ hồ không biết tới cái xứ xa lạ đó. Các sách học cũng chỉ nói đến Koweit một cách qua-loa, sơ-sài.

Cái tiếng - tăm của một người cũng như của cả một nước, một dân tộc, nhiều khi do sự tình - cờ rất bất công. Bởi vì Koweit tuy nhỏ bé thực, nhưng có những đặc điểm rất đáng lưu ý. Dân-số của nó chỉ có 250 nghìn người, nghĩa là bằng 1/4 dân - số một tỉnh Quảng-Nam, bằng 1/7 dân-số đô thị Sài Gòn của chúng ta. Vậy mà bấy nhiêu người làm chủ một cái kho dầu hỏa vĩ đại, bằng 1/5 của cả thế giới ! Thực là một điều lạ. Bởi vậy có thể nói dân Koweit là những người giàu có nhất nhì trên đời này, không nhường Âu Mỹ.

Tại Al-Ahmadi, chỗ bến tàu, người ta trông thấy một tầm cáo - thị to-

tướng mà du khách nên đọc qua để tuân theo. Cáo-thị cho biết rằng kẻ nào đến đây mà hút một điều thuốc thì sẽ bị phạt hai năm tù và 2.500 roupies. Hình phạt đó không có gì khắt khe, vì Al-Ahmadi là bồn mạng của Koweit, là thành phố dầu hỏa, là nơi mà các ông dân dầu đã lọc xong đến sẵn sàng cung cấp cho những chiếc tàu chực sẵn ở hải cảng. Mỗi ngày số dầu hỏa ấy giúp cho quốc - vương Koweit thu vào chừng 4 triệu đồng quan mới của Pháp (tức 60 triệu đồng bạc Việt-Nam). Ấy là hiện thời mức khai thác dầu chỉ đến 82 triệu tấn mỗi năm ; người ta còn dự trù rằng đến năm 1962 có thể tăng mức ấy lên đến 180 triệu tấn, và dĩ nhiên số lợi-tức lại sẽ tăng hơn gấp đôi.

Chừng ấy lợi-tức chi tiêu cho chừng ấy dân-số, thiệt là quá đầy đủ. Vì vậy công cuộc kiến thiết Koweit nhanh chóng lạ lùng. Mới

trước đây không bao lâu dân cư xứ này còn sinh sống bằng nghề lặn dưới nước mò ngọc trai. Họ thiếu nước ngọt, thiếu đất, chỉ qui tụ lại một mòm đất chút xiu, chung quanh là sa mạc mênh mông. Từ ngày tìm ra dầu hỏa — thứ vàng đen ấy — họ không ngại thiết lập nhà máy lọc nước mặn ra nước ngọt bằng phương pháp tốn kém, họ đẩy lui sa mạc rất nhanh, xây dựng nhà cửa sang trọng. Ngày nay họ đã bỏ nghề mò ngọc trai, và những dụng cụ nghề nghiệp cũ kỹ này được đem trưng bày trong bảo tàng viện để kỷ niệm một thời kỳ lịch sử sinh sống khó khăn của dân tộc. Tại Koweit ngày nay có những *building* to lớn không kém ở Âu Mỹ, trong đó máy lạnh biến đổi hàn khí hậu của sa mạc. Trên những con đường rộng rãi đẹp đẽ, xe hơi Huê-kỳ chạy nối đuôi nhau vô cùng đông đảo, do đó đôi khi gây ra những trường hợp kẹt đường kinh khủng. Vì thế nhà chức-trách buộc mọi người triệt để tôn trọng luật đi đường, mỗi một vi phạm còn con đều có thể bị phạt đền 25 roubles (tức 3.500 đồng bạc Việt-Nam). Koweit có chừng 40 nghìn học sinh, tất cả đều do quốc gia đài thọ mọi chi phí ăn học trong một khu học xá rộng rãi, trang-bị đầy đủ tiện nghi, sách vở, dụng cụ thí nghiệm, . . . , trong đó con của quốc-trưởng, bộ trưởng ngồi bên cạnh con cháu nhà thường dân.

Cái xứ giàu có sung sướng lạ lùng ấy, hại thay, lại chỉ có 1.800 binh sĩ để canh giữ hạnh phúc của mình mà thôi. Bởi vậy bị đặt dưới sự thông

trị của người Anh trong 62 năm, cho đến ngày 1 tháng 7 vừa qua họ vừa sắp kỷ niệm cuộc trao trả độc lập thì đã bị ngay Irak dọa xâm chiếm. Trong tuần lễ cuối tháng 6 bỗng nhiên tướng Kassem quyết định rằng ông xem 20 nghìn cây sô vương của Koweit là thuộc về lãnh thổ Irak, rằng ông đã cử một ủy ban hành chánh để sẵn-sàng đền cai trị xứ Koweit, còn quốc vương xứ này có thể được giao cho một chức quận trưởng hạng nhì chẳng hạn. Ông chúa tể Koweit, con người được mệnh danh là giàu nhất thế giới mà đi làm một chức quận trưởng !

Hỗn-xược đến thế là cùng. Đai bá-âm Bagdad lại luôn luôn mật sát Koweit, cho Koweit ngược đãi 40 ngàn người dân Irak sinh sống ở đây. Cuối cùng lại có tin cho hay rằng xe tăng Irak đã kéo đến sát biên thủy Koweit, chỉ cách kinh-đô có 145 cây sô. Suốt đêm ấy trong dinh quốc trưởng đèn thấp suốt đêm để hội họp bàn bạc. 8 giờ sáng ngày sau, trước ngày kỷ niệm độc lập một hôm, Abdullah es Salem es Sabah, quốc vương Koweit, một ông già 70 tuổi, lên một chiếc xe Cadillac, đi tìm gặp John Richman, đại diện Anh quốc, trao một phong thư. Người thì bảo Abdullah es Salem giản dị, khắc khổ, kẻ thì bảo ông cụ thích trầm ngâm và thuộc thơ rất nhiều, có điều chắc chắn là từ trước tới nay ông chưa bao giờ cất bước đi tìm vị đại diện của Nữ hoàng Anh như lần này, mỗi lần có việc cần ông chỉ có việc mời vị đại diện đến. Lần này ông thân hành đến gặp, hai người uống với nhau một ly cà phê, trong

khi *radio* chuyển bức thư cầu cứu của Koweit sang Luân Đôn.

Cũng chưa bao giờ, sau vụ Suez, Anh quốc quyết định một phản ứng quân sự nhanh chóng như lần này. Ngay sáng hôm sau những đơn vị đầu tiên của Anh đã đặt chân lên đất Koweit. Ba hôm sau thì đã có 50 đơn vị chiến đấu lớn nhỏ của Anh, gồm 3 nghìn binh sĩ, với những khu trục cơ « Venon », oanh tạc cơ « Hunter », phóng pháo cơ « Canberra », với những chiến xa « Centurion », những dụng cụ vô tuyến điều khiển tối tân... dàn ra sát biên giới Irak.

Bên phía Irak cũng có những sự chuẩn bị hùng hậu như vậy. Nhưng đài bá âm Irak dịu giọng xuống, bảo rằng họ không bao giờ có ý định xâm lăng Koweit.

Lực lượng Anh quốc bị đặt vào một tình thế khó khăn. Tin vào một lời hứa vu vơ như thế của Irak mà rút lui lạng lẽ ư? Hoặc cứ nằm mãi giữa sa mạc dưới ánh nắng thiêu người mà chờ một cuộc tấn công tưởng tượng không bao giờ xảy đến ư? Đàng nào cũng không tiện. Nếu quân đội Anh mà nần ná ở lại thì thế nào người ta cũng nghi ngờ rằng một mặt nước Anh tuyên bố trao trả độc lập cho Koweit, một mặt lại dàn trò xếp đặt một cuộc trở lại.

Người ta cho rằng nước Anh chỉ có thể trông chờ vào hai giải pháp để có thể rút khỏi Koweit: một là mời quân Liên-hiệp-quốc đến thay thế,

hai là vận động cho Liên đoàn Ả-Rập đứng ra bảo vệ Koweit. Giải pháp thứ hai đang thực hiện. Ngay khi cuộc xung đột xảy ra giữa Koweit và Irak, ông Hassouna, tổng thư ký Liên đoàn Ả-Rập đã bay qua bay lại giữa Irak, Arabie Séoudite và Koweit để dàn xếp. Và vừa rồi, đài bá âm Le Caire vừa loan tin rằng ông Sayed Naufal, phó tổng thư ký Liên đoàn Ả-Rập cho biết Maroc, Tunisie và Arabie Séoudite đã bằng lòng gửi quân đội đến Koweit để thành lập một phân đoàn liên Ả-Rập nhằm bảo vệ độc lập của Koweit và thay thế quân đội Anh. Việc này sẽ thực hiện trong tháng 8 này.

Trong vụ Koweit người ta không khỏi tầm tắc khen nước Anh: nghe một lời cầu cứu liền chạy tới ngay, việc hơi êm liền lui ngay. Không ai phủ nhận rằng trong các nước đế quốc, Anh vẫn thường xử sự thực tế, thức thời, khôn khéo, và trong biến cố ở Koweit thái độ của Anh quốc không phải không đường hoàng. Tuy vậy ta cũng cần để ý rằng 4 phần 10 mazout đủ loại dùng cho xe cộ tàu bè ở Anh là do Koweit cung cấp và trong 3 chiếc xe chạy ở Anh thì đã có 2 chiếc chạy bằng dầu xăng Koweit. Mặt khác nhiệt độ ở sa mạc Koweit lúc này chừng 45° hay 47°, máu trong người có thể lên đến 41°, tiếp viện nước đá cho quân đội là một công cuộc vất vả hết sức. Cái lẽ tới và lui của người Anh có nhiều liên quan đến những thứ ấy: dầu và cái nóng sa mạc.

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghì (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.



IBN - SEOUD

(1881 - 1953)

MỘT VỊ ANH HÙNG NHỜ KIÊN
NHẪN TRONG NỬA THẾ-KỶ MÀ
TẠO NÊN ĐƯỢC MỘT QUỐC-GIA
PHÚ CƯỜNG Ở GIỮA SA-MẠC.

✱ NGUYỄN-HIẾN-LÊ

« Con đã học được cái đạo cao rộng nhất
ở đời rồi đó, con đã học được đạo Vạn
năng, tức đạo Kiên-nhẫn ».

Cờ thư Ả-rập

(xin xem B K, từ số 107)

Kinh-đô dầu lửa và đồn tiền-tuyến của Châu-Âu

Roosevelt và Ibn Séoud mới thỏa thuận
với nhau tháng hai, thì tháng ba công việc
khai-thác bắt đầu liền. Xứ Ả-Rập Séoud
không ngờ mà nhiều dầu lửa đến thế.
Người ta phỏng đoán rằng nó có tới 42%
dầu lửa của thế-giới, mới đây đào sâu thêm,
người lại thấy một lớp dầu nữa, còn
nhiều hơn lớp đương khai-thác, như vậy
thì Ả-Rập Séoud có tới 80% dầu lửa
của thế-giới.

Thời hạn 60 năm ngắn quá. Làm sao mà
khai-thác cho hết được? Các nhà kinh-tài
ở Wall Street phải tính gấp làm sao chứ?
Các kỹ-sư Mỹ phải tổ-chức làm sao cho

có hiệu quả hơn nữa chứ? Anh đâm
hoảng : cạnh tranh sao nổi với Mỹ?

Sa-mạc Ả-Rập không còn là một nơi
hoang vu nữa. Con cháu của chú Sam đất
dầu nhau tới lập nghiệp. Chỉ trong năm
năm, một châu thành hiện lên ở giữa bãi
cát y như trong truyện *Ngàn lẻ một đêm*,
tức châu thành Dahrán, kinh-đô dầu lửa,
với các khách-sạn, các tiệm cà-phê, tiệm
tạp-hóa, sân banh, hồ tắm, rạp hát bóng
chiếu những vũ-khúc mê ly ở Broadway và
những phim cao-bồi giật gân ở Texas, nhất
là lại đủ cả những vườn hoa, sân cỏ mà
công tử tốn kém ghê gớm. Người ta
bứng những cây trúc đào, những nệm cỏ
từ Mỹ qua. La-ve, thịt bò hộp, sữa, sà lách,
đĩa hát, sinh tố, báo chí đều nhập-cảng từ

Mỹ. Công-ty Aramco cung cấp cho ba ngàn nhân-viên Mỹ đủ những tiện nghi để giữ được lối sống Mỹ trên sa-mạc Ả-Rập. Ngoài ra có năm ngàn nhân-viên bản xứ cũng được hưởng những cái xa hoa của văn-minh ở giữa một cảnh màu sắc rực rỡ : trời xanh, cát vàng, xe cam nhông đỏ, và đêm xuống, những cây đuốc ở các giếng dầu phun lửa lên như những khăn choàng mềm mại, hồng hồng cách trăm rưỡi cây số cũng trông thấy.

Năm 1950, công-ty sản-xuất được khoảng 80 triệu lít dầu mỗi ngày, đóng góp cho nhà vua khoảng 160 triệu Mỹ-kim mỗi năm. Chỉ có mấy năm, Ibn Séoud thành một trong bốn người giàu nhất thế-giới.

Ông dùng số tiền đó để :

- nhập-cảng những vật dụng cần thiết cho dân chúng như gạo, đường, cà-phê, vải
- mắc điện tại những tỉnh lớn
- mở mang việc học
- xây cất thêm đường xe hơi, xe lửa và phi-trường.

Hiện nay đã có hai chục ngàn cây số đường trải đá nối liền các châu thành và các ốc đảo lớn với nhau. Ông chú ý nhất đến việc lập đường xe lửa nối Dahrán với Ryhad, tức nối kinh đô dầu lửa với thủ phủ của Ả-Rập Séoud. Đường dài sáu trăm cây số mà băng qua một miền toàn cát.

Đặt đường rầy trên cát là một việc rất khó-khăn vì cát dễ lún mà một cơn gió lớn nổi lên là nó bay đi, muốn giữ nó lại phải đúc nó thành một khối. Một khối rộng năm sáu thước dài sáu trăm cây số, độc giả thử tưởng tượng công phu và phí tổn ra sao. Các nhà chuyên môn Mỹ nghiên cứu

kỹ trong mấy tháng rồi trả lời Ibn Séoud là không sao làm nổi. Nhưng Ibn Séoud đã muốn thì phải được. Ông ta gạt hết những phúc trình cùng bản đồ của họ, bảo : « Tôi mời các ông lại đây để làm đường xe lửa. Nếu các ông bất lực thì tôi sẽ gọi một công ti ngoại quốc khác ».

Thế là hai tháng sau, họ bắt tay vào việc. Luôn bốn năm, hai nghìn thợ làm suốt ngày đêm, đổ hằng ngàn tấn bê-tông, hằng ngàn tấn dầu lửa nguyên chất để đúc cát lại thành khối. Cuối năm 1951 công việc hoàn thành.

— Rồi tiếp tục làm con đường xe lửa xuyên Ả-Rập, dài 1.100 cây số, nối vịnh Ba-Tur với Hồng-Hải, chạy ngang qua Ryhad, phí tổn khoảng 32.000.000 Mỹ kim.

— Nối dài con đường Damas-Médine cho tới Aden, đi ngang qua Thánh Địa Mecque và nối liền với đường xuyên Ả-Rập.

Các chuyên viên đều lắc đầu, ngán ông vua mê đường xe lửa đó (The rail-minded king).

Tấn bộ nhất là công việc lập những phi trường tối tân ở Hasa và một đội hải quân. Thế là chỉ trong khoảng tám năm (1945-1953) xứ Ả-Rập Séoud đã tân thức hóa. Kinh đô Ryhad xây cất lại, nguy nga và tráng lệ, có cung điện, vườn thượng uyển trồng hàng vạn gốc trúc đào ; đủ các kỳ hoa dị thảo, rung rinh dưới ánh một vạn ngọn đèn điện, y như cung điện Versailles giữa sa mạc (1). Nhưng không phải là để ông hưởng một mình, vì Ibn Séoud tuyên bố rằng bất kỳ

(1) Jean Paul Penez trong tạp chí *Paris Match*

người nào đặt chân vô kinh đô tức thì khách của ông rồi, cứ vô cung điện, sẽ được đãi ăn.

Vậy thì vị Quốc-vương Ả-Rập này biết cái đạo « dư dân đồng lạc » của Mạnh-Tử chẳng ? mà cái vườn thượng uyển của ông giống cái vườn bảy chục dặm của Văn-Vương chẳng ?

Không biết Ibn Séoud đãi khách tứ xứ của ông sang trọng ra sao, chứ đời sống của ông vẫn giản dị như hồi lang thang trong sa mạc Ruba-al-Khali. Không nằm giường, chỉ cần một chiếc chiếu trải trên đất. Lâu đài thì rực rỡ vàng son mà ông vẫn thích ở lều. Thức ăn thì chỉ có ít sữa lạc dã, ít thịt và vài trái chà là, tuyệt nhiên không uống rượu. Ông đã giữ đúng lời dạy trong Thánh kinh Coran và lời gia huấn của vua cha. Và ai vào yết-kiến ông thì cứ gọi thẳng tên ông, chẳng phải « muôn tâu bệ hạ », « vạn vạn tuế hoàng thượng » gì cả. Bất kỳ người dân thường nào cũng có thể tỏ nỗi oan ức với ông, ông không cấm cửa ai hết. Mà ông lại rất yêu thơ. Thì tôi đã chẳng nói rằng người Ả-Rập nào cũng là một nhà tu hành, kiêm chiến sĩ và thi sĩ đó ư ?

Có lẽ khắp thế giới, ông là ông vua độc nhất không bị cái quyền thế làm hư hỏng cái thiên lương.

*
* *

Công ti Aramco cũng khôn khéo, trông xa, biết rằng tới năm 2005, khi mãn khế ước, thế nào cũng phải trả lại hết, muốn sau này còn vớt vát được chút quyền lợi thì ngay từ bây giờ phải lấy lòng người

Ả-Rập. Nên họ bỏ ra hai mươi sáu triệu Mỹ kim cất nhà, cho nhân công bản xứ với đủ tiện nghi : nước máy, đèn điện, cả bếp điện nữa, rồi cất trường cho trẻ em Ả-Rập học tới năm 18 tuổi. Mỗi năm tuyển 500 sinh viên ưu tú nuôi cho ăn học rồi gởi qua Mỹ tập sự.

Công ti lại rất tôn trọng luật lệ của nhà vua. Như tôi đã nói, Ibn Séoud theo một chính sách trái hẳn với Mustapha Kémal, muốn thần dân của ông phải giữ cổ tục. Bận sơ mi ni lông, thì được, nhưng phải theo đúng những lời cấm trong kinh Coran. Cấm tuyệt không được uống rượu. Và muốn cho dân khỏi bắt chước người Mỹ rồi uống lén, ông cấm cả người Mỹ uống Whisky, hề bắt được họ chổ Whisky vào xứ thì tịch thu, dù là rượu gởi cho tòa đại sứ Mỹ cũng mặ. Bất người Mỹ nhin Whisky thì chỉ có Ibn Séoud mới làm nổi ! Chẳng những vậy, ông còn yêu cầu nhà thờ của Mỹ có làm lễ thì cứ lẳng lặng mà làm, đừng kéo chuông vì « những giáo phái của ông nghe tiếng chuông nhà thờ có thể nổi giận được ».

Aramco và cả tòa đại sứ Mỹ nữa răm rắp theo. Quả thực nghị lực của ông là gang thép.

*
* *

Vào khoảng 1946, 1947 có tin đồn rằng các mỏ dầu ở Mỹ sắp cạn. Chính phủ Mỹ đâm hoảng. Cũng may tin đó sai, nhưng tổng thống Truman phải lo xa, càng bám chặt lấy những mỏ dầu Ả-Rập để phòng lúc mà những mỏ dầu ở Texas sẽ cạn. Lại thêm Nga-xô vẫn dòm ngó mỗi ở Tây Á, thành thử miền này quan trọng nhất thế giới về chiến lược.

Các nhà chuyên môn đã tính phỏng cứ theo cái đà khai thác hiện nay thì các mỏ dầu lửa ở Mỹ vài chục năm nữa sẽ cạn, ở Nga còn được dăm chục năm nữa, ở vịnh Ba-Tur còn được tới trăm rưỡi năm nữa. Như vậy thì ai làm chủ xứ Ả-Rập sẽ làm chủ cả cự lực địa.

Vì thế năm 1951, vừa mãn hạn, Mỹ vội ký ngay với Ibn Séoud một hiệp ước, xin mượn phi trường Dahran thêm năm năm nữa, rồi lập thêm nhiều căn cứ quân sự ở bờ phía Bắc bán đảo Ả-Rập.

Mặt khác chính phủ Mỹ hạn chế sự khai thác những mỏ dầu ở Mỹ, mà cách công hiệu nhất để hạn chế là sản xuất dầu lửa Ả-Rập cho thật rẻ, đem bán ở châu Âu, như vậy dầu sản xuất ở Mỹ chỉ dùng trong nước thôi, không xuất cảng được nữa.

Muốn hạ giá bán thì phải hạ giá chuyên chở, mà dầu lửa vịnh Ba-Tur muốn đem qua châu Âu phải đi vòng lại Aden, vô Hồng-Hải, qua kinh Suez. Các công ty Mỹ thiếu tàu dầu, phải thuê Anh chở. Anh tính giá cao lại bắt chịu thuế qua kinh Suez (lúc đó kinh Suez vẫn còn thuộc Anh), thành thử giá dầu lửa vịnh Ba-Tur hơi cao.

Muốn thoát ly sự lệ thuộc vào Anh, Mỹ đóng thêm tàu dầu và dự định đặt ống dẫn dầu xuyên Ả-Rập, nối Dahran với Địa Trung-hải. Thế là có sự tranh đấu ngầm ngầm giữa « dầu lửa Mỹ kim » và « dầu lửa Anh kim ».

Ống dẫn dầu lửa đó dài khoảng 1.750 cây số, phí tổn bao nhiêu, người Mỹ cũng chịu nổi. Duy có điều này khó-khăn là nó phải qua những xứ Transjordanie và Palestine, tức những xứ chịu ảnh hưởng



KHU DẦU LỬA CỦA ANH VÀ MỸ TẠI TÂY-Ả

Anh. Anh đại gì mà cho phép. Mỹ phát tìm một lối thoát khác : Syrie, một xứ độc lập từ 1945. Anh lại cản đường nữa nhờ mua chuộc được chánh phủ Syrie. Nhưng trong chánh phủ Syrie có một nhân vật rất ghét Anh, đã có hồi bị Anh giam vì ngờ rằng thân Đức. Nhân vật đó là tướng Zaïm. Thực ra Zaïm chỉ thân Pháp và rất tôn sùng Mustapha Kémal, muốn Âu hóa Syrie, diệt hết những thói nát trong chính phủ.

Ông làm tổng tư lệnh quân đội Syrie, cùng với đồng chí lật đổ chánh phủ ngày 23 tháng 3 năm 1949, được quốc dân hoan hô như một vị cứu tinh. Ba tháng sau Ibn Séoud cho chánh phủ Zaïm mượn một số tiền là 6 triệu Mỹ kim trả làm mười năm và Zaïm ký hiệp ước cho phép Mỹ đặt ống dẫn dầu qua đất Syrie. Chẳng cần phải nói, ai cũng biết rằng sáu triệu Mỹ kim đó là của Mỹ. Thế là Mỹ đã vật được Anh trong keo dầu.

Hai tháng sau, ống dẫn dầu chưa đặt thì bỗng một đêm ba chiếc xe thiết giáp đậu trước dinh Zaïm, quân lính xuống bao vây, giết vài tên lính hầu, xông vào phòng Zaïm bắn chết tươi ông này. Người cầm đầu vụ đó là đại tá Hennaoui bạn thân nhất của Zaïm. Anh đã vật lại Mỹ và thắng keo nhì.

Rồi Anh lo củng cố địa vị ở Tây Á, liên kết Syrie, Irak, Transjordanie; Ả-rập Séoud, Ai-Cập, Yémen chống lại. Thời gian này cực kỳ lộn xộn ; trong các nước ở bờ biển Địa Trung Hải từ Ai-Cập đến Irak, Syrie, luôn luôn có những cuộc đảo chánh, thầy trò giết nhau, anh em giết nhau, kết cục là Hennaoui bị một người trong đảng Zaïm hạ sát. Anh thua keo thứ ba, và cuối

năm 1950 thì ống dẫn dầu xuyên Ả-Rập đặt tới bờ Địa Trung Hải.

Ống đó dài 1.783 cây số, trực kính rộng 1 thước, phí tổn 280 triệu Mỹ kim, mỗi ngày tuôn ra được 41 triệu lít, con đường chở dầu rút ngắn đi được, giá dầu hạ xuống. Nhờ vậy công ty Aramco sản xuất tăng lên gấp năm, số lợi tức của Ibn Séoud cũng tăng lên gấp năm.

Cuối năm 1951, Anh lại bị một vố nữa. Ở Syrie, Ai-Cập, Irak, Iran, nơi nào cũng có những vụ lưu huyết, đảo chánh. Nhất là ở Ai-Cập, các đảng quốc-gia, các giáo phái liên kết nhau để đòi xé hiệp ước Anh-Ai 1936, đuổi Anh ra khỏi kinh Suez vì « người Anh làm dơ cái không khí tự do ở Ai-Cập ». Nhưng người Anh cứ lạnh lùng theo chính sách : « Ta đã ở đây thì ta không đi đâu cả. » Ai-Cập bèn tẩy chay Anh, rút tiền gửi trong các ngân hàng Anh, xui 40.000 thợ làm với Anh đình công, tố cáo Anh đã hứa rút quân đi mà trên sáu chục lần rồi, nuốt lời hứa như chơi. Thanh-niên lo đúc khí giới, bom, đạn để phá khuấy Anh chứ chưa dám tấn công thẳng. Đầu năm 1952, quân đội Anh, dưới sự chỉ huy của tướng Erskine giết 46 cảnh - sát Ai. Thế là hôm sau một cuộc biểu tình vĩ đại xảy ra ở Caire, gây ra 400 đám cháy, tàn phá những nhà cửa, tài sản của người Anh, thiệt hại 40 triệu Anh kim. Chín người Anh bị thiêu sống. Tòa Đại sứ Anh xuất bị phá. Anh đối phó lại dữ dội, nhưng cũng chỉ kéo dài tình trạng được thêm ít năm.

Công ti Aramco thấy vậy, hành động cực kỳ khôn khéo, tự động hủy bỏ khế

ước cũ, ký lại một hiệp ước mới với Ibn Séoud, tặng nhà vua tới 50% số lời — chính sách chia đôi : Fifty-Fifty — lại yêu cầu nhà vua cứ việc đánh thuế vào số lời của công ti như « ngài » muốn, vì « ngài » là chủ. Như vậy không còn là 50-50 nữa mà có lẽ là 55-45, 55% về nhà vua, 45% về Aramco. (1) Ibn Séoud mỉm cười, nhưng Anh lại nhăn mặt.

Vì Irak thấy vậy cũng yêu cầu công ti Irak-Petroleum của Anh « xét lại vấn đề giùm cho ». Anh không chịu. Đảng quốc gia Irak nổi lên ám sát thủ-tướng Ali-Razmara, con người thân Anh, và đưa Mossadegh lên. Mossadegh đòi quốc hữu hóa các mỏ dầu và đuổi người Anh ra khỏi cõi. Anh cương quyết bám lấy địa vị, Mossadegh thua mặc dầu nhiều lần đã khóc hết nước mắt để quốc dân và người ngoại quốc hiểu mình. Hiện nay Anh đã mất địa vị ở kinh Suez và không biết còn giữ địa vị ở Irak được bao lâu nữa.

*
* *

Đó, tình hình Tây Á như vậy khi Ibn Séoud từ trần ở một ly cung tại Taïf, cách Mecque năm chục cây số.

Ông bị chứng đau tim từ mấy tháng trước, mắt đã lòa, quyền hành đều giao cả cho hoàng tử Saud.

Ngày 9-11-1953, khi đài phát thanh ở Thánh địa loan tin đó ra thì dân chúng

(1) Báo journal d'Extrême Orient ngày 27-8-60 nói một nhà kinh doanh Ý, Enrico Mattei thương thuyết với Iran, Lybie đề khai thác những mỏ mới và đề nghị đề cho các quốc gia đó 75% số lời. Anh, Mỹ bất bình, nhưng chính sách Fifty-Fifty thế nào cũng sẽ cáo chung.

khắp nơi, từ Nedjd tới Haïl, từ Hasa tới Hedjaz đều sững-sờ. « Thợ thuyền trong các xưởng lọc dầu ngừng tay ; phu khuân vác liêng đồ xuống bến, dân du mục hạ mã, lính trong trại đặt súng xuống ; máy bay, xe lửa, xe cam-nhông nhất nhất đều đứng lại. Sáu triệu người Ả-Rập đều quỳ xuống đất, quay mặt về Mecque. »

Theo tục Ả-Rập, người ta liệm ông ngay trước khi mặt trời lặn, đưa ông về Ryhad. Trọng di ngôn của ông, đám táng rất đơn giản, y như đám táng một người thường dân. Trên mộ cũng không có một tấm bia ghi tên nữa, chỉ có một phiến đá trắng, trơn, dưới vòm trời mênh mông.

*
* *

Tôi nghĩ khắp thế giới có lẽ không có một dân tộc nào là hèn cả. Hễ gặp người chỉ huy có tài có đức thì dân tộc nào cũng có thể vươn lên, làm cho các cường quốc phải kính nể. Dân tộc Nedjd ở đầu thế kỷ này nhiều lắm là được ba triệu người — một phần tư dân số nước Việt-Nam Cộng-hòa — mà lại nghèo, dốt : sống nhờ mấy trái chà là, một bầu nước giếng, không hề trông thấy cái xe hơi, ngoài kinh Coran cơ hồ không còn biết gì khác ; mà lại chia rẽ, rời rạc như những hạt cát, tệ hơn nữa, còn đâm chém nhau, cướp bóc nhau ; vậy mà trong có nửa thế-kỷ hắt chân được Thổ và Anh, làm cho Mỹ phải tôn trọng, là nhờ ở đâu ? Đã đành một phần là nhờ may, nhờ những giếng dầu lửa, nhưng ví thử những giếng giàu đó ở trong tay một kẻ tham bĩ như Hussein, quốc vương Hedjaz, hoặc nhu nhược như Méhemet VI, quốc vương Thổ, thì tất phải cộng lưng làm nô lệ cho người mà

may mắn là khỏi chết đói. Vậy thì làm dân, cái việc chọn mặt gửi vàng là quan trọng nhất. Nhưng có phải người xứ nào — Kể cả những xứ tự xưng là dân chủ — cũng chọn mặt được đâu ? Còn có vận chăng ? Suốt hai ngàn năm lịch sử, dân Ả-Rập chỉ gặp vận có ba lần : lần thứ nhất với Mahomet, từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ thứ XII ; lần thứ nhì với Abdul Wahab, trong hai thế kỷ XVIII và XIX, lần đó chỉ thành công được một nửa ; lần thứ ba với Ibn Séoud, không biết lần này kéo dài được bao lâu ? Dù sao cũng nên mừng cho họ đã gặp được vị lãnh tụ anh hùng và khôn khéo. Mustapha Kémal không thêm

nhận tiền của người để giữ nền độc lập ; Ibn Séoud cứ nhận tiền của Anh Mỹ mà vẫn giữ được nền độc lập, lại làm cho kẻ đưa tiền phải kính phục thì tư cách và tài năng của ông vượt Mustapha Kémal được một bậc.

Sàigòn ngày 27-9-1960

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

Tài liệu rút trong :

Esquisse de l'Histoire universelle-H. G. Wells-Pyos-1948.

Ibn-Séoud-Benoist Méclin-Albin Michel-1955.

Paris Match-6-13 Mars 1954.

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

HENRI DUVERNOIS

1875 — 1937

- Nhiều người có thái độ phân vân, lưỡng lự giữa nhu cầu phục vụ và nhu cầu ngược đãi. Họ buộc lòng phải ghét cũng như buộc lòng phải yêu. Lòng những người ấy có hai ngăn, họ là những người hai lòng.

(Henri Duvernois, Cœur double)

- Định luật quân bình : Khi kẻ nô lệ tìm được cơ hội để trở nên bạo chúa, họ không bỏ lỡ.

(Henri Duvernois, Gruautés, IV(D

Hạnh - phúc

Henri Duvernois, trong cuốn « Un gentleman-former » quan niệm :

« Hạnh-phúc có lẽ là tưởng tượng. Khi người ta thiếu tưởng tượng, người ta chỉ thấy còn lại ở đời những điều vô vị ».

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ:

THIÊU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIỂNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN-CAO-THANG, Dược-Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Salgon

LUDWIG FEUERBACH

(1804 - 1872)

NGƯỜI CHA THIÊNG LIÊNG
CỦA NHÂN BẢN VÔ THẦN

★ NGUYỄN-ANH-LINH

Định mệnh | TRONG cảnh rừng rú âm u, núi non hiểm trở, phải luôn luôn chiến đấu để sinh tồn, con người thô sơ sống như bị chi phối, ràng buộc bởi một bầu không khí linh thiêng, tin tưởng vào những thế lực ngoại giới. Tinh tú, quỷ thần đứng đầu điều khiển vận mệnh con người và con người khó lòng thoát khỏi xiềng xích ý chí độc đoán khủng khiếp của họ. Cuộc đời con người biến thành « *số mệnh* », « *định mệnh* », « *thiên mệnh* » : Thần vương Zeus hay Jupiter của Hy - La cũng phải chịu khuất phục trước thần định mệnh Eimarménè hay Fatum.

Sứ mệnh | Rồi Thiên - Chúa giáo tới như có chủ tâm phá vỡ vòng cương tỏa đó, giải phóng con người khỏi gông cùm vạch cho nhân loại đang chìm đắm trong đen tối một con

đường giải thoát : đọc lại tác phẩm của các giáo phụ tiên khởi, người ta cảm thấy một nguồn hoan lạc vô biên, một niềm tin mãnh liệt. Thực khó mà biểu được cuộc đảo lộn sâu rộng đó : Thiên-Chúa giáo chủ trương rằng được sáng tạo giống hình ảnh Thiên-Chúa, con người có phận sự làm sáng tỏ hình ảnh Thiên-Chúa, trong chính bản thân, giữa xã-hội. Định mệnh trở nên *sứ mệnh* và tất cả sứ mệnh con người là nuôi dưỡng, tăng cường mầm sống động đã được tạc ghi vào lòng, để ngày kia hình ảnh đó nổi bật ra ngoài, hướng về thiên cung. « Hỡi con người, hãy tự biết mình ! » Lời kêu gọi đó là một lời kêu gọi chí thiết, đưa lại một ý nghĩa mới cho châm ngôn « *gnôthi seauton* » của Epictète và Socrate, cho lời khuyên nhủ « *tự giác* » của Á-

Đông. Tự biết mình là triết thấu phẩm giá, giá trị chân chính, vận mệnh cao quý, ơn thiên triệu của mình. « Hỡi con người, đừng khinh chê giá trị của người; người cho rằng người là hèn yếu; nhưng ta bảo người biết quả người là một giá trị vô song! Hãy cẩn thận suy xét đến bản thể người! Người là giòng dõi thiên vương! Trời đất không được dựng nên theo hình ảnh Thiên-Chúa như người, cả mặt trời, mặt trăng và những vật hữu hình trong vũ trụ cũng vậy... Hãy biết rằng không gì hiện hữu lại có thể chứa đựng nổi phẩm giá cao cả của người... Cái phần kém quý giá nhất của linh hồn người thì cũng còn quý giá gấp mấy thứ cao cả nhất trời đất. Cảnh đại vũ trụ, các triết gia cho người biết người là một tiểu vũ trụ, nghĩa là những thành phần của con người người cùng đồng bản chất, cùng theo quy luật của đại vũ trụ. Nói thể chỉ phần nào đúng thôi: thân thể người ăn sâu vào vũ trụ, nhưng linh hồn người bao trùm vũ trụ, và chính linh hồn người là đại vũ trụ. Xác thể của người là tro bụi, là yếu hèn, là tội lỗi, nhưng không vì thế mà người quên được sứ mệnh cao cả của người. » (1)

Giải phóng con người

Sứ mệnh đó phải chăng là nguồn suối của tự do và tiến bộ con người.

Những tư tưởng trên nay có thể làm cho ta đứng dưng, phần vì quá quen thuộc, phần vì ngờ vực, nhưng xưa vốn là nguồn hy vọng nâng đỡ và giải phóng nhân loại. Giải phóng tâm hồn, trước khi giải phóng

khỏi cảnh nô lệ, làm than; dưới ảnh hưởng Thiên-Chúa giáo, nhờ bởi điều kiện kinh tế kỹ-thuật, chế độ mãi nô dần dần được bãi bỏ. Đó là một sự kiện lịch sử. Nhưng Thiên-Chúa giáo còn cho rằng ngay từ đầu, bản thể con người được giải phóng thực sự, giải phóng khỏi ách Định mệnh: con người có những liên lạc mật thiết với Tạo-Hóa và Tạo-Hóa chính là đấng Cứu rỗi, đến đập tan xiềng xích của ma quỷ, ác thần. Không phải chỉ một nhóm ưu tú, trí thức mới được hưởng ân huệ đó, mà toàn nhân loại được đoái hoài đến: Thượng-Đế trở nên bạn chí thân của loài người, đã hy sinh xương máu mình vì tình yêu.

*
* *

Gông cùm | Nhưng rồi nhân sinh quan công giáo gặp phải một hiện tượng lạ lùng: chính, nhân sinh quan đó mà các thế kỷ đã tiếp nhận một cách nồng nhiệt, phần khởi như một giải phóng, thì gần đây được xem như một gông cùm đè bẹp nhân loại: Thượng-Đế, lý tưởng, hạnh phúc của con người xưa, lại là địch thủ của con người nay. Bao nhiêu sức lực dồn dập để cắt đứt những liên lạc giữa trời với đất, để con người có thể nảy nở toàn vẹn.

Cuộc ly khai bắt đầu với phong trào Phục Hưng, lan rộng vào thế kỷ 18, 19 để kết thúc dưới những hình thức duy vật, bằng những nhân bản vô thần, một nhân bản mệnh danh là chân chính, tuyệt đối, còn nhân bản công giáo chỉ là « một trò hề ».

(1) Những đoạn trong bài này trích dịch ở sách *Drame de l'humanisme athée* của De Eubac.

**Nhân bản
vô thần**

Nhân bản vô thần này không
có tính cách vị kỷ, hướng
về khoái lạc, cũng không

phải là thứ chủ nghĩa duy vật tầm thường
thô bỉ, mà thời đại nào cũng bắt gặp.
Bảo nó là chủ nghĩa vô thần căn cứ vào
bình luận, suy tư (athéisme critique), thì
chưa đủ, vì danh từ đó có thể làm cho ta
lầm tưởng rằng nay trí não con người mới
đủ chín chắn để đặt lại vấn đề Thượng-
Đế và đưa ra một giải đáp ngược hẳn với
quan niệm cũ. Sự thực thì ngày nay vấn
đề Thượng-Đế là then chốt: phục tùng
hay chống đối Thượng-Đế, đời người
phải lựa một trong hai. Nhân bản vô thần
mở đường chống đối: Thượng Đế đã uy
hiếp con người, đã tước hết những gì cao
cả trong con người. *Diệt trừ được Thượng
Đế*, con người sẽ phục hồi được tự do,
phẩm giá của mình

Nhân bản vô thần do đó được xây dựng
trên nền tảng « *hòn đảo* », thù oán, đối chọi.
Trước hết, thù oán, đối chọi Thiên chúa
giáo, nên không bao giờ lại có thể *dung
túng tự do tín ngưỡng*. Là một chủ nghĩa
phản thần (antithéisme) hơn là vô thần
(athéisme).

Ai đã gây nên biến cố này, một biến cố
của thời đại đang làm lay chuyển thế giới,
đang reo rắc xương máu khắp nơi, đang
chia sẻ nước nhà? Dĩ nhiên có những
nguyên nhân lịch sử phức tạp và cũng có
những nhân vật chính yếu. Ta nghĩ ngay
đến Các Mác. Nhưng người cha thiêng
liêng của nhân bản vô thần là Feuerbach.

« Nguồn gốc thuyết Mác là do sự bình
« luận của Feuerbach về tôn giáo, vì thế
« nguồn gốc thuyết đó chỉ là phản tôn giáo.
« Muốn bình luận sáng suốt chủ nghĩa vô

« thần của thuyết Mác, phải lưu tâm đến
« điểm trên ». (Marcel Moré, Les années
d'apprentissage de Karl Marx, p. 25-26).

« Đưa con ghê gớm và thủy chung như
« nhất của triết học, Feuerbach,... đồng
« thanh với bạn hữu tuyên bố chủ nghĩa
« vô thần tuyệt đối và coi nó như là cực
« điểm của siêu hình học » (Henri Heine,
De l'Allemagne, to II, p. 285).

**Feuerbach
và Hegel**

Feuerbach, khởi đầu đã phá
thuyết duy tâm của Hegel.
Là « nhà triết học vô thần
có thiên tài nhất của thế kỷ 19 » (Nicolas
Bardiaevev). « Sánh với Hegel, Feuerbach có
vẻ nghèo nàn. Nhưng sau Hegel, ông là
người đã mở một kỷ nguyên mới, vì ông
nhấn mạnh vào những điểm rất lu mờ và
màu nhiệm trong thuyết Hegel mà lương
tâm công giáo lấy làm khó chịu, nhấn mạnh
như thế rất hệ trọng cho đà tiến triển của
triết học căn cứ vào bình luận. » (Marx,
lettre au Sozial Demokrat).

Hegel mất vào năm 1831 ; sau đó tất cả
những vấn nạn của triết-học đều qui tụ vào
vấn-đề Thượng-Đế. Chính vì Thượng-Đế
chứ không vì chính-trị, hay xã-hội mà đồ-
đệ của Hegel chia thành hai phái tả hữu.
Feuerbach được coi như lãnh-tụ phái tả.
Ý định của Feuerbach tương tự như mục-
đích mà bạn ông, Frederic Strauss đang theo
đuổi. Khảo-cứu về nguồn gốc Thiên-Chúa-
giáo, Strauss kết-luận tôn-giáo chỉ là ảo-
mộng. Trong cuộc đời Đức Giêsu (La vie
de Jésus, 1835), Strauss chủ-trương Phúc-
âm là mớ thần-thoại biểu lộ những nguyện-
vọng của dân Do-Thái.

**Nguồn gốc
Thượng-Đế
một ảo-mộng**

Feuerbach cũng cho rằng Thượng - Đế là một truyện thần - thoại nói lên những ước mong của nhân - loại. « Ai không có ước vọng, thì không có Thượng-Đế... Thượng-Đế là ước nguyện của con người được thực hiện ». (La religion p. 115-117).

Để cắt nghĩa phương-pháp cấu tạo Thượng-Đế, Feuerbach dùng khái-niệm « tha hóa » (aliénation) của Hégel. Hégel áp-dụng khái-niệm đó vào Đấng Tâm-Linh tuyệt đối, Feuerbach lại áp-dụng vào con người cụ thể : « Tha hóa », đối với Feuerbach, là « bị tước mất một điều gì thuộc bản thể mình, nhân danh một ảo-mộng mà mình coi là có thực » (Jean Daniélou, La foi en l'homme chez Marx, p. 163). Chẳng hạn khôn ngoan, ý chí, công bằng, tình yêu... đều thuộc nhân tính, nhưng nay lại thuộc một bản thể khác, bản thể của Thượng-Đế, vì con người phóng ra ngoài những đức tính của mình, để gán vào một bản thể giả tạo, chính mình đã bịa đặt ra, mệnh danh là Thượng-Đế.

Do đó con người bị thiệt thòi, đâm ra thất vọng :

« Hành-động tước đoạt của cải thế-giới
« và hành-động hiến dâng của cải đó cho
« Thượng-Đế cũng là một. Con người
« nghèo nàn lại có một Thượng-Đế giàu
« có » (Essence du Christianisme p. 50-51).

Hay đúng hơn, con người tự làm cho mình nghèo nàn để làm giàu cho Thượng-Đế, hy-sinh trút hết mình ra để Thượng-Đế được sung túc :

« Đời sống càng trống rỗng, thì
« Thượng-Đế càng chứa chan... »

« Tôn-giáo biến thành quỷ bút máu
« nhân-loại, sống bằng xương tủy nhân-
« loại » (Essence du Christianisme p. 52).

Theo đúng biện chứng pháp của Hégel, Feuerbach công nhận cần phải có thái-độ « tha hóa » đó, vì là phản đề của một chính đề. Nhưng nay nhân-loại phải đi đến tổng đề, tức là phải thu hồi bản tính mình. Ông không lên án tôn-giáo trong quá khứ và cho « đó là một hình thức cốt yếu của tinh-thần nhân-loại » (La religion p. 77). Không có tôn-giáo, không có Thượng-Đế, thì ý thức con người sẽ đen tối, mịt mờ, chẳng khác gì ý thức của loài vật, vì « ý thức là đặc tính của con người biết suy nghĩ về bản thể, về nội giống của mình » (Essence du Christianisme p. 21-22). Nhưng rồi cuộc « tha hóa » phải chấm dứt, con người phải lấy lại cái mình đã mất, phải « trừ tà », phải « sát thiên », thủ tiêu Thượng-Đế.

**Đạo công-giáo
là đạo bị tha
hóa nhất**

Thượng-Đế, nhất là trong đạo công-giáo, chỉ là những đức tính của con người. Con

người công-giáo là con người bị « tha hóa » nhất, vì đạo công-giáo là đạo cao thượng nhất, cũng là đạo tệ hại nhất. Thượng-Đế là « tấm gương phản chiếu con người, là quyển sách để con người diễn tả tư tưởng, cảm tình uyên thâm » (Essence du Christianisme, p. 92 - 93). Feuerbach nêu lên định luật tương tự như luật tam trạng của Auguste Comte (Loi des trois états) : « Thượng-Đế là tư tưởng đầu tiên của tôi, thứ đến là lý trí ; và con người là tư tưởng thứ ba và cuối cùng của tôi » (La religion p. 348).

« Chính bản thể con người là Thượng-
 « Đế... Nếu cuộc thần thánh hóa thiên
 « nhiên là nền tảng mọi tôn-giáo, kể cả đạo
 « công-giáo, thì cuộc thần thánh hóa con
 « người phải là mục-đích cuối cùng. Giai
 « đoạn quyết liệt của lịch-sử là giai đoạn
 « mà con người ý thức được rằng
 « Thượng-Đế của con người chính là con
 « người. Homo homini Deus ! » (Essence
 du Christianisme, p. 27).

Nhưng Feuerbach không tán thành thuyết
 vị kỷ của Max Stirner: ego mihi Deus: tôi
 là Thượng-Đế của tôi, vì ông tin tưởng
 bản tính nhân loại không ở trong từng cá
 nhân một, mà chỉ ở trong đoàn thể. Tôn
 giáo đã thay thế Thượng-Đế vào đoàn
 thể đó, nên đã làm cho nhân loại biến
 thành một đồng cát bụi, một mớ cá nhân,
 bịt bùng, đóng kín, xung đột lẫn nhau.
 Nếu rời bỏ quan niệm ích kỷ đó để tham
 gia vào bản thể chung của nhân loại, ta sẽ
 trở nên thần thánh thực.

Tác phẩm đầu tay của Feuerbach nhan
 đề là « Tinh túy Thiên-Chúa giáo »
 (Essence du Christianisme). Nhưng trước
 kia, Feuerbach muốn thay thế nhan đề đó
 bằng châm ngôn mà các giáo phụ công giáo
 quen dùng: « gnôthi seauton », hãy tự biết
 mình. Ý định đó cho ta hay nhân bản vô
 thần của Feuerbach là giúp con người khám
 phá bản thân, gây tự tính cho mình, bằng
 cách lật đổ đối phương, tức Thượng-Đế.

Cuối đời Feuerbach đổi lại cho hậu thế:

« Sau khi chết, tôi muốn để lại cho nhân
 « loại tư tưởng chính yếu của tôi. Tôi hy
 « sinh mọi điều khác... Tôi chỉ muốn xen
 « vào những lời nói của nhân loại một
 « ý kiến mà thôi: đó là: hãy ý thức... »

« Tất cả công cuộc của tôi là làm cho
 « con người nghiên cứu con người, chứ
 « đừng khảo sát Thượng-Đế; là đưa con
 « người từ tình yêu Thượng Đế đến tình
 « yêu nhân loại, từ hy vọng ở thế giới vô
 « hình đến hy vọng ở thế giới hữu hình;
 « là làm cho con người trở nên công dân
 « độc lập, tự do của vũ trụ, chứ không
 « phải là phục vụ một cách nô lệ tôn giáo
 « hay chính trị của chế độ quân chủ hay chế
 « độ quý tộc trên trời hay dưới thế. »
 (Essence du Christianisme. p. XXI.

*
 * *

Ảnh hưởng của Feuerbach

Di chúc của Feuerbach
 được nhiệt liệt hưởng
 ứng và triệt để thi hành.

Engels cho biết trước đây đức tin của ông
 đã bị tác phẩm của Strauss, « Cuộc đời Đức
 Giêsu » làm lay chuyển, thì nay sau khi
 đọc « Tinh túy Thiên-Chúa Giáo », ông
 « cảm thấy như được giải phóng. » « Cả
 những khuyết điểm của sách cũng làm cho
 người đương thời ưa thích. Lời hành
 văn, đôi khi khoa trương, được nhiều
 người tán thưởng, vì dù sao đó là một
 cái gì sống động, phấn khởi, sau những
 năm dài dằng dặc của thuyết Hegel trừu-
 tượng và khó hiểu... » Đồ đệ của He-
 gel bấy giờ lúng túng trong mâu thuẫn
 của thuyết duy tâm. Nhưng Feuerbach
 « đánh tan được mâu thuẫn đó. Thật là
 một kích thích vĩ đại. Một vui mừng
 không bờ bến! Và ngay tức khắc, tất cả
 chúng tôi đều theo Feuerbach. » (Engels,
 Ludwig Feuerbach, p. 47).

Engels không quá lời khen ngợi đâu,
 vì quả là một cảm tưởng quyết định,
 như một mặt trời sáng chói, như một

giải pháp dứt khoát cho những tranh luận muôn đời về Thượng-Đế hay về chủ nghĩa duy tâm.

Ở Nga, Bielski tán phục Feuerbach và Strauss; Herzen cho hay Feuerbach đã đảo lộn tâm hồn ông, giúp ông đi « từ thuyết huyền bí đến chủ nghĩa duy thực tàn nhẫn nhất ». Ngay năm 1843, Bakounine cho rằng chủ nghĩa Cộng-sản chỉ thực hiện nhân bản, của Feuerbach trong phạm vi xã-hội, và tán dương Feuerbach « đã thanh toán ảo mộng về Thượng-Đế, » đã thu hồi cho trái đất những gì thiên đàng đã xâm chiếm :

« Thiên đàng tôn giáo không khác nào
« một ảo mộng mà trong đó con người,
« vì ngu dốt, vì tín ngưỡng, lại tìm thấy
« chính hình ảnh mình, một hình ảnh
« được phóng đại, nhưng lộn ngược,
« nghĩa là được thần thánh hóa... Thiên-
« Chúa giáo là tôn giáo cao cả nhất, vì
« biểu lộ một cách toàn vẹn đặc tính
« của mọi hệ thống tôn giáo, tức là
« làm cho nhân loại trở nên nghèo
« nàn, nô lệ và bị hủy diệt để phục vụ
« Thượng-Đế... Thượng-Đế xuất hiện,
« thì con người bị hủy hoại, và Thượng-
« Đế càng cao siêu bao nhiêu, thì con
« người càng khổ nạn bấy nhiêu. Đó
« là lịch sử của mọi tôn giáo ; đó là kết
« quả những cuộc linh cảm và luật lệ của
« Thượng - Đế. Về lịch sử, danh từ
« Thượng-Đế là cái chùy khủng khiếp
« mà người linh cảm hay các bậc anh
« tài vĩ đại dùng để phá tự do, phẩm
« giá, lý trí và hạnh phúc « nhân loại »
(Bakounine, Dieu et l'Etat, p. 33, 58, 73.)

Các-Mác | Đệ tử trung kiên của Feuerbach là Các-Mác. Năm 1844, ở Lausanne, Mác chú giải Feuerbach, đề cao « Tôn giáo tương lai » (La religion de l'Avenir). Trong « Thánh Gia » (La Sainte Famille) xuất bản năm 1845, Mác khen ngợi Feuerbach đã làm tiêu tan những « chuyện nhảm nhí » để đặt con người vào đó.

Mác đoạn tuyệt với bè bạn theo phái Hegel, đoạn tuyệt với chính quá khứ mình, nặng chiều về duy tâm và tư duy, để khai chiến với họ và phủ nhận những bài bình luận tay mình đã viết xưa. Mác tiếp tục con đường Feuerbach đã vạch sẵn, đôi khi chỉ trích Feuerbach quá rụt rè, vì không dám đi đến cùng : cuộc « tha hóa » của con người theo chủ trương của Feuerbach vẫn còn đượm màu sắc siêu hình ; Mác sẽ cắt nghĩa nó bằng những sự kiện xã-hội ; ông sẽ thay thế « sự sùng bái con người trừu tượng, trung tâm điểm của tôn giáo do Feuerbach sáng lập, bằng khoa học nghiên cứu con người cụ thể, sống động và đang bành trướng trong lịch sử. » (Engels, Ludwig Feuerbach, chap. III). Ông loại bỏ những gì còn nhiệm màu mà Feuerbach dùng để định nghĩa con người. Và rồi vạn sự đều tan dần trước nghệ thuật kinh tế và giai cấp đấu tranh.

Nhưng không khi nào Mác lại ra khỏi ảnh hưởng của Feuerbach lại từ chối nhân bản vô thần của Feuerbach. Nếu về già, Mác không còn nói đến Feuerbach nữa, là vì ảnh hưởng đó Mác coi là một việc hiển nhiên, không cần nhắc lại : « Feuerbach là ảnh hưởng triết lý cuối cùng mà Mác đã tiếp nhận. Cái

nhà xã-hội Pháp, các nhà kinh tế chính trị Anh sẽ đưa lại cho Mác nhiều tài liệu khoa học, nhưng không cung cấp cho Mác yếu tố triết lý và yếu tố thiêng-liêng. » (Jules Monnerot, Marx et le Romantisme)

Mác đặt Feuerbach ngang hàng với Luther trong lịch sử giải phóng nhân loại : Feuerbach đã tẩy rửa nhân loại khỏi nạn thần bí, đã « minh chứng một cách tuyệt diệu » nhân loại lầm đường. Sau Feuerbach, không cần phê bình tôn giáo nữa, vì công cuộc đó Feuerbach đã chu toàn rồi :

« Feuerbach là người đầu tiên đã bỏ
« khuyết Hegel và phê bình Hegel theo
« phương pháp Hegel, bằng cách làm
« cho Thượng-Đế siêu hình, tuyệt đối
« biến thành con người cụ thể ăn rở
« sâu vào thiên nhiên... Ông đặt rõ
« những nguyên tắc chi phối việc bình
« phẩm triết lý tư duy của Hegel, cũng
« như bất cứ triết lý siêu hình nào. Ai
« sẽ bộc lộ hệ thống tư tưởng nhiệm
« mầu của Hegel ? — Feuerbach ! Ai
« sẽ kết thúc chến tranh giữa thần, thánh,
« kết thúc cuộc đấu khẩu suông giữa các
« triết gia ? — Feuerbach ! Ai sẽ đặt
« con người thay thế cho những hình
« ảnh cũ rích, cho ý thức vô biên, nếu
« không phải là Feuerbach ? » (Marx et Hegel, Archives de philosophie, vol. XV.)

Căn cứ vào cách phê bình của Feuerbach về tôn giáo, Mác phê bình xã-hội :

« Cũng như trong tôn giáo, con người
« điều khiển bởi những sản phẩm của óc
« não mình, thì trong cuộc sản xuất tư
« bản, con người bị chi phối bởi sản

« phẩm của bàn tay mình. » (Le capital To. I, p 608).

Mác và Feuerbach đều cho rằng « con
« người sáng lập tôn giáo chứ không
« phải tôn giáo sáng lập con người ; tôn
« giáo chỉ là ý thức hay cảm giác của con
« người, khi con người hoặc chưa biết
« đến bản thân, hoặc đã biết đến, nhưng
« rồi đã mất đi »

Nhưng :

« Con người không phải là một vật
« trừu-tượng, ở ngoài vũ trụ hữu hình.
« Con người chính là thể giới của người,
« là quốc gia, là xã - hội. Quốc gia,
« xã hội đó sản xuất ra tôn giáo, một
« ý thức sai lạc về thể giới, vì chính
« chúng cũng là một thể giới giả dối.
« Tôn giáo là lý thuyết đại cương về
« thể giới đó, là bộ toát yếu Bách-
« Khoa, là cách lý luận đơm vẽ bình
« dân, là danh dự thiêng liêng, là niềm
« phần khởi, là luận lý bó buộc là
« phần bổ sung trang nghiêm, là lý do
« để tự an ủi và tự minh chứng của
« thể giới đó... Cảnh khốn cùng của
« tôn giáo là cảnh khốn cùng của thời
« đại mà ra, và cũng để phản đối cảnh
« khốn cùng thực tế. Tôn giáo là tiếng
« thở dài của tạo vật đang bị đau-
« khổ đè nén, là linh hồn của một thể-
« giới bất nhân, là tinh thần của một
« thể giới vô tình thần. Đó là thuốc
« phiện của quần chúng. » (Marx, con-
tribution à la critique de la philosophie
du droit de Hegel Ao I, p. 83, 84).

Vì thế, đối với Mác, chiến đấu chống
tôn giáo tức là chiến đấu « chống thể
giới này », « một thể giới trụy lạc,

« mà tôn giáo là hương vị thiêng liêng. »
 Muốn cho con người thoát khỏi ảo-
 mộng huyền bí, tức là tôn giáo, Mác
 thiết nghĩ cần cải tổ xã-hội, vì không
 được tổ chức đầy đủ, xã-hội sẽ sản-
 sinh ra tôn giáo và làm cho con người
 bị « tha hóa ». Đúng hơn, hai hình-
 thức « tha hóa », tha hóa về xã-hội
 và tha hóa về tâm hồn đều ảnh hưởng
 lẫn nhau, nên đả phá xã-hội là đã phá
 tôn giáo. Do đó, « điểm độc nhất làm
 cho tôi xa cách Feuerbach là, theo ý tôi
 Feuerbach quá lưu tâm đến bản thể, mà
 ít nói đến chính trị » (Cornu, Karl
 Marx... p 248). Feuerbach « không biết
 « rằng thể giới hữu hình đang bao
 « phủ ông không phải là cái gì vốn
 « có đời đời và bất biến, mà trái lại
 « là sản phẩm của kỹ nghệ và tình-
 « trạng xã-hội, là kết quả, là sản-
 « phẩm của hành động các thể hệ nối
 « tiếp nhau trong bất cứ giai đoạn lịch-
 « sử nào : mỗi thể hệ dựa vào vai thể
 « hệ trước để tiến bước, để cải biến
 « trật tự xã-hội tùy nhu cầu đã được
 « đổi thay... Ông không bao giờ nghĩ
 « đến con người hoạt động, sống thực
 « sự, mà chỉ ngừng lại ở khái niệm
 « trừu-tượng... Ông không có một
 « cuộc phê bình nào về điều kiện sinh-
 « sống luận hữu... » (L'idéologie al-
 lemande, p. 161, 164.)

*
 * *

Feuerbach có thể trả lời Mác, như

xưa đã trả lời những thanh niên « hăng-
 hái muốn lôi cuốn ông vào hoạt động
 cách mạng : »

« Tôi chỉ chữa những bệnh liên hệ
 « đến đầu và tim. Tôi biết phần đông
 « đau nhất ở tỳ vị, và những gì không
 « giúp tuyệt trừ bệnh cốt yếu này đều
 « là vô ích. Phải chăng tác phẩm của
 « tôi cũng thuộc về loại vô ích kia ? Hỡi
 « ôi ! Đúng thế ! Nhưng không có
 « những bệnh tỳ vị mà căn nguyên ở
 « đầu mà ra hay sao ? Tôi đã định tâm
 « đương đầu với những bệnh đau đầu
 « và đau tim. Một khi đã quyết định,
 « lương tâm buộc ta phải theo quyết-định
 « đó và phải trung thành với chính mình.
 « » (Introduction à ses œuv-es. p. 49).

Chính Mác cũng công nhận lời Feuer-
 bach là đúng, khi viết : « Đối với các
 ông, (nhà thần học và triết học) không
 còn lối thoát nào đưa các ông đến
 tự do và chân lý ngoài Feuerbach
 (con sông lửa). Feuerbach là nơi luyện
 hình của thời đại chúng ta » (Luther
 arbitre entre Strauss et Feuerbach, dans
 Anekdoten, to. 2. p. 206.)

Đúng như lời của Ruge, muốn đạt
 đến « thiên đàng của Mác », phải qua
 « lửa luyện hình của Feuerbach », Dù
 không sáng lập chủ nghĩa Cộng - sản,
 Feuerbach quả là người cha thiêng-liêng
 của nhân bản vô thần.

NGUYỄN-ANH-LINH

Độc-tài với ghen tuông

Trong bài tựa cuốn « Technique du coup d'Etat » Curzio
 Malaparte, có viết câu :

— « Độc-tài là hình-thức hoàn bị nhất của tính ghen tuông ».

một quan-niệm y-học một phương pháp trị liệu

ĐẶNG-VĂN-HỒ

(Tiếp theo B.K. số 110)

ÁP DỤNG QUAN NIỆM VÀO BỆNH LÝ

Từ đầu bài, tôi vẫn đứng trong lý thuyết, bây giờ tôi bước qua địa-hạt thực-tế là khoa bệnh-lý.

Trong khoa này, Y-học đền nay vẫn như không chú ý đến trạng thái tinh thần của người bệnh. Nguyên do đã gây ra khuyết điểm này là « đầu óc dụng cụ » của Y-khoa (1). Chứ ai lại chẳng biết lúc bình thường, con người đã cần hai thứ điều kiện vật chất và tinh thần; thì lúc ốm đau người ấy chắc chắn còn cần như vậy hơn nữa. Lẽ ấy đã quá dĩ nhiên và điều đáng lạ là tại sao Y-học lại không hiểu như vậy được. Thề mới biết khi mình đã bị một xu

hướng có một vài chỗ sai lầm quyền rũ thì mình cũng bị mù quáng đi không ít. Cái xu hướng « tinh thần dụng cụ máy móc » càng nguy hại vì không mấy ai nghĩ tới nó, còn nói gì đến cái dở của nó. Thành ra chỉ có người vô tình đề ca tụng cái hay, cái tốt của nó mà không có ai nói đến cái dở của nó. Ta phải công nhận xu-hướng ấy có rất nhiều ưu-điểm và đã diu dắt Y-khoa đến trình-độ tiên bộ ngày nay, nhưng chẳng phải vì vậy mà ta không có quyền tô cáo cái dở của nó, huống chi cái dở ấy có khi đã làm hại người bệnh. Tôi sẽ đem ra một vài thí-dụ để chứng minh.

Sau những nhận xét tổng quát trên đây, tôi xin bàn đến khoa bệnh lý.

Trong các pho sách y khoa thuần túy hiện đại, người ta ít khi nói đến

(1) Ông Virchow, nhà y học Áo đại-tài đã ảnh hưởng rất nhiều về đường lối Tân y học, vì quan niệm y học của ông dựa trên khoa học Tế bào và vô tình đã đem đầu óc dụng cụ vào Tân y-khoa.

trạng thái tinh thần của người bệnh và nếu có nói thì cũng chỉ sơ qua, ngoại trừ trường hợp người ấy mắc chứng bệnh thần kinh thật sự. « Y khoa linh thể » đã điều chỉnh thiếu sót đó khi đặt mối liên quan giữa tâm thần và cơ thể. Riêng tôi, tôi nhận thấy trạng thái ấy rất rõ ràng và quan trọng trong nhiều chứng bệnh khác và tôi đã thay đổi cách trị liệu theo quan niệm này, nghĩa là tôi thêm vào cách trị liệu hiện hữu của Tây-Y một vị thuốc riêng biệt là thuốc rễ nhàu để bồi dưỡng thần kinh cho người bệnh và làm như vậy, tôi đã thấy cách trị liệu được mau lẹ, hoàn hảo chắc chắn hơn.

Bệnh Lao, bệnh Cùi, bệnh Ho gà, bệnh Colibacillose v. v... 4 thứ bệnh có vi-trùng và nhiều bệnh khác không vi-trùng như vài bệnh tim, bệnh bao tử, vài bệnh ruột (ruột dư kinh niên) bệnh gan kinh niên, nhiều bệnh ngoài da, đều ở trong trường hợp ấy.

Nhiều thứ bệnh không vi trùng mà nguyên do sâu xa là sự khủng hoảng thần kinh giao cảm sanh ra, như chứng dư máu, chứng glaucome kinh niên, chứng nghẹt mũi kinh niên, chứng trĩ, chứng tim đập mau hoặc không đều, chứng khó ngủ, vài trường hợp bệnh tê bại nửa mặt, nhiều bệnh thần kinh, như chứng hay sợ hãi, hốt hoảng, buồn rầu, tinh thần suy nhược, chứng lâm cảm của các người già, chứng con nít hay khóc, v. v... đều có thể trị bằng thuốc rễ nhàu một cách đầy đủ.

Trong những loại bệnh liên hệ đến sự động tác không điều hòa của nội tuyến hạch, như bệnh Basedow, nhiều bệnh về khí huyết đàn bà, bệnh liệt dương đàn ông, v. v... tôi thường dùng các chất óc-môn đặc hiệu cùng với thuốc rễ nhàu. Như vậy kết quả mỹ mãn hơn nhiều.

Để chú giải quan niệm, tôi xin lấy bệnh lao phổi và bệnh dư máu làm dẫn chứng.

Về phương-diện trình bày bệnh-thể của lao phổi, ta nên phân chia ra làm 3 loại triệu chứng :

1) Triệu chứng thuộc phạm-vi vi-trùng Koch :

— Sự hiện diện của vi-trùng Koch trong đờm. — Nhiệt độ lên — Đau tức trong phổi — Đàm nhiều, xanh, vàng, đặc — Tất cả những thương tích ở trong phổi, như phổi lũng, phổi ung, hư và có mủ lao (caséum), v. v...

2) Triệu chứng thuộc phạm-vi thần kinh giao cảm :

— Tính tình thay đổi, sanh ra lo ngại, buồn rầu, chán nản, ngủ khó, ăn mất ngon, da mét, tim hồi hộp, tay chân mệt mỏi, ban đêm ra mồ hôi trộm, khó thở, rang ngực v. v... và nhất là ho ra máu.

3) Triệu chứng hỗn hợp, do cả hai nguyên nhân trên phổi hợp mà gây nên :

— Ho, thiếu huyết cầu, mất cân, tất cả các dấu hiệu bất thường tìm thấy bằng quang tuyến « X » và tất

cả các triệu chứng tìm ra bằng phép nghe ngực thờ, phép gõ ngón tay vào ngực v. v. . .

Phân tách ra ba loại trạng thái như vậy mới là sát với thực tế của người bệnh và có thể áp dụng vào nhiều bệnh kinh niên khác có vi-trùng, như bệnh Cùi, bệnh colibacillose nặng, v. v. . .

Nếu tôi chỉ đề cập đến nguyên do tinh thần phụ giúp với vi trùng Koch gây ra bệnh lao phổi thì ta thấy con người sắp bị lao đã thường có những « mối tình buồn » (Laennec), những sự lo âu, tự bất mãn, làm quân trí họ và yếu nhược họ đi nhiều. Rồi lúc ông thấy thuốc cho họ hay là bệnh lao thì người ấy cố nhiên càng bị một cơn khủng hoảng tinh thần rất nặng nề. Vì vậy, tuy vết thương lao và vi-trùng chỉ ở trong phổi mà người bệnh lại khó ngủ, khó ăn, hồi hộp, buồn rầu, suy nhược, lo ngại, như mọi người xung quanh đều nhận thấy. Tình trạng ấy biểu lộ ra ngoài bằng những triệu chứng riêng biệt của sự thác loạn thần kinh giao cảm. Điều trị sự thác loạn ấy là điều trị tinh thần người bệnh và công việc ấy tuy không dính líu với công việc giải thoát cơ-thể khỏi sự công phá của vi-trùng Koch, song rất cần để người bệnh được phục hồi và chiến thắng vi-trùng.

Phân chia ra 3 loại trạng thái như vậy, y - khoa mới nhấn mạnh vào những quan-niệm y-khoa linh thể và thấy thuốc mới để ý đến một điểm rất đáng được chú ý.

Trạng thái tinh thần ấy hay sự hỗn loạn thần kinh giao cảm là yếu tố quan trọng có thể giúp cho y-khoa phân biệt được bệnh trạng nhẹ hay nặng của người lao này với người lao khác. Hơn nữa, trạng thái ấy càng rõ rệt khi xảy ra những biến chứng của bệnh, như trường hợp ra máu (hémoptysie) và y-khoa mới có phương pháp trị liệu và phòng ngừa những trường hợp biến chứng một cách hữu hiệu. Về điểm này, y-khoa từ trước đến nay chưa có một phương pháp nào để tiên đoán được sự chuyển biến của bệnh, nên như đã phó thác nó cho rủi may, hoặc là cho sự tiên đoán ấy là tùy thuộc cách hành nghề, hay hoặc dở, của mỗi ông thầy thuốc và là một tài linh mẫn riêng của mỗi ông.

Những lẽ trên đã thúc đẩy tôi dùng thuốc Rễ Nhàu vào bệnh Lao từ 3 năm nay và tôi cùng các bệnh nhân của tôi đều nhận thấy thuốc ấy đã cải tiến khoa trị liệu bệnh lao và biến chứng ra máu của bệnh này.

Đối với chúng tôi, chứng ra máu lao xảy ra khi cơ thể của bệnh nhân bị khủng hoảng quá độ, không chịu đựng nổi, cũng như một bờ đê vì không chịu nổi áp lực quá mạnh của nước lụt mà phải vỡ, nhỏ hay to tùy theo sức ấy và ra máu nhiều hay ít cũng tùy sự khủng hoảng kia. Tất nhiên, cách trị liệu trước hết là phải lập lại thăng bằng cơ - thể và bộ thần kinh giao cảm bằng thuốc Rễ Nhàu và như vậy là đủ trong nhiều trường hợp.

MỘT QUAN NIỆM — MỘT PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU

Chứng dư máu

Trong 2 bài thuyết trình về bệnh này đăng trong Y khoa Tập San Pháp (La Presse Médicale) năm 1954 và 1955, tôi đã viết rằng đa số chứng bệnh mà Y - khoa gọi là Dư Máu không nguyên cơ rõ (hypertensions essentielles) là do sự lệch lạc thần kinh giao cảm sanh ra. Sự lệch lạc ấy nếu tiếp diễn lâu ngày sẽ làm mất một thăng bằng trọng yếu của cơ-thể là áp-lực máu. Áp-lực này không duy trì được ở một độ nhất định, cứ dần dần lên cao thêm. Ấy là chứng dư máu. Rồi áp-lực máu càng lên cao thì sự khủng hoảng tinh thần giao cảm càng trở nên trầm trọng và như vậy một vòng lẩn quẩn đã xảy tới trong sự điều hòa cơ thể của người bệnh.

Chắc chắn là nguyên do đầu tiên là một trạng thái tinh thần không vững chắc, nếu không phải là hư hỏng, cho nên thần kinh giao cảm mới bị thác loạn rồi cơ-quan tuần hoàn cũng yếu ớt mới bị ảnh hưởng bởi thác loạn trên.

May thay là Tạo-Hóa đã đặt sẵn rất nhiều cơ-quan điều chỉnh và thích ứng trong cơ-thể, nhờ vậy mà người bệnh thường cầm cự được khá lâu với vòng lẩn quẩn rồi mới chịu thua và bị hà hiếp nặng nề. Ta phải đánh tan vòng luẩn quẩn ấy mới mong người bệnh được bình phục, nếu không nó sẽ siết chặt lại và sẽ tiêu hủy họ.

Cho nên điều kiện chính của phép trị liệu Dư Máu là phải lập lại thăng

bằng cho thần kinh giao cảm và như vậy là bổ túc cho tinh thần. Khi ấy áp-lực huyết sẽ dần dần xuống cho đến mức bình thường. Và nếu ta cứ giữ vững được thăng bằng thì không lẽ gì áp-lực huyết lại không đứng ở mức bình thường, mức bình thường đối với cơ thể mỗi người bệnh. Mức ấy có thể cao hay thấp tùy người và không có ý nghĩa tuyệt đối gì, miễn là nó đi đều và ăn nhịp đúng với các khả năng và đặc tính khác của cơ thể mỗi người. Tất nhiên như vậy, không một biến chứng nào xảy ra được và bệnh có thể được coi là hết tiền triển và đã ổn định.

Tôi đã hiểu tổng quát chứng dư máu như vậy sau khi đã dùng thuốc rễ nhàu cho rất nhiều bệnh nhân trong 8, 9 năm vừa qua, từ ngày tôi bắt đầu thí nghiệm thuốc ấy.

Thuốc rễ nhàu là gì ?

Cây Nhàu (Morinda Citrifolia) là một thứ cây thường mọc ở xứ ta. Nó giống cây cà-phê và cũng thuộc về loại Rubiacées. Trong thôn quê, nhất là vùng Sadéc, đồng bào ta dùng nó đã lâu để trị chứng đau lưng, nhứt mỏi, tê thấp và để bổ dưỡng đàn bà vừa sanh đẻ. Riêng tôi, tôi đã bắt đầu dùng nó để trị chứng dư máu từ năm 1952, sau khi được biết những đặc tính của thuốc ấy do một sự ngẫu nhiên như sau :

Một ông có danh vọng kể cho tôi nghe ông có một người bạn già đã uống thuốc rễ nhàu cốt để trị chứng nhứt mỏi. Ông bạn già ấy, sau một

thời gian uống thuốc, đã rất đổi ngạc nhiên, nhận thấy lành luôn cả chứng dư máu mà trước đó ông đã tồn nhiều tiền của trị bằng thuốc Tây và thuốc ta không hết. Từ ngày ấy đến nay, tôi có thể nói đã trị hàng ngàn bệnh dư máu bằng thuốc ấy và kết quả đều mỹ mãn nếu so sánh thuốc ấy với các thứ thuốc khác. Nhất là tôi đã nhận thấy rõ ràng thuốc rẽ nhàu là thứ thuốc duy nhất tránh cho người bệnh dư máu không mắc phải những biến chứng nguy hiểm của bệnh ấy.

Về chứng Dư Máu, nhiều nhà bác học ngoại quốc đã cộng tác nghiên cứu và trình bày nhiều dự án về thuốc Rẽ Nhàu đăng trong các báo y học ngoại quốc, cũng đã nhìn nhận tương tự như tôi.

Sau chứng Dư Máu, tôi đã dùng nó dần dần vào nhiều bệnh khác như bệnh tim đập mau, hổi hộp, đập không đều, bệnh khó ngủ, bệnh glau-come, bệnh nghẹt mũi, bệnh tê thấp, bệnh bại một nửa mặt, nhiều bệnh đàn bà kinh nguyệt không đều, bệnh liệt dương, bệnh ruột dư kinh niên, vài thứ bệnh tim (intretes) vài bệnh huyết quản, bệnh ho gà, bệnh bại trẻ con (polyomyélite) bệnh sốt rét kinh niên, bệnh cùi, và nhất là bệnh lao phổi.

Tôi đã nói lý do dùng thuốc Rẽ Nhàu vào các bệnh trên.

Tôi tóm tắt lại rằng các bệnh ấy đều có những triệu chứng thuộc về trạng thái thác loạn thần kinh giao cảm và thuốc Rẽ Nhàu rất thần diệu để

trị những thác loạn ấy và lập lại thăng bằng cho cơ thể người bệnh.

Về dược tính của thuốc Rẽ Nhàu, tôi đã nhờ nhiều công trình khảo cứu của các Dược-học-gia, như Giáo-sư Caujolle ở Faculté de Pharmacie de Toulouse, Giáo-sư Chauchard ở Đại-học đường Sorbonne, Paris, Giáo-sư Youngken ở College Of Pharmacy Messachusset, Giáo-sư Ikeda ở Institut national d'hygiène, Tokyo và nhiều nhà bác-học khác giúp sức.

Những dược tính chính của thuốc Rẽ Nhàu đã được công nhận như sau :

- Nhuận trường rõ rệt và bền bỉ.
- Lợi tiểu tiện vừa phải.
- Êm dịu thần kinh rõ rệt, bớt sự căng thẳng thần kinh giao cảm và làm thông dãn bộ phận ấy.
- Hạ áp lực máu một cách bền bỉ nhờ tinh chất Morindine,
- Rất hiền (không công phạt)
- Không nghiện và không lờn.

Về phần tôi, sau nhiều lần quan sát trực tiếp trên người bệnh, tôi còn khám phá ra một vài dược tính rất đặc biệt của thuốc rẽ nhàu. Nó đem lại cho người bệnh một trạng thái hoan hỉ, vui tươi, yêu đời, vui sống và một tinh thần sáng suốt, tỉnh táo hơn nhiều. Dược tính này rất là quan trọng và rất hiếm có. Như vậy, ưu điểm của thuốc rất nhiều và ta không hề thấy một nhược điểm ở đâu cả. Nhưng biết đâu y-học sau này lại không tìm kiếm ra một dược phẩm còn thần diệu hơn nữa? Sự quan

trọng của thuốc Rễ Nhàu là đã vạch ra một con đường cho tương lai, hay là đúng hơn, nó đã buộc y học không được quên lãng nhiều vị thuốc xưa để lại, như tisane des Chartreuses chẳng hạn, nhiều thuốc mới hơn như Extrait d'artichaut và nhiều thứ tisanes khác. Trong kho tàng Đông Y cũng có nhiều thuốc rất đáng chú ý. Y khoa tân tiến nên khảo cứu lại nhiều môn thuốc gia-truyền và cổ-diễn chắc không phải là một việc vô ích vậy.

Riêng về thuốc Rễ Nhàu, tôi thấy nó có đủ đặc tính để áp dụng vào y khoa linh thể cải cách lại như tôi đã trình bày. Nó sẽ giúp cho trí tuệ người bệnh được sáng suốt hơn, nó cải tạo lại tư tưởng họ, giúp họ vui sống, mang lại một trạng thái bình thân và tự mãn rất bổ ích để hồi-phục và giữ gìn sức khỏe.

Tuy vậy, tôi không phủ nhận ích-lợi của các phương pháp trị liệu cũ của y khoa linh thể, không cho nó là hoàn toàn lỗi thời, nhưng tôi tin chắc thuốc Rễ Nhàu là một bước đầu rất quan trọng cho sự cải tiến những phương pháp ấy và nhiều khi một mình nó có thể đã đầy đủ.

Tôi còn thấy ngoài thuốc men, có nhiều cách khác để tạo cảm giác « tự mãn » và nhất là để duy trì và bổ túc, khi cần, cảm giác quý báu ấy. Chẳng hạn, các môn thể thao mình ưa thích thật sự điều rất nên chơi. Đó là một cách giải trí rất lành mạnh để nuôi dưỡng cảm giác tự mãn và duy trì thăng bằng cơ thể.

Những ngày nghỉ, thanh thoi trong những nơi yên tĩnh, thắng cảnh, xa cách và khác biệt với đời sống nhộn nhịp thường ngày của ta ở thành-phố cũng là một phương pháp hữu hiệu để giữ vững cảm giác « tự mãn » và thăng bằng của dinh dưỡng thần kinh.

Một yếu tố quan trọng là sự sinh hoạt hàng ngày phải đầy đủ và vui sướng. Tuy nhiên, không phải chỉ những hạng người nhà cao cửa rộng, những kẻ quyền quý mới có được mức sinh hoạt như vậy mà cả đến những giới cần lao cũng có thể có được nếu họ biết sống giản dị và lành mạnh theo hoàn cảnh riêng. Tôi không bàn nhiều về vấn đề này, tôi chỉ nói thêm là nghề nghiệp phải thích hợp với khả năng và tính tình riêng của mỗi người.

Kết Luận

Trước khi kết luận bài này, tôi phải đem ra vài thí-dụ để chứng minh cho quan niệm y học này.

Cách đây gần 3 năm, một bà lão 70 tuổi, người Trung-Hoa vào bậc khá giả ở Chợ-lớn có mời tôi lại nhà để chữa bệnh. Bà ta bị chứng Dư Máu và bệnh Colibacillose từ hồi hai năm và đã trị theo lời Tây Y mãi không lành. Hai tháng sau cùng bà ta trở qua thuốc Bắc cũng đều vô ích. Người bà gầy ốm (30 kí) xanh xao, kiệt nhược, gần như không cựa cựa nổi. Khi mời tôi, bà ta đã liệt giường được 10 ngày và chỉ còn ăn mỗi ngày chừng vài muỗng cháo. Tuy

vậy, áp lực huyết của bà vẫn cao (10/21) tim đập 130 nhịp mỗi phút, tiểu tiện rất ít, ngủ như không được chút nào, tinh thần kiệt quệ. Tôi hỏi tường tận lại thì biết bà đau liên miên từ 6, 7 năm nay, từ bệnh này qua chứng khác, đau tim, bao tử, ruột gan, mật, thận, thần kinh rồi dư máu. Bà từ 50 kí đã xuống 30 kí. Tôi đã áp dụng cách trị liệu của tôi và sau 3 tháng bà đã cân lên 6 kí, đã ra vô được đến phòng mạch tôi với tinh thần khác hẳn. Sau một năm bà nặng thêm cả thấy 10 kí và tự cho là đã bình phục hoàn toàn. Đến nay bà vẫn bình an và vẫn uống thuốc Rễ Nhàu.

Một người đàn ông khác 50 tuổi, một tiểu công chức di cư, tính tình hay lo, hay buồn, một hôm cách đây chừng 3 năm, bị kém sức, mình mẩy mệt mỏi. Ông đến một ông Tây - Y nhờ cho thuốc. Bệnh không bớt lại còn nặng thêm và sau 2 tháng, ông phải vào nằm bệnh viện. Hình như là yếu tim, mệt não, và điều lạ là cả hai tay đều bị bại, không cử động được, còn 2 chân lại không sao. (Syndrome hystérique?). Ông ta nằm bệnh viện gần một năm mới cử động lại tay được và ra nhà thương. Ông trở về sở làm việc nhẹ nhưng người mệt và 2 chân lại rất yếu, ông lại phải kiểm thấy. Từ đây, thấy này cho là đau huyết quản thấy khác cho là bệnh thần kinh, bệnh đau gan, bệnh tê phù, bệnh tim và sau cùng là bệnh Dư Máu. Trong hai năm, hết thuốc này qua thuốc khác mà bệnh vẫn không giảm. Gia-đình sa sút, tinh

thần chán nản, ông đã nhiều lần định tự tử cho xong. Trong tình trạng ấy, một người bạn của ông ta đã khuyên ông ta nên đến tôi. Tôi chẩn mạch kỹ càng thì chỉ thấy ông có Dư Máu (10/18) và rất nhiều triệu chứng trầm trọng, của trạng thái hỗn loạn thần kinh giao cảm. Sau những lời an ủi và khuyên bảo thường tình, tôi chỉ cho ông uống thuốc Rễ Nhàu và dặn trở lại tôi sau độ 20 ngày uống thuốc.

Nhưng mới được 10 ngày, ông đã trở lại phòng mạch và mừng rỡ cho tôi hay bệnh ông đã giảm nhiều, tinh thần khá hẳn, hết nhức mỏi, ngủ được, ăn được, trí não tỉnh táo và hết cả những ý nghĩ đen tối trước ngày đến tôi.

Thí dụ thứ ba là một em nhỏ 5 tuổi. Khi nó vào phòng mạch tôi lần đầu, thật là một bộ xương bọc da ghê sợ, xanh xao vàng vọt. Tôi chưa bao giờ thấy một đứa bé gầy ốm đến thế, da mặt nhăn nheo, đầu trụi tóc, má hóp đến xương, nó kêu khóc, rên rĩ suốt ngày đêm. Nó đau đã mấy năm trời, uống thuốc đã nhiều nơi. Tôi coi bệnh thì biết nó có triệu chứng lao phổi nhẹ và nhất là triệu chứng hỗn loạn thần kinh. Tôi áp dụng lễ lối trị liệu của tôi cho em bé, nghĩa là vừa dùng Streptomycine, INH, Vitamine với thuốc Rễ - Nhàu. Tuần đầu nó đã bắt đầu ngủ được, ăn hơn và cười chứ không khóc nữa. Rồi mỗi tuần mỗi khá thêm, hết 4 tháng nó đã nặng thêm 4 kí — (lúc ấy nó cân 10 kí). Một năm sau nó

MỘT QUAN NIỆM — MỘT PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU

nặng 13 kí và tôi sung sướng thấy nó in hết một đĩa trẻ khỏe mạnh khác.

Tôi đã trị với kết quả gần tương tự như ba thí dụ kể trên có lẽ hàng trăm người bệnh, đàn ông, đàn bà, già và trẻ, những người bệnh mà tôi tin chắc là nạn nhân một phần vì thuốc men quá tàn bạo ngày nay và một phần vì tinh thần máy móc của y - giới. Trong các trường hợp ấy, tôi đã chú trọng về mặt tinh thần và cảm giác của bệnh nhân và tôi nghĩ đó là nguyên do giúp cho bệnh hồi phục.

Trong bài này, tôi đã trình bày một quan niệm y học mới mẻ về nhiều phương diện :

1) Một cách trình bày khoa bệnh lý sửa đổi lại cho hợp với thực trạng của bệnh nhân, gồm có 3 trạng thái, trong đó có trạng thái tinh thần.

2) Ý niệm rõ ràng sự quan trọng của trạng thái tinh thần trong bệnh hoạn vì nó giúp cho phương pháp trị liệu Tây Y mau lẹ và hoàn hảo hơn trước.

3) Nhờ sự sưu tầm trạng thái tinh thần, y học mới đặt ra một phương pháp chắc chắn để tiên đoán được mọi tiến triển và biến chuyển của bệnh.

4) Cũng như thế, y khoa mới có phương pháp phòng ngừa và trị liệu các biến chứng.

5) Xác nhận rằng các triệu chứng hỗn loạn thần kinh giao cảm (dystonies neuro - végétatives) là biểu hiệu cho sự thác loạn tinh thần.

6) Cải cách và giản dị hóa y khoa linh thể để áp dụng nó dễ dàng và hiệu nghiệm vào bệnh nhân.

Tôi thiết tưởng đã trình bày một quan niệm và có lẽ là một lý thuyết để bổ túc vào y khoa. Tất nhiên công việc mới bắt đầu còn thô sơ và thiếu sót nhiều, tôi ước mong y giới sẽ chú ý đến vấn đề và giúp thêm ý kiến vào mọi mặt. Tôi vẫn biết vấn đề y-học là một vấn đề phức tạp và tiến triển không ngừng như nhân loại, và con người, với tất cả thiện chí và sáng kiến, chỉ có thể giải quyết tạm thời một phần nào thôi. Tôi ước mong y giới, đứng trước những thành tích rực rỡ của y khoa hiện đại, chớ nên quá mãn nguyện mà biết sửa đổi một vài thói quen, một vài lạm dụng không chính đáng, đừng tin tưởng quá nhiều vào thuốc hóa học nhân tạo, vào kỹ thuật giải phẫu, kỹ thuật phòng thí nghiệm mà khinh rẻ những thứ thuốc thảo mộc Tạo Hóa và nhất là chớ cho con người chỉ là một thứ động cơ.

Bác-Sĩ Đặng-Văn-Hồ

Muốn được việc

Bà Simone nói :

— « Muốn cho đàn ông nghe theo mình thì phải biết nói ;
muốn cho đàn bà nghe theo mình thì phải biết nín ».

THỜI NGỜ VỰC

hay quan điểm về tiểu thuyết

theo Nathalie Sarraute

HOÀNG-THÁI-LINH

Nathalie
Sarraute



MỘT bể cá vàng. Nhìn xa, trông thấy đàn cá xinh đẹp, đủ màu ngoi lượn uyển chuyển, nhẹ nhàng. Con đang ngoi lặn dưới nước, con đang ngóc đầu lên mặt nước đớp bọt, kế tiếp nhau, tránh nhau như thể chúng dự một cuộc biểu

N. Sarraute, sinh quán ở Nga, đến trú ngụ ở Paris từ lúc 5 tuổi. Sau khi thi xong cử nhân luật và văn chương, đi Oxford một năm và gia nhập luật sư đoàn ở Paris cho đến năm 1939.

Đã xuất bản :

- *Tropismes* 1939, tái bản 1957 (E. de Minuit).
- *Portrait d'un inconnu* (tiểu thuyết) 1947 - tái bản 1956 (Gallimard).
- *Martereau* (tiểu thuyết) 1953 (Gallimard).
- *Le planétarium* (tiểu thuyết) 1959 (Gallimard).
- *L'ère du soupçon* (cảo luận về tiểu thuyết) 1956 (Gallimard).

diễn mà những tác động vận chuyển đều được xếp đặt, hòa hợp. Nhưng đến gần, nhìn sát vào mặt kính bể cá, sự thực thấy khác hẳn. Cá bơi lặn lung tung trong một khối nước vẫn đục. Trên mặt bể, những gợn sóng do cá vẫy va chạm nhau tan vỡ hỗn loạn. Trong nước, bụi đất bần, rong rêu, vì sinh vật quay cuồng theo những đường đi của cá. Tất cả chỉ là những kích động và phản-ứng do tiếng động, ánh sáng, và va chạm nhau. Bể cá vàng hình ảnh thế giới con người, thế giới của tôi, anh, chúng ta. Ngoài mặt, hình như chúng ta đi lại, ăn nói, tiếp xúc với nhau theo những lễ-nghi, ước lệ được qui định hợp tình hợp lý. Ngay cả đời sống cảm xúc và tư-tưởng, chúng ta cũng cảm xúc, tư-tưởng theo

những tình tự và khái niệm, phạm trù đã được kết đúc sẵn do hàng nghìn năm văn hóa, văn minh trước đây.

Cái gì cũng có khuôn khổ, mẫu mực cả. Từ tình cảm, suy tưởng, tính tình phong tục, ước vọng cấu tạo con người của ta đến ngôn ngữ, văn từ là những cách thể biểu lộ những yếu tố cấu tạo trên; làm sao có thể sống được nếu thiếu những nề nếp sẵn có đó?

Nhưng nhìn vào bên trong cái vẻ bề ngoài rõ ràng, hợp lý, đều hòa kia, sự thực cũng thấy khác hẳn. Một việc làm, một lời nói, bề ngoài xem ra như được ý-thức, quyết định một cách hợp lý, nhằm một chủ đích rõ rệt, theo những tiêu chuẩn luận lý, tâm lý, đạo đức, xác đáng, nhưng kỳ thực bị qui định bởi những kích thích, phản ứng sơ khai có tính cách bản năng, sinh lý mà chính đương sự đôi khi cũng không nhận thấy vì những kích thích phản ứng đó rất tinh vi, kín đáo, ẩn núp trong bóng tối của tiềm thức. Người ta thường chỉ sống và ưa sống trong cái bề ngoài của đời sống xã hội đã được qui định. Nhưng trở vào bên trong đời sống đó, phạm vi những cái mà Nathalie Sarraute gọi là « hướng động tính » (tropisme) (1) mọi sự đều trở thành lu mờ, vô định, không còn phân biệt có lý và vô lý, hay giới hạn giữa chủ-thể và khách thể, giữa tôi và ta. Người vật, danh

từ mất cá tính rõ rệt và tan biến vào trong một trạng thái hỗn độn những giảng co, va chạm sơ giản, vô ngã.

Hai mặt, hai thế giới. Do đó cũng có hai văn-chương diễn tả. Những nhà văn cổ điển thường nhằm thể hiện cái thế-giới bí mật chứa đựng đầy những ý nghĩa tâm lý, luân lý, rõ rệt. Các nhà văn hiện đại như Nathalie Sarraute, Alain Robbe-Grillet Michel Butor v.v... ngược lại coi thế giới sơ khai, tiên-luận, mới là lãnh vực khai thác, mô tả của tiểu thuyết. Trong quan điểm cổ điển, con người xuất hiện như một vật có thể có những khuynh hướng đức tính này, hay khuynh hướng nết xấu kia, và những khuynh hướng, đức tính nết xấu đó đều có tên gọi được xác định đầy đủ nhiều ít nhưng dù sao vẫn rõ ràng và phân biệt với nhau được.

Ví dụ nhà tiểu thuyết mô tả một nhân vật ghen tương chẳng hạn. Khi bắt đầu mô tả, người đọc nhận ra ngay đó là ghen, chứ không phải là cái gì khác; rồi từ đấy người đọc có thể theo dõi sự diễn tiến của tính ghen đó, lúc mới thành hình và dần dần qua từng giai đoạn, tính ghen đạt tới mức độ tuyệt đỉnh của nó. Sự phân tích nhằm mô tả những đặc điểm, yếu tố của ghen qua những sự việc, ý nghĩ của nhân vật, hơn nữa trình bày cả những nguyên nhân, hoàn cảnh gây nên ghen tương và sau cùng những hậu quả của nó. Trái lại, Nathalie Sarraute nhằm lãnh hội đời sống tâm lý, sự ghen tương *trước khi* chúng trở thành một tình cảm, một *thái độ*, một *hoàn cảnh* có thể xác định, gọi tên được. Nói cách khác, nhà văn mô tả một tình cảm, một đời sống chưa có tên tuổi; đã hẳn chưa có tên tuổi không phải là *không có*; nó có, chỉ chưa xác định

(1) *Hướng-động-tính* (tropisme): danh từ sinh-thực-vật học chỉ thị một đặc tính của sinh vật hay thực vật phản ứng lại những kích-động của môi trường bao bọc chúng như ánh sáng, dòng điện, trọng lực v.v... Những phản ứng đó biểu lộ bằng những cử động hoặc hướng về nguồn năng lực kích động hoặc hướng ngược chiều lại. Ví dụ, có những loại cây mọc thân nghiêng về phía có ánh sáng hay nhiều sinh vật bị lôi cuốn về hướng có ánh đèn.

được rõ ràng thôi. Đó là cuộc sống còn ở bên này ý thức, ý-chí, tự do, nghĩa là chưa biến thành những hiện tượng tâm lý, những thái độ luân lý được qui định theo ước lệ sẵn có. Đó mới chỉ là những cử động lôi kéo và rút lại, những phản ứng, xô đẩy bởi những kích-thích, những hướng động tính » của những con người hầu như vật (quasi-bête). Nhìn một người, hãy chú ý tới vết răn trên má biểu lộ sự *căng thẳng* của một bắp thịt, hãy chỉ ghi lại những hình ảnh, cảm xúc, ước muốn thực sự trong những lời nói có vẻ mạch lạc, hữu lý, hay những gì thực sự chỉ là hình thức, máy móc, giả tạo trong thái độ cử chỉ có vẻ « nhân loại » của họ. Kết quả là ta chỉ còn thấy, không phải những nhân vật có tên tuổi, tính tình riêng biệt trong một hoàn cảnh riêng biệt, nhưng là những cá nhân vô danh, vô ngã chìm đắm trong một môi trường hỗn hợp phức tạp, cũng vô danh, vô ngã.

Con người tổng số những hướng động tính (tropismes) là nhân vật tiểu thuyết của Nathalie Sarraute. Nói cho đúng, không còn hẳn là *nhân vật* theo nghĩa của tiểu thuyết cổ điển, vì nhân vật của N. Sarraute không có tên, hay tính tình rõ rệt cũng như nhân vật của Kafka chỉ là K. nghĩa là ai cũng được, một người nào đó. Cho nên tiểu thuyết của N. Sarraute là một phủ nhận nhân vật. Chính vì thế mà trong bài giới thiệu cuốn « Portrait d'un inconnu » của N. Sarraute, Sartre đã gọi thứ tiểu thuyết đó là chống-tiểu thuyết (anti-roman) : « Những tiểu thuyết chống tiểu thuyết vẫn giữ cái vẻ bề ngoài của tiểu thuyết ; đó là những tác phẩm tưởng tượng trình bày với chúng ta những nhân vật tưởng tượng và kể về câu chuyện của họ. Nhưng

chỉ là để làm cho ta thất vọng hơn thôi : vấn đề là muốn lấy tiểu thuyết chống đối tiểu thuyết, là muốn tiêu diệt tiểu thuyết dưới con mắt ta, và trong lúc bình như người ta muốn xây dựng nó chính lại là muốn viết tiểu-thuyết của một tiểu thuyết không thành được, hay không thể có được. . » (trang 7).

Tại sao những nhà văn mới lại phủ nhận nhân vật ? Vì họ hoài nghi những hình ảnh, viễn tượng, lối nhìn về con người, cuộc đời có sẵn, ai ai cũng công nhận như những qui ước hiển nhiên, rõ ràng. Họ không tin những lẽ luật của cái xã hội bề mặt là chân thực, là có thể có được. Họ bước vào một thời kỳ mà Nathalie Sarraute gọi là « Thời ngờ vực » Và họ cầm bút viết không phải trên niềm tin ở một trật tự, một nhận thức chắc chắn, đúng thực, nhưng khi sự hiểu biết về người và cuộc đời hầu như không thể có được, khi không còn tin vào khả năng diễn tả thực tại của ngôn ngữ trong văn từ. Như thế tiểu thuyết không phải là mô tả một xã hội, hay một góc cạnh của xã hội mà những tương quan giữa người với người được thiết lập trong Chân lý, giao ngộ đích thực, nhưng là mô tả một xã hội *trước khi* những tương quan đích thực kia thành hình, và *trong* sự ngờ vực tính cách đích thực của những tương quan đó.

« Thời ngờ vực » là tên một tập khảo luận về tiểu thuyết của Nathalie Sarraute. Ngày nay là thời kỳ không những nhà viết tiểu thuyết mà cả người đọc tiểu thuyết đều không còn muốn tin những nhân vật của cuốn truyện, và do đó không muốn tin luôn cả *câu chuyện* được kể về các nhân vật trong tiểu thuyết, vì một lý do giản dị là không có nhân vật thực.

THỜI NGỜ VỰC

Trong những tiểu thuyết cổ điển bắt đầu từ Balzac, nhân vật là một sự phong phú của tác phẩm. Không còn thiếu gì : từ những vật trang điểm, đồ dùng lật vạt đến những chi tiết về thân thể, mặt mũi áo quần và nhất là tính tình tập quán. Tất cả đều được trình bày ra để tô điểm cho nhân vật chính để làm cho nó nổi bật lên. Trong tiểu thuyết mới, nhân vật chỉ còn là một cái « tôi » vô danh, vô định, đôi khi không có ngay cả một tên gọi, cái tên vẫn thường dùng để xác định một người như một cá thể, một nhân vật khác với người khác bằng lối sống, tính tình, tập quán, hình thể v.v...

« Chính vì thế mà nhân vật ngày nay chỉ là cái bóng của chính nó ; thật là vì bất buộc mà nhà văn phải dành cho nhân vật những gì có thể làm cho người ta dễ nhận được ra nó : vẻ bề ngoài, cử chỉ, hành động, cảm giác, tình cảm thông thường, đã được nghiên cứu và biết đến từ lâu, tất cả những cái đó làm cho nhân vật có một cái vẻ sống và làm cho độc giả dễ dàng lãnh hội nó.

Ngay cả cái tên cần thiết phải đặt cho nhân vật cũng là một ép gượng đối với tác - giả. Gide tránh đặt cho nhân vật những tên họ có thể đặt ngay chúng vào trong một vũ trụ quá giống với vũ trụ của độc giả, và ông chọn những tên gọi ít thông thường. Nhân vật của Kafka chỉ có tên là chữ K mà thôi. » (L'ère du Soupçon trang 72).

Cũng như trong « Tiếng động và sự giận dữ » của Faulkner, tác - giả đã dùng một tên gọi cho hai nhân vật khác nhau. Quentin vừa là tên gọi của chú, vừa là tên của cháu gái.

Trong những tiểu-thuyết của N. Sarraute, không có một nhân vật nào được mô tả như thoát khỏi tính cách vô danh và hoàn cảnh tầm thường : tôi, anh, nó, chúng ta... không có gì là đặc biệt, quan trọng ; khác thường. Trong cuốn « Tropisme », ta không thấy những cá nhân, cũng không thấy ngay cả hạng, lớp người, nhưng là đàn người có tính cách sinh vật, ở cái thế giới « người ta » vô ngã, vật vờ, sơ khai.

Trong cuốn « Portrait d'un inconnu » cũng tìm thấy cùng một viễn tượng về nhân vật. Không có một « người thực » đằng sau các nhân vật. Bỏ những mặt nạ, bóc trần những danh từ, người ta sẽ tìm thấy một đời sống khác đời sống bề mặt : cái đời sống đồng lõa với chính mình, gây cản với người khác, thô thiển, sơ khai. Jacques Howlett khi phê bình cuốn Portrait d'un Inconnu đã ví thái độ của những nhân vật của N. Sarraute như thái độ của con nhện ở giữa màng nhện rình mồi, hay con bướm đập vẫy hoảng hốt trong ánh sáng chói lòa của đèn pha. N. Sarraute bày tỏ hai bình diện của cuộc đời : cuộc đời bề mặt của những danh từ rỗng, ước định, và cuộc đời bên dưới gồm những cử động sinh vật (mouvements protoplasmiques) hai bình diện cuộc đời không thực và vô danh. Trong cuốn truyện sau cùng « Le planetarium » cũng vẫn một quan điểm về nhân vật. Không biết ai là nhân vật chính nhân vật phụ. Nói cho đúng, nhân vật nào cũng có thể vừa chính, vừa là phụ. Chính với những người này, ở trong hoàn cảnh này và trở thành phụ với những người kia, ở hoàn cảnh kia.

Với một dụng ý mô tả như thế, người đọc nếu không biết, sẽ rất chán nản, lạc lõng. Hơn nữa, dù hiểu biết ý định đó đi nữa, độc giả cũng không thấy được an ủi gì, vì tiểu thuyết không còn đem đến cho người đọc một an nhàn, dễ dãi, một nghỉ ngơi trong những rung động chung, thông thường. Trái lại, tác giả bắt buộc người đọc đi vào kế hoạch và dự định của họ, theo những tên chỉ, dấu hiệu lạ lùng đặc biệt do chính tác giả tạo dựng lên trên đường. Tiểu thuyết không còn là một giải trí nhưng là một kiểm thảo, bằng cách trở về với cuộc đời sơ khai nguyên ủy, phải chăng là « chất liệu » đích thực của con người ? Do đó, đọc tiểu thuyết không còn phải là thông cảm với những

nhân vật sống động, với những cốt chuyện ly kỳ, nhưng là thực hiện một Luyện tập khắc-kỷ trí thức bằng cách gạt bỏ những tập quán cảm xúc suy nghĩ thông thường để tìm hiểu một thực tại không quyến rũ cũng không kinh khiếp, một thực tại chưa có ý nghĩa đẹp xấu, nhưng có thực, và phải chăng, đó là thực tại con người ?

HOÀNG-THÁI-LINH

ĐÍNH CHÁNH

Bách Khoa số 109, mục *Phỏng vấn*, phần tiểu sử *Linh Bảo* ; về họ của tác giả « Tàu ngựa cũ », thay vì *Nguyễn*, xin sửa lại *Võ*, *Võ-Thị-Diện-Viên*.

BẠN ĐỌC : « MAI »

TẬP - CHÍ XÂY DỰNG XÃ-HỘI VÀ VĂN-NGHỆ
RA NGÀY 10 VÀ 25 MỖI THÁNG

Chủ- Nhiệm : HOÀNG - MINH - TUYNH

Tòa soạn : 86, Nguyễn-Du — SAIGON

Với những mục :

Chính-Trị, Kinh-Tế, Văn-Nghệ, Nhìn sang nước ngoài, Phỏng-Vấn, Điểm người điểm việc, Tin văn, Tin khoa-học, Câu chuyện phụ nữ, Hạnh phúc chính nơi bạn...

Do sự cộng tác thường xuyên của các bạn :

Quang-Hải, Phạm-Hoàng, Minh-Nhật, Khánh-Trang, Vân-Trang, Bùi-Giáng, Mộng-Trung, Phương-Thảo, Thạch-Hà, Minh-Khiết, Cô-Liêu, Xuân-Tùng, Trần-văn-Khê, Nguyễn-Ngu-Í, V. H., V. Đ. L., Lưu-Ly-Thảo, Hoàng-Viên-Ngư, Nguyễn-trần-Huân, Ngê-Bá-Lí. . ,

LỮ - HOÀNG minh họa.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

VIII. — THÚ XEM TRANH THỂ HIỆN VÀ TRỪU-TƯỢNG

ĐOÀN-THÊM



Phong cảnh — Paysage của André Lhote.

LỊCH - sử hội - họa, cũng như văn-chương, là cuộc tiếp-diễn không ngừng của mọi trào-lưu tương-phản. Sau sự đổi-lập giữa các họa - phái Thể-Hiện, đến sự mâu-thuẫn giữa các nhóm Trừu-Tượng, rồi sự xung-đột dằng dai chưa dứt giữa Trừu-Tượng và Thể-Hiện.

Cọ xát chồng chọi là một điều-kiện tiên - hóa, một trạng-thái hoạt-

động của những người dò đường sáng tác. Theo dõi họ, tôi thú thực nhiều lần cũng thấy hoang-mang : sư nói cũng phải, vãi nói cũng hay, và ưa hay không ưa một sò tranh, tôi chẳng dám khen chê vì ngại lắm, hoặc e bị chê cười là lạc-hậu hay hiểu-kỳ.

Song tôi đã thoát khỏi tâm-trạng đó vì nhớ lại mục - đích kẻ xem

THỬ TÌM HIỂU HỘI HỌA

tranh : muốn thưởng thức, tôi phải cứu xét các kỹ-thuật một cách khách-quan, nhưng sau đó, ai cầm tôi lựa chọn theo tình cảm ? Tìm hiểu để học hỏi, nhưng còn tìm vui thú, vậy tốt hơn cả, là quên bớt các lý-thuyết, cứ thành-thực trở lại với chính mình, và tôi chỉ gạt bỏ vì thành-kiến, a-dua, hay lập - trường cứng nhắc, nếu quả thật tôi thích mọi vẻ đẹp, dù của Thê-Hiện cũ hay Trừu-Tượng mới ? Vì tôi thấy mỗi ngành, mỗi nhóm, mỗi loại tranh, đều có thể thỏa mãn tôi về một vài phương-diện nhờ những đặc-sắc mà nhiều thê - hệ đã từng tán thưởng, hoặc do sự thích - ứng với những nhu-cầu riêng trong [nhiều trường-hợp khác nhau.

Tôi đã đi tới sự nhận-thức này, sau khi tạm gác các thiên đại-luận, và ngắm đi ngắm lại tất cả các tranh có thể tìm được trong các bộ sách, ở các phòng triển-lãm, hoặc đôi khi ở các viện bảo-tàng ngoại-quốc mà tôi



Thiếu phụ và hoa

*La Dame aux Pensées của họa sỹ
vô danh thế kỷ thứ XV.*

có dịp qua thăm. Chẳng biết tôi đã phân biệt được các chân-giá nghệ-thuật chưa, song có lẽ trong cuộc lãng-du vào thê-giới hội-họa, ít nhất cũng thăm dò được rõ hơn những khuynh-hướng lơ mơ của tôi và của những người thân, nghĩa là của những tâm-hồn phạm-nhân.

* *

Nếu không tự kiểm soát lại, tôi đã tự dối nhiều khi mà chẳng biết. Trước kia, có bạn hỏi tôi về tranh của Bruegel, tôi đã vội khen lầy khen để : thực ra chỉ



*Ngày hội — Carême et Carnaval
1559 — của Bruegel*

vì ở vài cuốn sách, họa-sỹ này được tán-dương, chớ nay ngắm lại, tôi chẳng ưa như đã tưởng. Khác nào hồi còn đi học, tôi nhận Cung-Oán Ngâm-Khúc là kiệt-tác, bởi thầy nhiều người tâm tặc ngâm nga, rồi sau có dịp đọc lại, tôi mới rõ mình không thích, nhưng đâu dám nói ra, còn e bị chê là dốt.

Về hội-họa, tôi đã được nhiều nhà phê-bình chỉ dẫn : nhưng chính vì lý-do đó mà càng phải đề phòng, và cần phân biệt xem tôi chịu ảnh-hưởng của những thức-giả có uy-tín, hay là mền chuộng thật. André Lhote đã không ngớt lời khen tranh mỹ-nhân « La Dame aux Pensées » ; những đường cong nở như cánh hoa, khuôn mặt trái xoan như sau chiếc đàn « lyre », các góc cạnh ở khăn và áo đòi lại đề chề hóa những tròn cong uyển chuyển, kỹ - thuật thật tuyệt-xảo, chúng ta vô cùng thích thú... (1) Hình như nhà danh - họa kiêm phê-bình, nói hơi quá : tôi ngắm mãi chưa thấy mê say, mặc dầu tôi phải chịu khi ông cắt nghĩa về sự giao ứng của các đường "nét, một qui-lệ mà tôi không phủ nhận. Tìm hiểu, thì tôi được toại nguyện, nhưng tìm

đẹp, tôi phải quả quyết là không thấy ở bức này cũng như ở nhiều họa-phẩm khác về các thế-kỷ xa xôi XIV, XV...

Nhưng hiểu biết hơn chẳng thú hay sao ? Cũng thú, song thú đó cao và lạnh, thuộc phạm-vi trí-thức, không phải vì họa-phẩm hoặc họa-sỹ, nhưng ở sự tự-đắc của khán-giả thấy mình đã khám phá nổi những bí-quyết nghệ-thuật : một tâm-trạng tương-tự như của cậu học-sinh làm nổi bài toán khó, chớ đâu phải say sưa về những con số khô khan ? Lý hội được các yếu-tố thể-hiện, sử dụng để phân tích bức tranh, chỉ là điều-kiện khách-quan cần được sự bổ-túc hay thỏa-hiệp của các xúc-động sâu xa thắm kín ở đáy lòng cá-nhân, mới đi tới thưởng thức (vừa *thức*, vừa *thưởng*.)

Khi ngắm tranh cũng như đọc thơ, thường thường đa-sô ưa thích trước, rồi mới chịu tìm hiểu sau.

Ngó qua một vài đoạn, nếu bắt gặp được ngay những ý tình hoặc chữ gì gợi cảm-tưởng tốt, độc-giả cho là đáng đọc mới dò kỹ xem « hay » về phương-diện chi và ở điểm nào. Truyện Kiều được ca ngợi bao năm rồi, về sau này các nhà tân-học theo phương pháp Âu Tây mới thi nhau mổ xẻ và khám phá nhiều vẻ đẹp mà thế-hệ cũ theo trực-giác chưa phôi bày được rõ.

Đòi với họa-phẩm cũng vậy. Giờ một cuốn sách nói về Vlaminck hay Renoir, tôi lướt thoáng một loạt tranh, dừng mắt ở những bức « thấy thịnh

(1) « Puisque nous sommes entraînés dans les rythmes curvilignes, nous éprouverons une délectation sans pareille... la courbe dominante deux fois répétée... comme sont répétées de chaque côté de leur axe les pétales des pensées... ce visage semble apparaître à travers une lyre renversée... les angles droits et aigus des étoffes viennent comme il se doit opposer leur rigidité à l'ondulation générale... On n'en admire que mieux la science... avec laquelle ces arrêts sont distribués » : A Lhote — Traité de la Figure.



Đám rước — La Procession 1496 của Gentile Bellini

thích », rồi lúc nhàn rồi mới xét dần cách bố-cục và phân phối chi tiết, sự lựa chọn màu sắc, những đường nét và vết bút. . . tóm lại, được hứa hẹn bằng một đặc-sắc gì, tôi mới chịu tìm hiểu kỹ-thuật để mong tận hưởng thú-vị, còn nếu đi ngược lại, phải giải quyết những băn khoăn thắc-mắc trước, thì chính là tôi muốn thỏa mãn đòi hỏi của lý-trí, chứ không giao cảm tự-nhiên trực-tiếp như ở những trường - hợp « đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu ».

Theo tinh-thần đó, tôi đã ngắm lại từng loại tranh thường thấy, nhiều bức danh-họa, để nhận rõ xem tìm được thú gì.

* *

Hoạt-cảnh (tableau de genre). — Kể những sự-tích lịch-sử, thần-thoại, hoặc những việc đời sống hàng ngày ở nhà, ngoài đường, rạp hát, trường đua ngựa, v.v...

Các họa - phẩm này nhiều khi là những tài-liệu quý giá về di-vãng một dân-tộc : điều này chỉ quan-trọng đối với các vị khảo-cổ và sử-gia.

Ở lãnh-vực hội-họa, tôi không ưa, vì hễ xem loại tranh đó, khó lòng tránh khỏi một sự tởi-kỵ đối với họa-sỹ ngày nay : chăm chú tới đề-tài ngoạn-mục. Khôn nổi, người ta vẽ cốt để ghi lại những việc xảy ra. Vẽ các vua Louis XIV hay Nã-Phá-Luân I ở giữa trận, với dụng-ý cho hậu-thế chiêm ngưỡng các mặt rỗng oai - vệ, mà người đời sau lại bỏ qua, thì quả là phụ tâm thịnh-tinh của tác-giả.

Nếu thử chú ý riêng về kỹ-thuật, rất khó nhận xét vì bức họa thường đầy chi-tiết : người, ngựa, quần áo, gươm giáo ngồn ngang, (cảnh chiến-trường như ở *Constantin victorieux* của Francesca) hoặc hàng chục vai trò chen chúc ở đám rước (tranh *La Procession* của Bellini, Ngày hội



Oskar Kokoschka 1917
do họa sỹ vẽ lấy



Mặt tiên kiều
của Léonard de Vinci



Đức Bà Marie 1585
của Le Greco



Jacques Villon
do họa sỹ vẽ lấy (1942)



Phụ nữ chải đầu
của Courbet (1847)



Giấc mơ người đẹp
Dormeuse (1880) của Renoir

Carême et Carnaval của Bruegel) ở quán rượu (tranh *Le Moulin de la Galette* của Renoir)...

Nếu cần phân tích theo các yếu tố thể-hiện, sẽ mất nhiều thời giờ, chẳng khác chi phải đọc kỹ một cuốn sách dày; càng dễ chán nản, nhất là khi các cảnh vật kia hiện nay có thể chụp ảnh quay phim một cách tinh-vi linh-động.

Chân-dung (portrait) — càng ngày càng bị ánh lấn át: ai theo dõi sự tiến-triển của ngành nhiếp-ảnh, chắc cũng không dám chời cãi một đặc-tính mà cách đây vài chục năm, chỉ thấy ở những bức tranh: tinh-thần hiện lên diện-mạo.

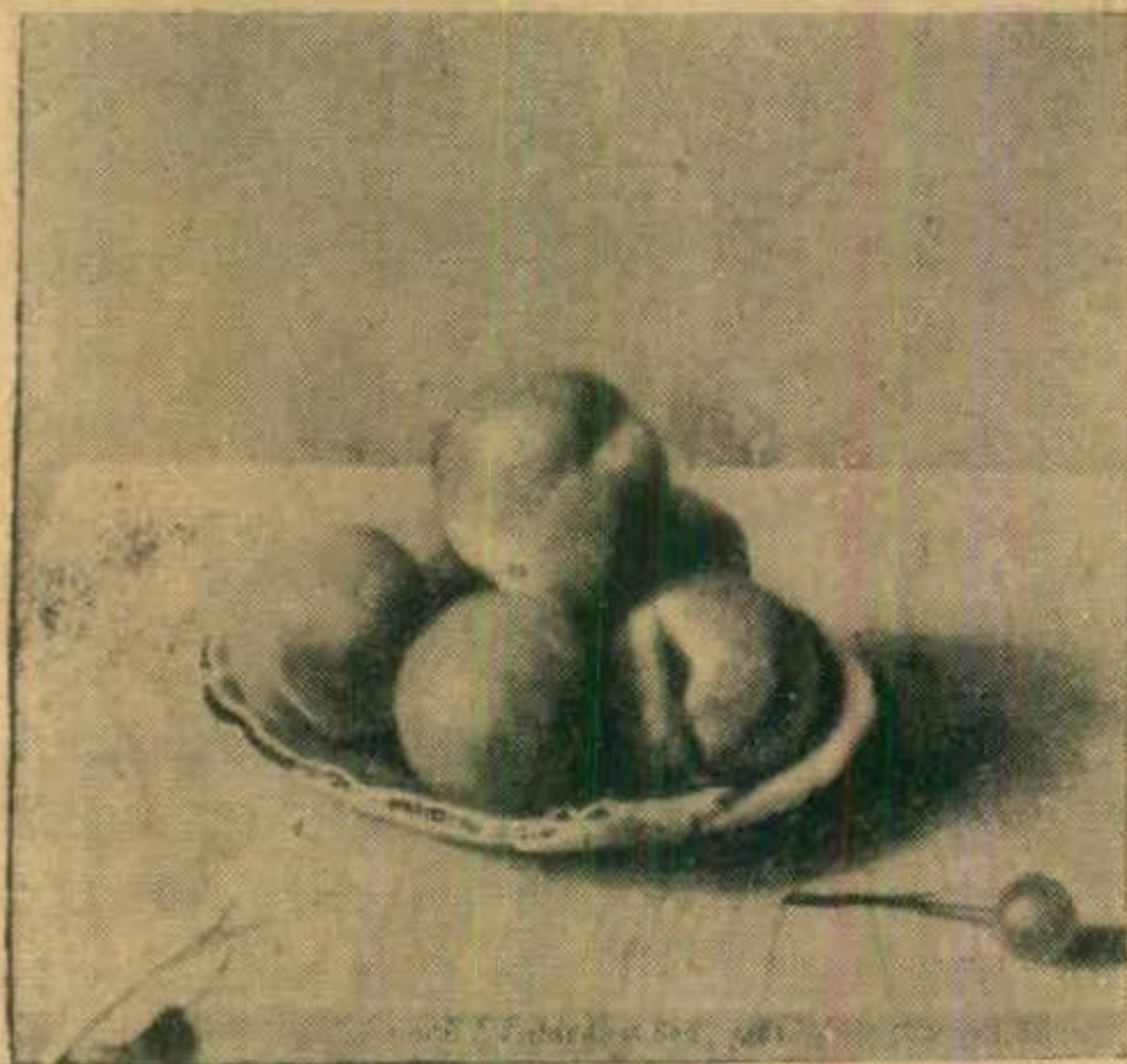
Tuy-nhiên, tinh-thần đó ở chân-dung đã được các họa-sỹ lột ra bằng nét màu biến cải theo những đường lối riêng, không sát thực mà vẫn phơi

bày nổi nhiều dáng vẻ sống động khó sánh: không máy ảnh nào thay chổi sơn chụp nổi tâm-tình hoang-loạn bi-đát của Van Gogh, ẩn-ý bí-huyền của Gauguin, ánh sắc diệu-kỳ của Villon, trên mặt các họa-sỹ này, do chính tay họ vẽ lầy bằng những nét bút run rẩy, lạnh lùng, hoặc lung linh.

Nếu xét về phương-diện kỹ-thuật, dầu chẳng cần biết tranh có giống người không, những bóng, nét, màu ở mớ tóc, tà áo, màn khăn, khoe mắt... nhiều khi hợp thành một hiện-tượng hay một vưu-vật gọi những cảm-tưởng nao nùng, êm đềm hay mơ ảo: nhiều bức của Raphaël, le Greco, hoặc Renoir.

Song nét vẽ có thể đơn-sơ phóng-khoáng như của Cézanne và Matisse, mà vẫn dễ ưa. Trái lại, mắt tôi không

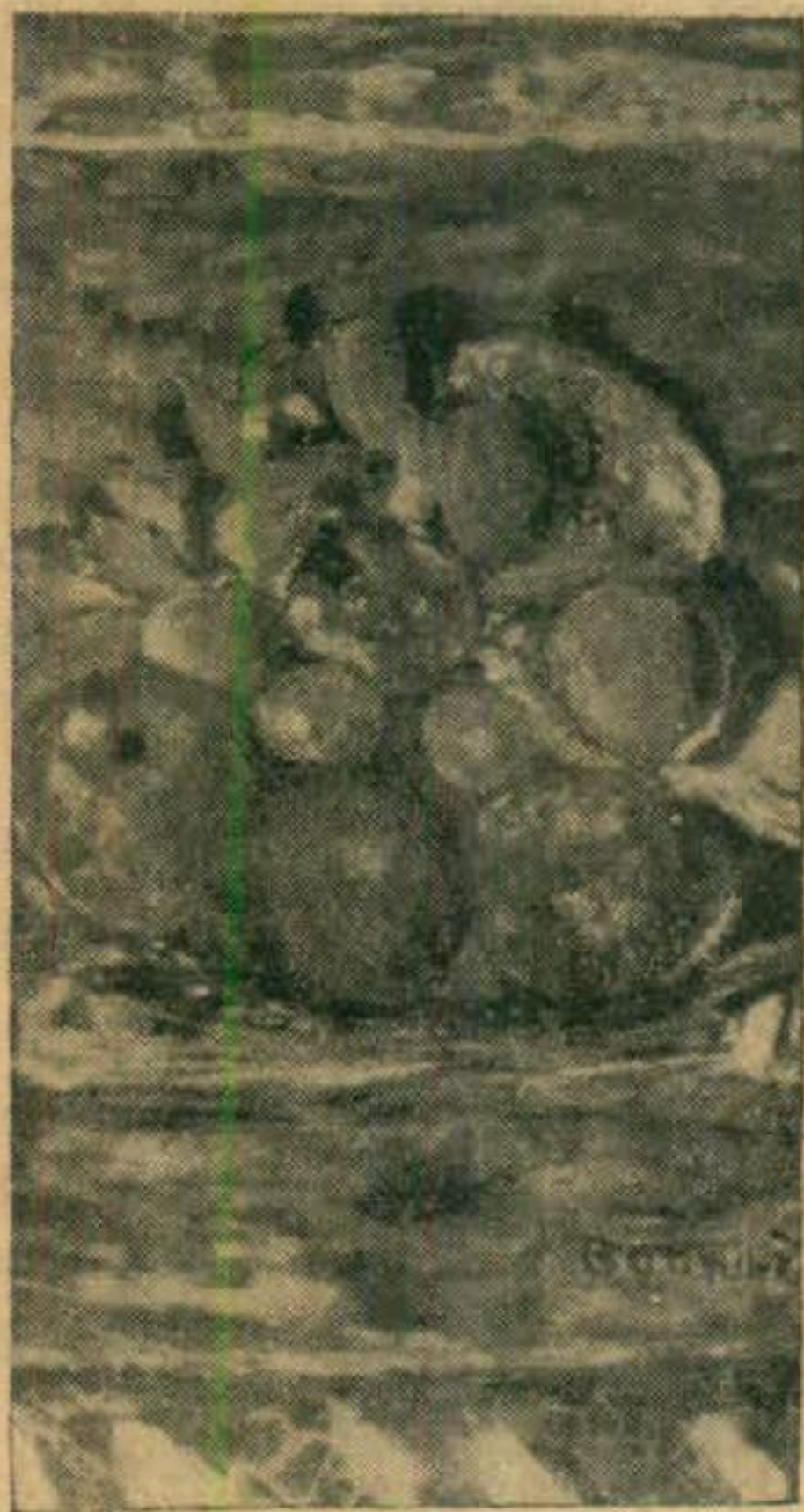
chịu nổi những quái-trạng : hình phụ-nữ mà biến ra bộ xương ma hốc hác, hoặc bắt bò như một súc-vật ; những nghệ-thuật đó, dựa vào lý lẽ gì chẳng nữa, cũng phũ phàng đập phá hình ảnh tốt đẹp hơn mà tôi muốn có về con người.



Của J. E. Liotard. (1702-1789)

Đành rằng con người nhiều khuyết-điểm nhược-điểm, và tôi không phủ nhận tài-nghệ của những họa-sỹ như Toulouse - Lautrec hoặc Rouault lột trần được những tâm-trạng đau khổ hay đáng giễu đáng khinh trên những bộ mặt dân deo méo mó. Song tôi chắc cũng nhiều bạn cùng tôi muốn xa thực tìm quên, trong những giờ phút buồn bã : cho nên chúng ta mong ước hơn, những ánh sắc vui tươi và những dáng duyên mang lại đôi chút an-ủi.

Khoả-thân (Nu) — Những đặc-sắc đó, chẳng may lại hay thấy ở những tâm thân ngà ngọc mà sự chiêm-ngưỡng cũng như sự mô-tả thường bị ngờ vực ; thực ra, cũng chẳng oan ở nhiều trường-hợp : đối với một số thanh-niên đương thời nầy nọ ; những vị nào hẹp lượng và thiếu kiến-thức căn-bản về hội-họa nên không thấy ở tranh những gì khác hơn là những pho nhục-thể ; nhiều họa - sỹ vẽ văn dục - tình ở những thời-kỳ buông thả, thê-ký XVI, XVIII (nhiều tranh Fragonard)... Song dù nghiêm-khắc đến đâu, chắc cũng phải dè dặt trong sự phán - đoán, trước



Của Bonnard (1946)



Của Matisse (1912)



Của Manet (1866)

những khoảnh-thân của các họa-sỹ có tâm-hồn cao khiết và đầy tín-ngưỡng: Michel-Ange, Le Gréco, Rembrandt... Còn về phía khán - giả, thiết nghĩ chỉ nên ngắm loại tranh này, nếu nhớ và theo nỗi ý-khiên của Maurice Denis để trước hết xem xét về các yếu-tố thể-hiện (1).

Nhưng vì rất khó quên hẳn để-tài ngoạn-mục, dễ bị lôi cuốn sang những cảm-xúc vẫn đục không liên-quan đến nghệ-thuật, và lại cũng ghét những hình dáng trơ trẽn, lằng lờ, thô-tục, tôi chỉ ưa một số tranh cho cảm thấy mát tươi êm dịu hay vui sống như của Botticelli và Renoir. (2)

Tĩnh-vật (Nature Morte) — Trong số bà con, tôi thấy phần đông đứng dưng đối với loại tranh này, chắc tại ít những chi-tiết khiêu gợi

tính tò mò như sự-tích hoặc phong-cảnh:

Vài trái cây, cam hay củ hành; chiếc chai bên cạnh đĩa cá ăn dở; ấm nước với một hai chén trên khăn bàn dãn dùm; cây đàn nằm gần bao thuốc lá; và rất nhiều táo, táo đỏ, táo xanh, táo xếp đôi, xếp năm, lẫn lóc hay chồng chất, táo Chardin, táo Manet, táo Césanne, táo Van Gogh, táo Renoir... Có mấy em nhỏ được coi, kêu rằng: họa-sỹ mà cũng chỉ vẽ như học-trò trong lớp mà thôi à?

Quá thật là những vật rất tầm-thường, trơ trơ, khó làm cho mơ màng rạo rức hay thương tiếc... Khán-giả phải bình-tĩnh dùng lý-trí mới tìm hiểu được ý-nghĩa và giá-trị kỹ-thuật, cho nên khi lý-hội được, thì phục tài-nghệ họa-sỹ hơn là vui thú cho mình.

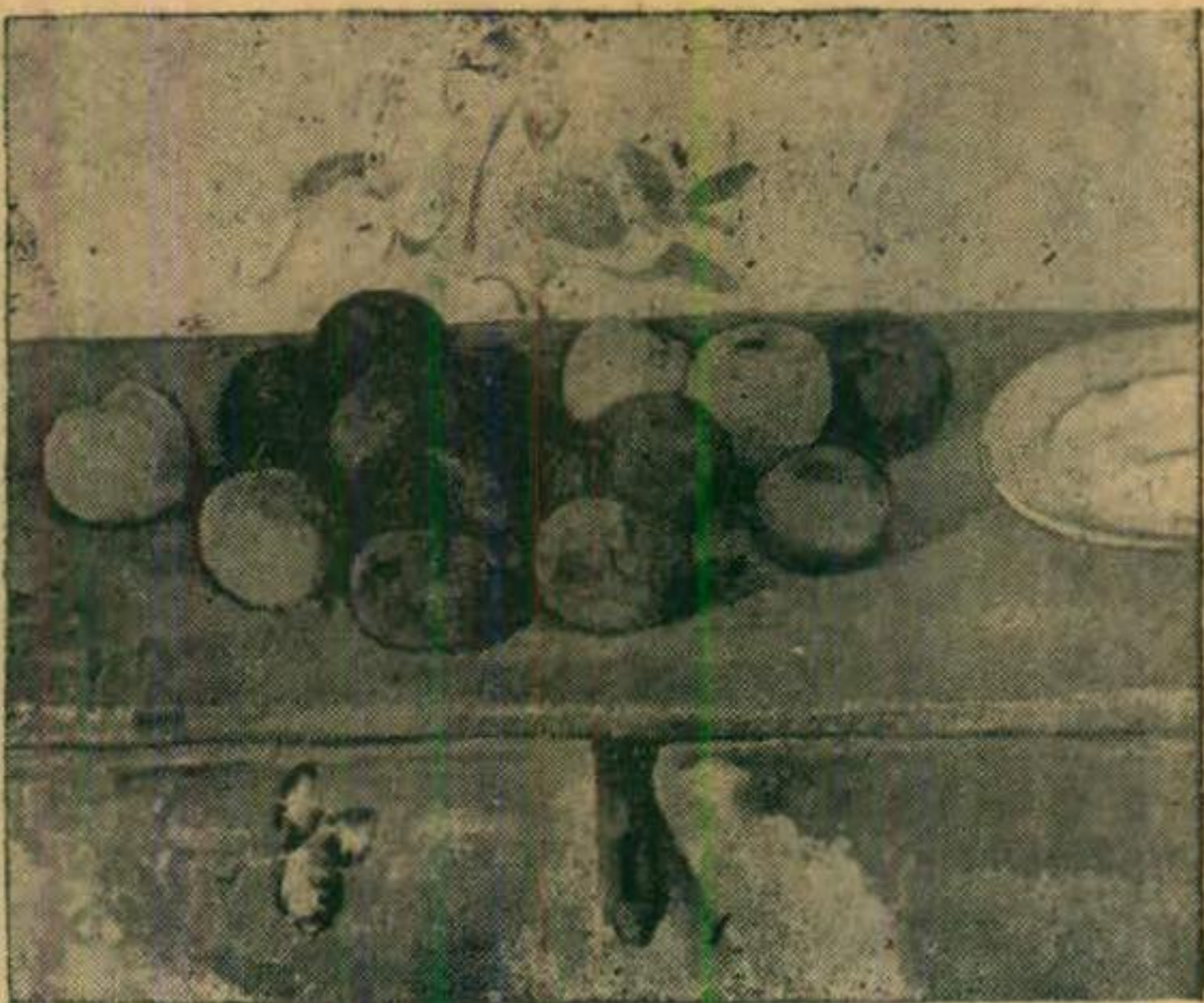
Dưới những chế-độ phong-kiến, nhất là về thế-kỷ XIV, XVII, họa-sỹ

(1) Xin coi B K số 101, 102.

(2) Les Chefs d'oeuvre du Nu — Edition du Pont Royal 1960

thường phải vẽ tranh phụng-sự hay đem người và cảnh lồng vào để - tài sự-tích gì xứng hợp với các giá-trị tinh-thần chánh-thức, tôn-giáo, đạo-đức, uy-danh các nhân-vật có thế-lực. Để thoát khỏi hoặc trả lời sự cưỡng-bách đó, họa-sỹ lảng tránh cung đình vua chúa thánh thần, để vẽ những gì không ca ngợi không đụng chạm, không mang tính cách sang hèn: chùm nho, chiếc bình, cuốn sách kèn đi săn v.v... (1)

Về sau, các họa-sỹ xứ



Của Cézanne

Flandre còn tìm ra những lý-do khác để ngả về tinh-vật: được tự-do hơn đối với ngoại-giới, và giản-dị-hóa để bớt lệ thuộc để-tài ngoạn-mục. Nếu vẽ thiên-nhiên, mà theo lối cổ-điển, tất phải tùy mỗi cảnh nhìn, mỗi chỗ đứng, ánh sáng mỗi lúc v.v... Những sự giàng buộc đó có thể tránh, khi họa-sỹ nhắm mảy trái lê trái táo: muốn xê dịch, xếp đặt phô bày thế nào cho vừa mắt cũng được, hoặc bỏ bớt hay tăng theo ý riêng. Ngoài ra, vẽ một bà công-tước xinh đẹp bận đồ vóc lụa diêm dúa, kẻ cũng dễ tô điểm cho bức họa lộng lẫy: nhưng muốn tả một củ cà-rốt, một khoanh bánh mì, xem chừng



Của Manet

(1) « L'Objet est la clé d'un monde où la « peinture se découvre la plus incurable liberté et « s'exerce non plus dans une fonction de glorification « politique ni d'exaltation religieuse... mais dans « sa seule fonction de chose peinte-J Dupont et F. Mathey — Le XVII^e siècle (Les grands siècles de la peinture)



Của Cézanne



Của Henri Rousseau (1909)

phải dung hòa đường nét, ánh bóng, màu sắc, chất sơn cho khéo léo thề nào thì mới kích thích được giác-quan.

Đã hơn trăm năm nay, và dưới mắt đa-sồ họa-sỹ, củ khoai, trái núi, con ngựa, người,... đều là và chỉ là những đối-tượng thể-hiện (objet plastique) có khối, có mặt, đường, màu, ánh, bóng, và tranh đẹp hay không, tùy tài họa-sỹ chớ chẳng phải vì địa-vị, tính-chất, ý-nghĩa của đối-tượng đó theo sự phân biệt và khinh trọng của người đời. Cho nên thức-giả lắm tiền đã bỏ ra hàng chục hàng trăm triệu quan để mua tranh vẽ mảnh lục-huyền-cầm của Picasso, hay mây trái táo của Cézanne. Còn nếu kêu rằng nhiều táo quá, thì chỉ vì xem không kỹ : táo

của Cézanne là những vật tròn cho ông mượn hình mà chuyển sắc (modulation) từ cam sang vàng qua xanh-lá-cây... ; táo của Renoir từng bừng ánh đỏ và chứa chan nhựa sống như nhiều thiếu-nữ của ông..., còn táo của Liotard đầy đặn nhưng lạnh lùng như những con người quá đoan-trang... Mỗi vật hiện ra chỉ là những dịp, những « cơ » (prétexte) để họa-sỹ thí nghiệm một lối sáng tạo, và vật đó có thể vẽ theo nhiều kỹ-thuật khác nhau, (1)

(1) J. Arestein, trong sách Encyclopédie pratique du dessin, đã cho biết : đĩa trái cây có thể vẽ theo 6 cách, giống thực, giống thực nhưng biến đổi đôi chút màu sắc, biến đổi theo tình-cảm, đơn-giản-hóa, kỳ-hà-hóa theo lối trang-trí nhà cửa. . . , nhấn mạnh đến vài khía cạnh đề gợi một xúc-dộng riêng.

Có bạn bảo tôi: nếu chỉ toàn những đồ vật rất thường, thì lúc nào rồi, cứ lấy quanh mình bày ra mà ngắm, hà-tất nhìn tranh tĩnh-vật?

Câu đó khiến tôi nhớ lại lời thi-sỹ Apollinaire: theo ông, muốn ngắm cảnh đẹp, cứ ngắm thiên-nhiên, đừng tìm ở tranh làm gì.

* *

Phong-cảnh (Paysage) — Nói thề, tức là yên trí rằng tĩnh-vật và phong-cảnh ở tranh cũng chẳng khác gì trong thiên-nhiên. Có thực thề không?

Nếu xếp được trái cây cho hình nọ hợp với hình kia và màu này làm nổi bật màu khác... thì đã gần có tài hội-họa rồi: không nên đòi hỏi quá nhiều như thề ở kẻ xem tranh.



Hương dương
Tournesols (1888)
của Van Gogh

Giá thử mua hàng trăm táo mà ngồi bày ra, cũng chẳng hóa phép ban cho ánh sắc của Renoir.

Lục-huyền-cầm của J. Gris hay Picasso, chặt ra mấy mảnh, đâu phải như đàn của tôi treo ở tường? Cây, lúa, núi, mây ở « *Les Blés jaunes* » của Van Gogh run như làn sóng, có thầy ở cánh đồng hay trời kia đâu? Bờ sông dòng nước và nhà cửa nào đẩy vết lấm chầm như của Seurat? (1)

Chính vì những đặc-sắc do họa-sỹ biến đổi thực-tế để tạo thành, mà tôi ưa ngắm cảnh ở tranh hơn ở ngoài. Tầng đá gần cây khô, thiếu chi dịp ngắm? nhưng trên khung vải kia, cây và đá mang vết bút già dặn, hiện ra những hình vững chắc và cụ-thể hóa ý-niệm đơn-thuần vĩnh-cửu, sau khi qua nhỡn-giác Cézanne. Mây bay trên trời giông, tôi đã mục kích bao



Sen nở trên ao Nymphéas
của Claude Monet

(1) Xin coi các tranh in ở B.K. số 102 và 103.



Của Ernst Wilhelm Nay

lần, song chẳng thấy vẽ đẹp lạ lùng như khi nhìn những lớp sóng màu xanh xám cuốn cuộn ở tranh bão tố phản chiếu tâm - hồn quật-khởi của Vlaminck. Ngay ở những loại tranh sát thực nhất, sức hấp-dẫn hay truyền-cảm không ở những vật được vẽ, nhưng ở những cá-tính gì đặc-biệt của tác-giả. Cũng là hoa lá nhiều ánh sắc, nhưng của Manet khác của Van Gogh, của Monet chẳng giống của Rousseau hay Cézanne. Tôi thích ngắm, đâu phải vì đối-tượng là những bông tươi thắm mà tôi có thể nhìn ở vườn ở chợ, nhưng vì mỗi tâm-hồn họa-sỹ

nở bừng ra một dáng vẻ riêng : trong sáng êm đềm (Manet) ngây thơ (Rousseau) cứng cáp (Cézanne) say sưa (Monet) cuồng nhiệt (Van Gogh). . . .

Ngoài ra, có nhiều cảnh muốn ngắm cũng khó khăn. Tôi ưa núi rừng hay biển cả, nhưng sống ở đô-thị, mấy khi có dịp ngao du ? Nên nhiều lúc thấy quần chân và buồn bực trong căn nhà chật hẹp, tôi hay giở những tranh sóng nước, đối cây bên ngõ vắng, sương khói, nắng xế chiều. . . để tìm quên trong mấy phút mơ màng. Nếu họa-sỹ say sưa nét màu và thấy hào-hứng trong tác động sáng tạo, thì về phần phạm-nhân, tôi chỉ thú nhât vì tranh thay cảnh và cảnh hợp với hoài vọng thoát ly. Lỗi thường-thức này có khi làm cho xao lãng kỹ-thuật, nên thường bị chê giễu : nhưng chê giễu làm chi một nhu-cầu vô hại của con người khao khát thiên-nhiên ? Mơ mộng, chẳng hơn là ghê sợ vì những



Giông tố của Vlaminck



Lối vào vườn

Entrée du parc 1948 của J. Villon

tranh quái gở, hay bức mình trước những hình ảnh lộn xộn lem nhem phải nhúc nhủ tìm hiểu qua những lý-thuyết cao kỳ, rồi cũng không thấy ngáy ngật?

Đề trau giới kiến-thức, tôi không ngại đi sâu vào những lãnh-vực triết-lý khô khan gập mảy thể-giới của Metzinger hay Mondrian. Nhưng nếu mong kiếm cho các phàm-nhân như tôi những gì dễ ưa và đáng quý trong hội-họa, thì tôi hân hoan đón tiếp những nghệ-thuật cho tôi hình ảnh đẹp hơn về con người, như của Raphaël, hoặc gợi thương yêu một cách dung-dị để cuộc đời đỡ đen tối, như của Rousseau, Matisse hay Renoir (1). Còn đôi khi muốn tìm thú lạ, tôi mới lảng vảng vào một vài miền biên - giới Thể Hiện — Trừu

Tượng, nhưng không quá xa vì e lạc bước và.. mất vía.

Bán-trừu-tượng (semi-abstrait) — Trước kia, tôi nhìn một số tranh loại này, ưa ngay mà chẳng biết tại sao; không phân tích được theo từng yếu-tố như đối với tranh thể-hiện rõ ràng, thì nhận thức thể nào được lý - do thường ngoạn, đường nét hay ánh bóng v.v...? Một cảnh mơ hồ như của Dmitrienko (B.K. số 108) là một toàn-thể giao cảm trực-tiếp bằng toàn-diện, khác chi điệu nhạc thoảng qua, khó lòng xét từng âm thanh.

Nhưng ở một số người trong đó có tôi, cảm rồi cũng vẫn muốn hiểu, tò

(1) Rousseau và Renoir chẳng lý luận gì hết, và cũng chẳng hề đề cao cá-nhân mình bao giờ. Rousseau thì ngây thơ. Renoir chỉ muốn vẽ làm sao cho xinh tươi.

mò ngay cả với chính mình, và nếu thấy âm u thì bức dọc. Rồi một hôm, nhân khi xem tập giấy màu của trẻ nhỏ cắt xén để làm bài « thử-công », tôi cầm tờ xanh (bleu) nhìn chơi một lúc khá lâu : thấy êm dịu, tôi ngẫm mãi, dần dần như đi sâu vào những khoảng bao la, tôi nằm yên mở mắt mà tưởng mình được ru đưa nhẹ nhàng trên làn sóng nhuộm mây. Một lát sau tôi coi màu đỏ son : được vài phút, tôi khó chịu quá vứt đi, vì nó chói, nóng, gắt gao, kiêu ngạo, áp bức, làm cho khó thở. . .

Không đủ tự tin, tôi đợi vài bữa và thử lại với nhiều màu khác ; *xanh lá cây nhạt và khô* : tôi ghê ghê nghĩ đến hoang - vu. *Trắng toát* : trống rỗng, nhưng đòi hỏi nhiều, kêu gọi những gì động đập tràn ngập, không thể nào hư-vô thể kia. . . Được vài tháng, tôi rút nhiều kinh-nghiệm : *thẩm-carmin* = lưu luyến ; *vàng-cadmium* = vui tung bừng ; *xanh-pétrole* = nhớ và dịu thương, v.v. . . .

Xếp hoặc tô màu nọ cạnh màu kia, thì kết-quả lại khác hẳn, ghét thành yêu, ưa thành khó chịu. . . Vàng - cadmium nằm bên xanh - pétrole = muồn xé ngay. Trắng và xanh bleu - de - Prusse = trẻ trung nhưng tầm - thường lắm (có lẽ tại nghĩ đến Lính Khô xanh 1930). Trắng, hoàng-yên pha đào = sao lãng thể ?

Màu với màu đã đổi thay cảm-giác, vậy nên coi màu với những hình-thể khác nhau có hiệu-lực gì ? Trên mỗi tờ đồ rộng, tôi dán một

mảnh xanh : mảnh này vuông ở tờ 1, chữ nhật ở tờ 2, tam-giác ở tờ 3 v.v . . và vị-trí cũng mỗi nơi xê dịch một cách. Cứ như vậy, không thể nào hết mọi lối kết-hợp, và mỗi kết-hợp, hề được ngẫm lâu trong lúc an nhàn, thường gợi ra một tình, một ý, một cảnh, một kỷ-niệm nào đó, *mặc dầu chẳng giống vật gì hiện có ở quanh tôi.*

Ngẫm lại, tôi mới rõ mình đã đùa nghịch với sắc hình, hai yếu-tố hội họa : không thành hoa, đá, ngựa, mặt người chi cả, mà cũng xúc động. Đòi với mỗi hình mỗi sắc, mỗi chúng ta có những giao ứng riêng biệt, ta chỉ có thể ghi nhận chứ không tài nào thấu rõ nguyên-nhân. Có điều chắc chắn là dấu buồn vui, tâm-trạng của tôi trước tranh bán-trừu-tượng, cũng chẳng khác nào khi xếp giấy bôi màu.

Trò chơi đó, với bao kỳ-thú đặc-biệt, cho phép nhận định thành-thực màu nào hình nào ưa hay ghét, và những khuynh-hướng ngẫm ngẫm của tôi; đồng-thời, tôi hiểu rõ vì sao Gauguin đã từng nói đến tính-cách huyền-bí của Sắc, vì sao bao nhiêu nghệ-sỹ khát khao tìm Thể trong những vang bóng cõi này.

Nền xanh biếc + vàng chanh + hồng non, trên những mảnh giấy dài ngắn tròn vuông nhắc lại với buồn thương mà không cắt nghĩa, những buổi chiều mùa hạ trong thời thơ ấu của tôi, thì việc chi tôi còn phải bận-khoăn, khi hình sắc Villon rung vẳng cho riêng tôi, niềm vui sống của những mùa tươi không héo ?

Đ. T.

và việc bảo vệ truyền thống âm nhạc

★ TRẦN-VĂN-KHÊ

Ng. xa cách,

NẾ U bạn muốn biết rõ chi tiết của những buổi thảo-luận tại đại nhạc hội Tê-hê-răng, thì chắc bạn phải đợi đến sang năm vì Hội đồng quốc-tế âm-nhạc sẽ cùng với Ủy ban âm-nhạc toàn quốc nước Ba-Tur xuất-bản một tập kỷ-yếu về Đại nhạc hội với tất cả những bài thuyết-trình và biên bản các cuộc thảo-luận. Trong một bức thư, đầu cho thư có dài đến hằng trăm trang, tôi không thể nói cho bạn nghe hết tất cả các ý-kiến đã được phát biểu. Tôi chỉ nêu lên vài ý chánh và nói qua cho bạn rõ quan điểm của đại-biểu các nước về mọi vấn-đề.

Chắc bạn còn nhớ rằng tôi đã nói cho bạn hay tôi đã lo việc tổ-chức Đại nhạc hội Tê-hê-răng với tánh cách nhân viên ban chấp hành của Hội đồng quốc-tế Âm-nhạc (H.Đ.Q.T.Â.N), vì Đại hội do H.Đ.Q.T.Â.N và Ủy ban âm-nhạc toàn quốc Ba-Tur tổ-chức. Chủ-đề của nhạc hội là « Sự bảo-vệ các hình thức cổ-truyền của các loại « đại nhạc » và nhạc bình dân trong các nước phương Đông và phương Tây » (1). Vì thế, mà các bài diễn-văn, thuyết-trình đều nêu ra nhiều ý-kiến về ba điểm :

1. — Truyền thống là gì ?

2. — Tại sao phải bảo-vệ truyền thống âm-nhạc ? Và đề chống lại với cái gì ?

(1) La préservation des formes traditionnelles de la musique savante et populaire dans les pays d'Orient et d'Occident ».

3. — Bảo-vệ bằng cách nào ?

Ngoài ra, cũng có vài bài thuyết - trình về ảnh hưởng của nhạc Đông Phương trong nhạc Tây Phương, ảnh hưởng của dân ca trong đại nhạc. Về điểm thứ nhất; truyền thống là gì ? ngay buổi khai-mạc Bác-sĩ Raadi, Đại-sứ, trưởng phái đoàn thường trực của nước Ba-Tur tại Tổ-chức giáo-dục, khoa-học, văn-hóa của Liên-hiệp-quốc (UNESCO) đã nhắc đến truyền-thống văn-nghệ, triết lý của nước Ba-Tur trong bài diễn-văn của ông Giáo - sư Barkechli đưa ra 4 định - nghĩa thường được nghe của danh từ truyền - thống; có người cho rằng truyền-thống là cái gì cồ hủ nhất định phải nhường chỗ cho cái mới; có người cho rằng truyền-thống là những dân vũ, dân ca, những gì có liên quan mật thiết với đời sống tinh thần của dân chúng: Truyền-thống, theo một số người khác, là tinh hoa của một dân-tộc, một quốc-gia; gần đây, những nhà chuyên về xã-hội học cho rằng truyền-thống là tất cả những gì có liên quan đến đời sống vật chất và tinh thần của một dân tộc. Theo giáo-sư Barkechli thì bảo-vệ truyền-thống tức là bảo-vệ sự sống còn của một dân-tộc, một quốc-gia. Nhưng truyền-thống âm-nhạc ở mỗi nước một khác. Trong ngày đầu của hội - nghị, giáo sư Daniélou đã nhấn mạnh vào điểm đó. Tuy vậy, giáo-sư Daniélou cũng tạm chia âm nhạc trên thế-giới ra nhiều « đại-gia-đình ». Trong mỗi « đại-gia-đình âm-nhạc », nhạc-sĩ nhạc-công dùng những nhạc ngữ gần giống nhau: gia-đình nhạc thiên về điệu (famille modale) gồm có truyền-thống Ấn-Độ, Ba-Tur, Ả-Rập, và một phần lớn các nước Âu-châu trước thời trung-cổ, gia-đình nhạc đa-âm ở Đông-Nam-Á gồm có truyền-thống Nam-Dương, Miến-Điện, Thái-Lan, Lào, Cao-Miên, gia-đình Trung-Nhật gồm có truyền-thống của Trung-Hoa, Nhật-Bản, Triều-Tiên và Việt-Nam; gia-đình Phi-Châu, và bên Âu - Mỹ thì hiện nay « đại - nhạc » các nước ấy chỉ dùng một nhạc ngữ chung (langage musical). Giáo-sư Marius Schneider người Đức nói qua vài đặc - điểm của nhạc Âu và trong đoạn kết - luận khuyên các nhạc-sĩ phương Đông không nên dùng hòa-âm của nhạc phương Tây mà viết phần phụ-họa cho nhạc phương Đông vì những luật của hòa-âm sẽ làm cho phần nhạc đơn điệu, cho cá tánh của nhạc phương Đông mất đi và theo ông, đơn điệu (monodie) trong nhạc phương Đông là một « đóa hoa của âm-nhạc » (la fleur de la musique). Mỗi truyền-thống có những nguyên-tắc căn-bản riêng (principes de base) để diễn-tả nhạc. Giáo-sư Adnan Saygun người Thổ-Nhĩ-Kỳ, khi trình bày những đặc-điểm của nhạc vùng Cận-đông nhấn mạnh vào những điểm sau này:

1. — Nhạc-sĩ Cận-đông thích những quãng nhỏ hơn một cung (ton) và những tế-nhị của một nét nhạc.

2. — Nhạc-sĩ Cận-Đông không đề ý đến việc có thể chồng-chất âm này trên âm khác và vì thế mà không nghĩ đến các luật hòa-âm.

3. — Nhạc-sĩ Cận-Đông thích chuyển đi từ điệu này sang điệu khác — lẽ tất nhiên là tùy theo những định luật riêng của lối nhạc thiên về điệu (*musique modale*).

4. — Nhạc-sĩ vùng Cận-Đông thích đàn tùy hứng (*improviser*) « Nhạc khúc như một dòng nước, quanh co uốn khúc, chảy từ địa phận của một điệu này sang địa phận khác của các điệu khác, rồi đi đến chỗ kết thúc của điệu đầu. Và nòng cốt của nhạc khúc ấy là tiết điệu (*rythme*). « Giáo-sư tóm tắt lại và nói rằng : « Nhạc vùng Cận-Đông là một nét nhạc, mà màu sắc thay đổi nhờ có nhiều điệu (*modes*) và nhiều tiết-tấu (*rythme*) khác nhau. Người nhạc-sĩ thích tô điểm nét nhạc ấy trong chi tiết — cũng như một người thợ chạm — và những thay đổi nhỏ nhất của âm-thanh đều có một giá-trị riêng của nó.

Tôi được Ban tổ-chức giao cho phận sự nêu lên những nguyên-tắc căn bản của các loại nhạc trong đại gia-đình Âm-nhạc Trung-Hoa ». Nhạc Nhật-Bản hay Nhạc Việt đều bắt nguồn ở nhạc Trung-Hoa. Mà từ thượng cổ nhạc Trung-Hoa có liên quan mật thiết đến sự điều-hòa của vũ-trụ. Trong chương Nhạc-ký của sách Lễ-ký có đoạn nói về âm-dương trong trời đất sanh ra vạn vật. Âm-nhạc phỏng theo sự điều-hòa của trời đất — (... Như thử, tắc nhạc giả thiên địa chi hòa dã). Vì thế cho nên qui định cao độ tuyệt đối của thanh căn bản, thanh Hoàng-chung, là một việc rất quan-hệ. Vì nhạc phải điều-hòa với vũ trụ mà đàn cầm có 5 dây, âm giai có 5 âm chánh đúng với ngũ hành ; kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, với 5 màu chánh, với ngũ phương : Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung-Ương. Hình ảnh của Trời, Đất cũng được ghi lại trong khi chế nhạc khi. Mặt cây cò cầm, tổ - tiên của cây đàn tranh (đàn thập lục) của người Việt — tròn như vòm trời mà đáy đàn bằng phẳng như mặt đất — người Trung-Hoa ngày xưa nghĩ là mặt trái đất bằng.

Đến lúc đạo Khổng ra đời, nhạc lại bị Khổng giáo chi phối. Thuyết Trung dung của Khổng-Tử làm cho nhạc Trung-Hoa không thể dùng để tả những nỗi vui buồn cực độ, mà nhạc phải là vui. Nhưng không được quá vui. Nhạc (âm-nhạc) và lạc (vui) cùng viết bằng một chữ. Trong sách Luận-ngữ có đoạn nói về bài Quan quan thư cưu. Khổng-Tử thích bài ấy vì tuy vui mà không quá mức, tuy buồn mà không làm tổn hại (Lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương). Khổng-Tử không ưa tiếng đàn của Tử-Lộ vì lúc đàn Tử - Lộ nghĩ đến những cuộc xô xát chém giết nhau mà tiếng đàn mãi cái hòa đi. Mà cũng theo sách Luận-ngữ căn bản của nhạc phải là hòa (Nhạc dĩ hòa vi

bồn. Vì không nên bất cập hay thái quá mà tiếng nhạc không nên quá trầm, quá cao, quá buồn, quá vui; âm-nhạc Trung-Hoa ngày xưa phải đem lại một bầu không-khí bình thản cho người đàn và cho người nghe.

Nhưng ngày nay, thì những nguyên-tắc ấy không còn ai giữ nữa. Ngày nay, trong nhạc Trung-Hoa có bài vui, như Dương xuân khúc, bài buồn như Trường môn oán. Nhạc Nhật có những bài vui thuộc về Yo Sempo (hán tự đọc là Dương tộc pháp) và những bài buồn thuộc về In Sempo (Hán tự đọc là Âm tộc pháp) Nhạc Việt có điệu Bắc hùng mạnh vui tươi điệu Nam êm ái và buồn thảm. Tôi có đem đàn tranh đến để đàn cho cử tọa một đoạn Bắc một đoạn Xuân, một đoạn Ai, một đoạn Oán.

Ngoài ra bên Á-Châu ■ nhạc phần nhiều đi đôi với lời
■ nhạc được biểu diễn một cách thong thả và phần tùy hứng quan trọng không kém phần đờn bản tôi nói qua cách đàn mở đầu mà trong nhạc Trung-Hoa gọi là dẫn tử và trong đàn Việt gọi là rao hay dạo. Tôi nhấn mạnh ở điểm người đàn có thể đề cả tâm hồn mình vào câu rao; nghe câu rao biết được tài nghệ người nhạc công và trong lúc rao nhạc công biến thành nhạc sĩ.

Bài bản tuy ít, nhưng mỗi lần đàn, nhạc công tô-điểm nét nhạc một khác, thành ra bản đàn mỗi khi một mới. Lẽ tất nhiên không phải muốn thay đổi cách nào cũng được. Cần nhứt là phải biết bài ấy thuộc về điệu gì, và phải dùng chữ nhấn, chữ chuyển thế nào cho bản nhạc thêm duyên mà không ra ngoài điệu.

Ông Narayana Menon, giám-đốc đài phát thanh Ấn-Độ nói về những cái tế-nhị trong khi đàn tùy hứng, những tiết điệu đặc-biệt của nhạc Ấn. Rồi thì trong cuộc thảo-luận, nhạc-sĩ mỗi nước có dịp nêu lên cá-tánh của âm-nhạc nước mình

Nhưng ai cũng phải nhìn nhận rằng truyền thống âm-nhạc, nhứt là trong các nước Á-Châu, Phi-Châu, bị đe dọa. Ngày nay với sự giao-thông dễ-dàng, các máy truyền thanh vô tuyến điện, các phim ảnh Âu-Mỹ đã đem những lối nhạc Âu-Mỹ tung ra trên thị trường quốc-tế; trong hầu hết các nước chậm tiến về mặt kỹ-thuật, có lẽ ra một lối nhạc « ngoại lai » Âu không ra Âu, Á không ra Á, mà nhạc cò-truyền trong các nước đó ngày một lụn bại. Vì thế mới có vấn-đề bảo-vệ truyền-thống. Giáo-sư Barkechli đã đặt câu hỏi tại sao phải bảo-vệ truyền-thống và bảo-vệ truyền thống để chống lại với cái gì ?

Trong lúc thảo-luận, tôi có trả lời câu hỏi ấy. Người ta nghĩ đến « bảo-vệ » khi có những món đồ quý giá, mà các món ấy có thể bị mất đi

cũng như người ta lo trùng tu những lâu đài cổ để giữ lại dấu vết văn-minh của bậc tiền bối chống lại với sự tàn phá của thời gian. Người ta không cần hô hào học nhạc Âu-Mỹ vì ngày nay phong trào học nhạc Âu Mỹ rất thịnh hành ở khắp nơi. Mà nhạc cổ truyền như người hấp hối, không tìm được phương thuốc cứu chữa thì có thể chết đi. Có người nghĩ rằng nếu đến lúc nó chết thì cũng nên cho nó chết. Nhưng ngang qua các bài thuyết trình, ta đã thấy rõ rằng âm-nhạc của mỗi nước là một tiếng nói riêng, có cách hành văn, có luật mẹo và giá-trị riêng biệt của nó. Nếu ta nói tiếng Việt mà đem áp dụng văn pháp của nước Đức chẳng hạn thì hóa ra ta nói tiếng Việt sai văn phạm. Thành ra việc áp dụng nhạc thuật của một nước để cải biên, bồi khuyết cho âm-nhạc một nước khác là việc rất khó. Bảo-vệ truyền-thống để còn giữ lại cái tinh-túy, các đặc tính của mỗi loại nhạc, để cho vườn nhạc thế-giới còn trăm hoa nghìn sắc chứ không phải chỉ toàn một giống hoa. Ông Daniélou có nói rằng việc trao - đổi văn - hóa phải là một dịp cho mỗi dân tộc đem khoe bảo - vật của gia - đình mình chứ không phải là một dịp cho mọi người khoe cái nồi nấu bằng « nhôm » làm theo một kiểu. Giáo-sư Baud Bovy giám - đốc âm - nhạc viện Jo - neo (Genève) trong bài thuyết - trình về các vấn - đề bảo vệ truyền thống âm - nhạc nói rằng mỗi dân tộc có một truyền thống âm-nhạc và có bổn phận làm hết sức mình để bảo tồn truyền thống ấy. Nhưng ai cũng nhìn-nhận rằng âm-nhạc phải biến chuyển theo trào-lưu tiến-hóa của xã-hội. Trong buổi thảo-luận tôi cũng có nói rõ quan-điểm của tôi : Bảo-vệ truyền-thống không phải chỉ học và đàn ngày nay như người xưa đã học và đàn từ mấy thế-kỷ trước. Bảo-vệ truyền-thống không phải là từ khước không học các lối nhạc khác. Hai công việc bảo-vệ truyền-thống và thu thập cái hay cái lạ của nước ngoài có thể đi đôi. Nhưng cần nhất là căn bản phải giữ và công việc đem áp dụng phải thận trọng để còn giữ dân - tộc tính cho mỗi loại nhạc. Giáo - sư Jacques Chailley của trường Sorbonne Ba-Lê cho rằng cần giữ « tinh thần âm-nhạc » hơn là giữ bài bản. Bảo-vệ truyền-thống là một việc liên quan đến các vấn-đề tâm-lý hơn là các vấn-đề kỹ-thuật. Bác-sĩ Zaven Hacobian người Ba-Tur, sau khi xem xét hai lối nhạc mới và cũ của Ba-Tur phân tách rất rành mạch những điểm đã làm cho nhạc Ba-Tur thành nhạc ngoại lai.

1.— Về hình thức : nhạc Ba-Tur không có dùng một nhạc đề để làm những biến-khúc của nhạc đề. Nhạc Ba-Tur cũng như nhạc vùng Cận - đông không có một nhạc - khúc nhất định. Lúc đàn tùy theo điệu mà lần lượt trình bày tất cả các chữ đàn của âm - giai ; có một điệu chánh gọi là Dastgâh và rất nhiều cách dùng điệu

phụ (Gouché gu-sê). Thành ra nếu nhạc-sĩ Ba-Tur bắt chước người Âu, lựa một nhạc-đề đề do theo đó mà đàn tùy hứng thì về hình thức của nhạc cò truyền đã mất đi.

2.— Bề rộng hay bề sâu ?

Nhạc Ba-Tur chú vào bề rộng mà không đề ý đến bề sâu. Nhạc Âu-châu nó một hệ thống hòa-âm và những phương-pháp đối điểm (contrepoint). Bác-sĩ Hacobian nhắc lại lời một nhà nhạc học Pháp — mà ông không nói tên. Bên phương Tây người ta đếm 7 chữ đàn của âm-giai rồi chồng chất các chữ đàn ấy như người ta chồng đá đề cất nhà. Bên phương Đông không có những « tòa nhà âm-nhạc, hai, ba, bốn tầng lầu » ấy, nhạc phương Đông như một sợi tơ kéo dài uốn khúc mà mỗi đoạn thấm nhuần cả một bầu trời tình cảm ». Thành ra theo bác-sĩ Hacobian đem luật hòa âm Âu Mỹ mà áp dụng cho nhạc Ba-Tur là sai lầm. Đó cũng là ý-kiến của giáo-sư Schneider (Sor-nai-đơ) người Đức.

3.— Nhạc khí — Nhiều nhạc-công Ba-Tur cho rằng nhạc khí của Ba-Tur cò hủ nên thay vì dùng đàn « Kemantché » (Kê-măn-chê) — một loại với đàn vi-ô-lông mà đề trên đùi — họ dùng đàn vĩ-cầm mà đàn theo điệu Ba-Tur, cũng như ta dùng đàn vĩ - cầm mà đàn Vọng Cò. Có khi dùng ống sáo tây thế ống sáo bòn xứ, đặt máy điện vào đàn đề tiếng được kêu to. Và cũng dùng cả đàn piano. Theo bác-sĩ Hacobian, dùng nhạc khí như thế, âm sắc thay đổi và không thể diễn tả được cá tánh của âm nhạc Ba-Tur. Thật vậy, trong âm giai Ba-Tur có nhiều quãng bằng 1 phần tư cung và trên đàn piano chỉ có những quãng bằng nửa cung.

4.— Cách đàn. — Nhạc Ba-Tur đàn tùy hứng. Tiếng đàn như tiếng thỏ thè bên tai. Ngày nay, trong các phòng hòa nhạc phải đàn to cho nhiều người nghe, nên phải dùng nhiều nhạc khí. Số lượng thì có tăng mà chất lượng giảm đi. Bạn muốn biết về Đại nhạc hội Têhêrăng mà nghe như thế, Bạn đã ngán chưa ? Mãi mê nói chuyện về các bài thuyết trình mà tôi quên rằng thư đã dài. Và ăn no thì bao giờ cũng mất ngon, bạn nhỉ

Đề tóm lại, bạn thấy rằng trong hội nghị ai cũng nhìn nhận việc bảo-vệ truyền thống là cần, vì trong hiện tình các nước Á-Châu và Phi-Châu, nhạc Âu được bành trướng — mà hại nhất là lối nhạc Âu rẻ tiền — Cò nhạc trong các nước ấy đi lần đến chỗ bế-tắc. Cần phải giúp cò nhạc các nước ấy chống lại với những loại nhạc dễ dàng và không giá-trị nghệ-thuật của các nước Âu Mỹ. Nhưng bảo vệ bằng cách nào thì xin hẹn bạn thư sau.

Xa xôi,

TRẦN-VĂN-KHÊ

BÁCH KHOA CXI

★ VÕ-QUANG-YẾN

virgil grissom, nhà phi hành vũ trụ thứ nhì của mỹ

SAU Yuri Gagarin và Alan Shepard, nay đến lượt Virgil Grissom thăng được trọng lực bay ra khoảng không gian. Đây là lần thứ nhì Mỹ thành công trong vụ bắn một nhà phi hành ra vũ trụ và hôm 21-7-61 Grissom trở nên nhà du hành thứ ba sau Gagarin, hôm 12-4-61, và Shepard, hôm 5-5-61. Tuy công tác đã hoàn thành, chiếc Liberty Bell 7 (Chuông tự do) mang Grissom đi đã bị chìm ở cạnh chùm đảo Bermudes và nhà phi hành đã rất vất vả lúc xuống biển.

Cuộc bắn bị trì hoãn nhiều lần :

Chuyến bay của Grissom kỳ này giống hệt chuyến bay trước của Shepard. Kế hoạch dự định là cho bắn hôm 19-7 nhưng vì một lớp mây dày bao phủ vùng Cap Canaveral — là nơi bắn hỏa tiễn — và vùng biển Caraïbes — là nơi cápsuyn sẽ rơi xuống — nên phải đình lại

một hôm. Sáng hôm 20-7, bao nhiêu vị trí đều sẵn sàng thì tòa thiên văn lại cho biết một lớp mây khác kéo đến cách mặt đất 4000 thước nên cuộc bắn lại phải hoãn một lần nữa. Sáng hôm 21-7, lúc 5 giờ sáng (giờ địa phương), ty hàng không vũ trụ Mỹ NASA báo thời tiết hôm ấy tốt, hỏa tiễn Redstone sẽ cho bắn lúc 6 giờ 10 và nhà phi hành Virgil Grissom đã được đặt trong cápsuyn từ 3 giờ 58.

Như ở vụ bắn trước, Grissom được thức dậy từ lúc 1 giờ 10 sáng, tắm rửa, ăn điểm tâm nhiều : một miếng thịt, hai quả trứng mút, nước cam, cà phê và đào. Một bác sĩ khám lại kỹ càng một lần chót. Xong, nhiều chuyên viên mặc cho nhà phi hành một « bộ áo » bên trong, có mang một máy ghi cách đập của tim, một máy dính vào cổ để đo nhịp thở và một hàn thử biểu chỉ



Đại úy Virgil Ivan Grissom, nay 35 tuổi, quê ở Mitchell (Indiana). Hồi nhỏ, ông học ở đây và đã quen ở trường Betty Moore sau này trở thành vợ ông. Grissom sung vào không quân 1944 nhưng rồi bỏ binh phục, ông lại đi làm trong một hãng chuyển chở.

Ham thích cơ học, ông đi học thêm ở viện Đại học Purdue. Về sau, không vừa lòng trong công việc làm ăn, ông lại trở về không quân. Sau nhiều thành tích ở Cao ly, ông trở nên huấn luyện viên không quân và tình nguyện đi bay trong kế hoạch Mercury. Trong số 110 phi công được thử, ông cùng với 6 bạn khác trong số ấy có Alan Shepard, được lựa chọn từ tháng 4-59. Từ đây, Grissom cùng 6 bạn phi công đã phải chịu đựng biết bao thử thách, huấn luyện. Ông đã phải đi hàng giờ trên những tấm thảm luôn luôn luân chuyển, ngồi trong nước đá cũng như chịu đựng phòng nóng 55 độ, học làm quen với lực gia tốc trong các máy ly tâm Ông còn phải biết dùng sao tìm ra hướng, phải biết tháo vát, tự lập trong bãi sa mạc mênh mông cũng như phải thoát thân từ một capsules rơi vào biển động. Những môn lý thuyết từ vật lý, khí tượng, qua thiên văn, sinh lý, ... ông cũng phải biết học qua. Ở trong capsules lại còn có biết bao máy móc, ông cần phải tinh thuộc cơ cấu và biết rành cách xử dụng. Trước khi bay thật ra vũ trụ ông và các bạn đã phải thử biết bao lần ở mặt đất cho đến lúc thanh thạo.

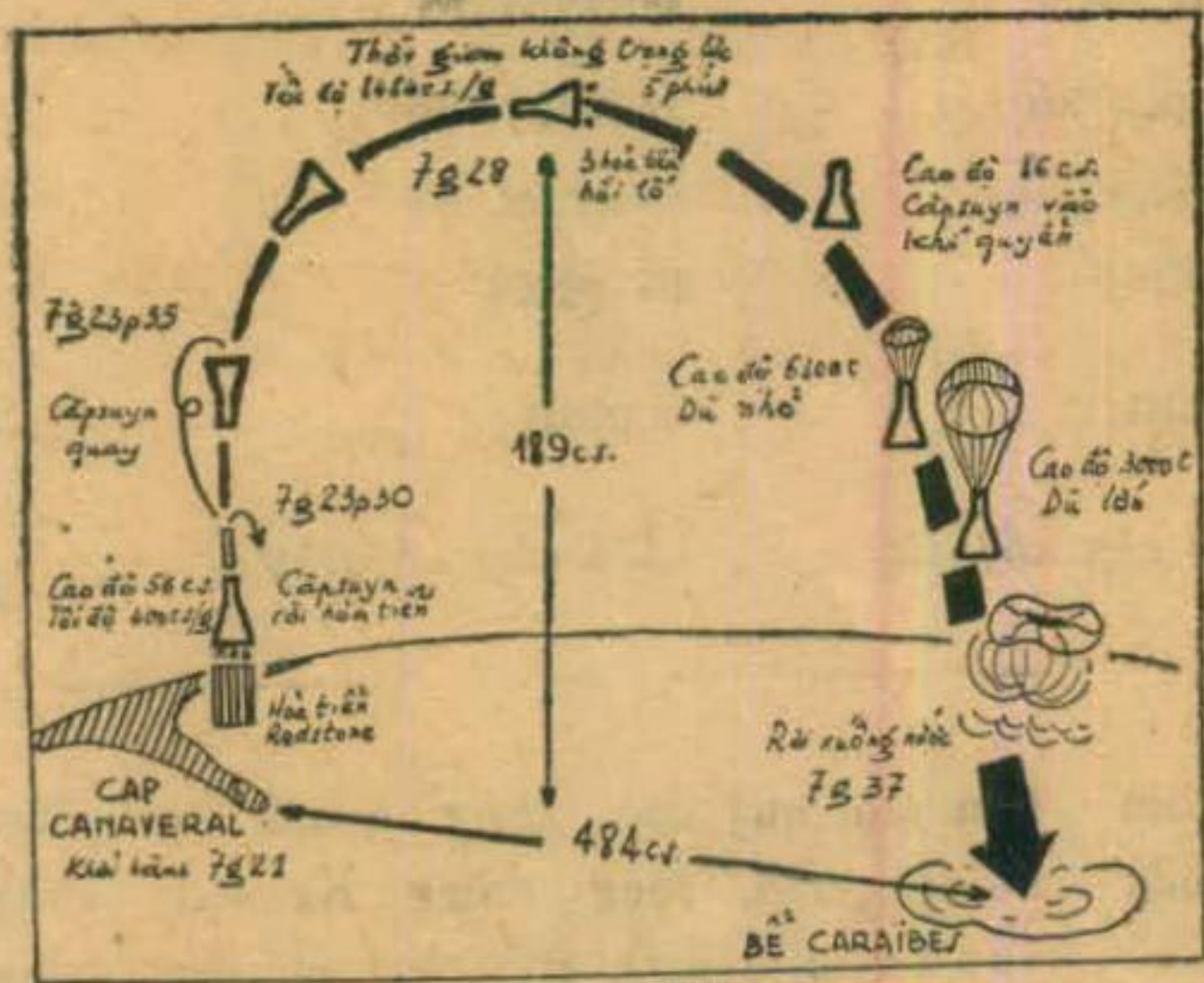
rõ nhiệt độ bên trong sát thân nhà phi hành. Những máy này đều có dây ăn thông với « bộ áo » ngoài. Sao khi xem xét lại các bộ phận, người ta mặc thêm cho Grissom một « bộ áo » lót đặc biệt có thể cho khí trời lưu thông, trước khi choàng ở ngoài cùng « bộ áo » vũ trụ nặng 9 kí lô, trong lót cao su, ngoài bằng nilông sơn nhôm. Bộ đồ cần thiết và kỳ dị này, dưới ánh sáng các đèn rọi, phóng ra những tia lấp lánh, và khi nhà phi hành cử động, người ta tưởng như đang đứng trước một người du hành của một thế giới khác lại.

5 giờ 30, trong lúc Grissom đang kiên nhẫn nằm chờ trong capsules thì trên trời lại một đám mây đen phá rầy nền trời xanh thắm hứa hẹn một ngày sáng lạn 6 giờ, người ta cho biết cuộc bắn phải đình lại 10 phút. 6 giờ 23, người ta tính phải hoãn lại một ngày khác Sau cùng, 7 giờ 5, mặt trời lại hiện ra. Tiếng đếm thụt lùi, bắt đầu từ sáng, bị gián đoạn một lúc, nay lại được tiếp tục.

Chuyến bay ra vũ trụ thứ nhì

7 giờ 21, trước hàng trăm nhà báo, chuyên viên, trước hàng triệu khán giả chăm chú trước máy vô tuyến truyền hình Mỹ, trong một bể khói và hơi khí lẫn lộn, hỏa tiễn Redstone rầm rộ khởi hành mang theo nhà phi hành Grissom.

Lúc ban đầu, Grissom chẳng phải làm gì hết, chỉ ngồi yên chịu đựng lực gia tốc, 2 lần rưỡi lớn hơn ở mặt đất. Tuy nhiên, Grissom vẫn đủ tỉnh để báo về những chi tiết chuyên môn hoặc những cảm tưởng của mình.



Quỹ đạo Liberty Bell 7

7 giờ 23 phút 30, cách mặt đất 56 cây số, 3 hỏa tiễn nhỏ vận dụng đưa capsules rời hỏa tiễn. Một nửa phút sau, một máy tự động cho chạy một hỏa tiễn nhỏ khác để quay capsules lại một vòng. Thành thử capsules hình phễu bây giờ xây miệng lại đằng trước còn nhà phi hành thì nhìn lại phía sau. Grissom báo về: « Mặt trời thật sáng nhưng nền trời tối đen ». Khác với lần trước, kỳ này Grissom có được một cái cửa sổ lớn để dễ trông.

7 giờ 26, Grissom ra khỏi sức hấp dẫn của quả đất trở thành người vũ trụ. Ông vẫn cử động được để cho quay capsulesyn nằm ngang với mặt đất. Chiếc Chuông tự do 7 lúc ấy cách mặt đất 189 cây số, chạy với tốc lực tối đa là 8484 cây số/giờ.

7 giờ 28, nhà phi hành cho hỏa tiễn hồi
tổ chạy để hãm dần cấpsuyn lại. Ông báo
về : lực phản gia tốc tăng lên gấp 8 lần, 9
lần, . . . 10 lần ! Cách mặt đất 86 cây số,
cấpsuyn đi vào khí quyển. Lớp kim loại
bọc ngoài cấpsuyn bắt đầu nung đỏ. Tuy
vậy, cách mặt đất 20 cây số, Grissom vẫn
được mạnh thường và tiếp tục nói chuyện

với mặt đất. Cách mặt đất 15 cây
số, ở Cap Canaveral, người ta không
còn nghe Grissom nữa, nhưng trên
chiếc hàng không mẫu hạm Randolph
chờ đón capsules ở cạnh Bermudes,
người ta bắt đầu truyền tin với nhà
phi hành.

Cách mặt đất 6300 thước, một chiếc dù nhỏ được phóng ra. Đồng thời nhiều mảnh kim loại nhỏ cũng từ capsules tung ra khí quyển để các máy radar dễ tìm kiếm. Cách 3000 thước, chiếc dù lớn hãm capsules lại.

12 giây sau, chiếc « Chuông tự do
7 » rơi xuống biển. Lúc ấy đúng 7 giờ 37.

Thành công nhưng vất vả

Trước khi rời capsules, Grissom còn muốn kiểm soát một vài bộ phận quan trọng như đã định trước. Nhưng một cuộc nổ bất thường mở cửa capsules ra, nước bắt đầu tràn vào phòng phi hành. Grissom vội vàng nhảy ra ngoài. « Bộ áo » đặc biệt của ông giúp ông nổi lên trên mặt nước cho đến khi một chiếc phi cơ trực thăng dùng dây vớt ông ra khỏi biển. Tuy thời gian cứu vớt rất mau, nhà phi hành cũng có thì giờ uống được vài hộp nước mặn ! Một chiếc phi cơ trực thăng thứ nhì móc được ở đầu dây cái capsules nhưng capsules đã đầy một nửa nước, trở nên quá nặng (capsules một mình đã nặng tới 1832 kilô) nên phi cơ không kéo lên nổi phải buông ra. Chiếc « Chuông tự do 7 » sau cuộc bay oanh liệt đã rơi xuống đáy biển sâu 5000 thước ! Chiếc capsules này tổn vào khoảng 70 triệu đồng. Bên phần Grissom, được đặt lên chiếc Randolph, đòi ngay một chiếc khăn tay vì đầu ông ướt đầm và xin

	SHEPARD	GRISSOM
ĐỘ CAO	185 cây số	189 cây số
ĐỘ DÀI	482 cây số	484 cây số
THỜI GIAN BAY	15 phút	16 phút
THỜI GIAN KHÔNG	5 phút	5 phút
TRỌNG LỰC		
TỐC LỰC TỐI CAO	8160 cây số/giây	8484 cây số/giây

uống nước... ngọt ! Bị đùa người, Grissom phải nghỉ một lúc, và sau khi ăn luôn một lúc thịt và trứng thì lại sức ngay và vui vẻ nhận lời khen bằng điện thoại của tổng thống Kennedy. Sau đấy, các bác sĩ lại khám nhưng chẳng có gì đặc biệt.

Grissom đã bay đúng 16 phút, khoảng cao nhất như đã thấy là 189 cây số, độ dài đo ở mặt đất là 484 cây số. Ông đã ở trong khoảng không gian không trọng lực được 5 phút. So với cuộc bay của Shepard với chiếc Liberty 7 (Tự do) hai vụ bắn rất tương tự nhau.

Sau vụ bắn thành công này, các nhà bác học Mỹ dự định sẽ cho bắn nay mai một nhà phi hành thứ ba ra khoảng không gian, nhưng lần này sẽ cho cápsuyn chạy

trên một quỹ đạo xung quanh quả đất. Đồng thời, tổng thống Kennedy cũng vừa ký nghị định mở rộng chương trình thám hiểm không gian, đặc biệt về kế hoạch bắn người lên cung trăng.

Xin nhắc thêm từ hôm bắn được Shepard ra vũ trụ, Mỹ đã còn bắn thêm được nhiều loại vệ tinh Discoverer, Explorer, Transit (dùng pin nguyên tử), Midas và Tiroc. Với nhiều tài liệu quý báu đã thu lượm được, người ta bảo Mỹ đã tiến hơn Nga về vụ hiểu biết không gian. Tuy vậy, người ta cũng đoán Nga sẽ không chịu lép vế trong cuộc chạy đua lên không gian hào hứng này.

VÕ-QUANG-YẾN



BÁCH KHOA

Đã đóng tới **TẬP 10**

Có bán tại toà soạn và các hiệu sách

TỘI NGƯỜI TRONG SẠCH

* CÔ - LIÊU

Rút ngắn truyện La Rançon des purs
của Paul Tillard

(Tiếp theo số 110)

Một trận mưa bụi bao trùm thành phố trong một tấm màn mờ suốt buổi sáng chủ nhật. Khí lạnh xông lên. Hottier rét run trong phòng giấy trụ sở. Giữa những chồng hồ-sơ cao ngất giấy đã ngả màu vàng, ông đã chôn vùi bao nhiêu năm cuộc sống ! Tuy địa vị của ông khiếm tốn nhưng sự vui vẻ trong việc làm an ủi ông phần nào. Và lại ông cũng không muốn được nhiều người biết đến, để hoạt động có hiệu lực hơn.

Nhưng sáng hôm nay, trong căn phòng lạnh như nhà mồ này ông nhận thấy cô đơn, chán nản, lạnh lùng với thế sự, lạnh lùng cả với chính mình nữa.

Hôm qua ông đã nhận được quyết nghị ngưng chức giám đốc sở kiểm soát, nhưng theo thói quen, sáng chủ nhật này ông vẫn đến trụ sở như thường lệ.

Trong những tầng lầu dưới, nhân viên đều nghỉ cả, trừ một vài người canh

gác và một vài nhân viên đến giải quyết những việc khẩn. Tất cả độ 20 người, đều là những người có tâm huyết, tin tưởng ở ý nghĩa cao đẹp của sự hy sinh.

Bỗng dưng Hottier nghe thấy tiếng reo hò từ xa đưa lại. Trên đài ông tờ báo hôm trước mở ra, phôi mấy hàng tit lớn loan tin Lazlo được phục quyền. Báo đăng tải một bản thông cáo của bộ nội vụ tố giác những mưu mô chánh trị đã buộc tội oan Lazlo. Một cuộc điều tra mới đây đã xác nhận Lazlo vô tội. Tiếp theo là một bài phê bình gay gắt.

Trở lại việc của mình, đã ba tháng nay ông chưa nhận được quyết nghị ngưng chức của Phong Trào. Cách xử trí ấy không có chi là khó hiểu. Lỗi lầm của ông không có gì quan trọng, so với công lao, cho nên họ không buộc tội được, họ để ông trong tình trạng hoang mang chán nản để ông phạm vào một

lỗi nào khả dĩ khai thác được họ mới nắm lấy cơ hội thổi phồng lên mà đập ông ngã quỵ, có lý do chính đáng.

Việc phục quyền cho Lazlo làm Thượng Hội đồng phải tức tốc thanh toán Hottier vì ông biết rõ vụ Lazlo, có thể gây khó khăn cho viên Tổng Thư ký.

Quyết nghị trao cho một người tùy phái mang xuống. Thẻ thức thiếu hẳn sự tế nhị, ít ra người ta cũng phải giữ hình thức, cho mời ông lên phủ dụ vài câu cảm ơn lấy lệ và đề nghị với ông nhiệm vụ mới chứ ! Nhiệm vụ mới ? Ông sẽ trông coi dinh thự của trụ sở, chăm nom cửa ngõ và công việc sửa chữa. Nhiệm vụ khí khiêm tốn so với khả năng một vị nguyên giám-đốc !

Cách đối xử ấy làm xúc phạm đến tự ái ông quá mạnh, nhưng ông còn đủ bình tĩnh để tự chủ. Sau 20 năm tận tụy với chức nghiệp ông trở lại là con số không, phần thưởng duy nhất là mớ kinh nghiệm 20 năm mà không ai chiếm đoạt được của ông.

Hottier lại nghe thấy tiếng náo động từ xa đưa lại. Ông ra cửa sổ nhìn xuống đường phố. Người qua lại dừng chân, quay đầu ngó về một phố ngang. Ngay lúc ấy nổi lên một vài tiếng còi xe cảnh sát. Một vài chiếc xe chạy đến đậu ngay trước trụ sở.

Hottier chột dạ. Chắc có chuyện gì đây !

Vụ án Lazlo đã làm sôi-nổi dư luận. Nhiều tờ báo nổi lên công kích bản án như một điều nhục mạ công bình và sự thật. Nhiều ủy ban thành lập đưa ra những kiến nghị phản đối bản án xảo trá. Sau ba tháng dư luận đã gần lắng xuống, nay tin phục

quyền cho Lazlo lại khơi lên sự sôi-nổi hơn trước.

Hottier nhận thấy người ta muốn khai thác tình trạng đó. Phong trào Anh Thảo, một tổ chức đối lập của Phong Trào Tháng Tư, và nhiều nhân vật lớn tiếng biện minh rằng những người cầm đầu vô đạo đã lợi dụng uy tín để bách thúc các Thẩm phán làm một việc nhục mạ lịch sử.

Phong Trào Tháng Tư phải im tiếng.

Sở cảnh sát biết tin cuộc biểu tình phản đối đang thành hình, báo tin cho viên Tổng Thư ký biết và sẵn sàng can thiệp giùm để bảo vệ trụ sở nếu có sự phá phách. Nhưng Phong trào từ chối. Phong trào tin rằng đã có một hậu thuẫn quần chúng hùng hậu bên vực.

Hottier tái mặt vì nhận ra hậu thuẫn đó chỉ có trong trí tưởng tượng của viên Tổng Thư ký, mà đám biểu tình reo hò đã tới gần, họ hát bài quốc thiều. Và ủy ban lãnh đạo đã rút lui đi chỗ khác để mặc trụ sở với 20 nhân viên ngây thơ làm mồi cho đám người biểu tình bùng nổ.

Thâm ý ?

Hy sinh vài tay em. Họ đang cần có người tử vì nghĩa để khuyến khích những người khác thêm nhiệt thành với Phong-trào

Hottier can đảm ngồi vào bàn giấy. Ông gọi điện thoại đến vài người quen thuộc nhờ động viên cấp bách một số đồng chí đến cứu anh em. Bốn phần của ông đã vạch rõ : phải cứu lấy mạng người mặc dầu hành động của mình sẽ bị người ta khiển trách.

*
* *

Elizabeth đã báo cho Marchand biết bằng điện thoại nàng sẽ đến với Lazlo ngay. Người yêu của nàng đã trở thành phế nhân, nhưng ái tình của hai người còn đậm thắm như buổi mới. Giáo sư chỉ an ủi nàng được một câu :

— Chị chăm nom cho anh ấy cẩn thận nhé !

Elizabeth buông máy xuống, ông biết nàng nuốt nước mắt nghẹn ngào ở đầu dây nói đằng kia. Nước mắt ông cũng trào ra.

Marchand tản bộ xuống bờ sông Seine, ông thấy tiếng kêu một chiếc máy bay nhỏ lướt rất thấp, ông nhận ra chiếc máy bay của sở Cảnh sát. Vừa lúc ấy từng đám thanh niên ngực đeo phù hiệu của Phong trào Anh Thảo, vẻ mặt căm quyết hung hăng kéo đến phía trụ sở Phong Trào Thẳng Tựa. Ông theo họ đến nơi.

Trước trụ sở vài trăm người tụ họp, nắm tay, giơ gậy ra hò hét, làm huyên náo. Vía hè bên kia đã có một đám đông người đứng xem, một thứ quần chúng hiếu kỳ, nghển cổ giương mắt chầu ra hóng bất cứ chuyện gì : một nhân vật đi qua giữa hàng rào mô-tô lính mũ trắng, một cái bóp cải to khác thường, một con chó bị xe cán. Họ sẽ lấy làm thích thú đợi cuộc ẩu đả để khen người này chê người kia, như đám quần chúng La-mã thuở xưa trước khán đài. Đã bao thế kỷ qua rồi, con người vẫn chưa thay đổi !

* Giữa đám người bao vây trụ sở, một cái thang vọt lên, áp vào tường. Một thanh niên tay cầm cuốc trèo lên phá tấm kính trên cửa ra vào.

Đám đông reo hò, khoái trí. Trên tầng gác thứ 3, một cửa sổ vừa mở. Một cái bàn giấy lộn từ trong nhà đẩy ra, rơi xuống người thanh niên ở đầu thang. Người và vật theo nhau nhào xuống trúng mấy người đứng giữ thang dưới đất.

Tiếng hò reo im bật, kể theo là tiếng rên xiết của mấy người bị thương.

Đám biểu tình bỏ vỉa hè lúi xuống đường. Chai xăng quăng qua cửa bể kính vào nhà, rồi núi lửa tiếp theo.

Cửa ra vào bị phá tan. Từng loạt người cuồn cuộn ập vào như bị hút bởi một luồng hơi mạnh, trong khi khói đã từ cửa sổ tuôn ra. Tán kịch đến lúc gay cấn nhất.

Cửa sổ từng lầu hai đã mở, từng chồng giấy má ném tung ra, xoáy vòng tròn trước khi rơi xuống hè.

Đó là những căn phòng lộng lẫy nhất trang hoàng bằng những thứ quý giá, đèn, thảm, bàn ghế đồ trang hoàng đều là bảo vật. Chỗ ngồi của vị chủ tịch tôn nghiêm như ngai vàng của một giáo chủ. Tuy rằng tượng trưng cho lực lượng nhân dân, Phong trào cũng khoác một bộ mặt hết sức sang trọng. Phô trương những sự sang trọng ấy, thời nào cũng làm cho quần chúng thần phục và tin cậy. Những bảo vật đều theo sổ sách giấy má tung xuống hè, gãy nát tan tành.

Quần chúng la hét, cười cợt, reo hò, tán thưởng ; một dịp để bộc lộ bản năng phá hoại thẳm kín.

Marchand đứng lẫn trong đám người hiếu kỳ quan sát. Ông giật mình khi nhận

thấy một toán người chống biểu tình kéo đến, đi đầu là Hottier. Ông còn nhận thấy một người bạn chiến sĩ nữa là Lebidoux. Toán chống biểu tình cũng hát bài quốc thiều. Giọng Lebidoux lớn hơn cả.

Cuộc đánh lộn xảy ra hỗn độn giữa hai toán. Lúc ấy trên lầu một người thò đầu ra, nắm tay hét lớn :

— Quân sát nhân !

Ở dưới, cách chỗ Marchand đứng chỉ độ 5 thước, một khẩu súng lục nhắm giữa ngực người trên lầu.

Hottier la lớn :

— Đi vào !

Lebidoux nhảy đến chỗ người cầm súng, nắm lấy tay bẻ xuống. Tiếng súng nổ, Lebidoux kêu lên một tiếng, chân dần dần khụy xuống, tay đưa lên vuốt ngực chỗ viên đạn vừa xuyên qua. Người kia vội vã lẫn vào đám đông.

Marchand chạy lại đỡ. Tuy đau, nhưng Lebidoux cũng mỉm cười khi nhận ra bạn, cái mỉm cười có nghĩa là : « Tôi rất vui sướng thấy anh cũng đến đây bình vực lẽ phải » Một tia máu trào ra để gạch câu nói.

*
* *

Jean Michel, tay lái chắc chắn và thanh lịch, dừng xe trước một biệt thự của Phong trào ở vùng ngoại ô Ba-Lê.

Giữa khung cảnh trang nhã của một lâu đài vua chúa dành riêng cho một số ít người chỉ huy, những nhân viên cao cấp của Hội đồng tối cao nhóm họp, xa hẳn những lời bàn tán vô vị của quần chúng.

Người canh cổng lễ phép hơn một người lính hầu ra đón, mũ cầm tay, đầu cúi rạp. Nhân viên cảm thấy mình quan trọng trước bằng chứng tôn kính mà không thấy có gì là hèn hạ. Chương trình tranh đấu chánh trị của họ đã chẳng ghi điểm phá bỏ sự phân chia giai cấp rồi sao ? Vả chăng đồng chí gác đàn được hưởng bao nhiêu quyền lợi, không kể bao nhiêu huý chương, giấy khen, bằng cấp và sự trọng vọng của dân quê quanh vùng !

Một viên trưởng khế đã được lệnh chờ sẵn từ sáng để chứng kiến buổi họp. Phòng họp trang hoàng lộng lẫy còn hơn căn phòng ở trụ sở. Ghế ngồi của vị chủ tịch cao hơn ghế của hội viên. Viên Tổng Thư ký cũng được ngồi một chiếc ghế như thế, lưng dựa ngấn hơn một chút thôi. Viên phó thư ký ngồi ngay sau để tiện việc nhận lệnh.

Cửa mở. Vị chủ tịch dẫn đầu bước vào, rồi đến tổng thư ký, tổng thủ quỹ và các nhân viên thượng hội đồng, phân chia thứ vị ai ngồi vào chỗ nấy.

Viên tổng thư ký tuyên bố lý do phiên họp bất thường :

— Từ phiên họp cuối cùng ở Ba-Lê, vụ Lazlo biến chuyển không ngờ. Chính phủ lo ngại. Tổng trưởng bộ nội vụ luôn luôn gọi điện thoại cho sở công an...

Một hội viên cắt ngang bằng một câu hỏi ngớ ngẩn :

— Sao ông biết ?

Chủ tịch vội phân giải :

— Hà tất đồng chí phải quan tâm, đó là một tiểu xảo !

Nhưng đồng chí của ông không thể nào nghĩ ra người ta lại có thể để một cái máy vi-âm sau bức màn để nghe trộm những bí mật quốc sự. Đồng chí của ông không dám hỏi thêm đành ngồi suy nghĩ trong khi viên Tổng Thư ký nói tiếp :

— Trong giờ phút nghiêm trọng này, ban mật vụ đã vạch con đường chúng ta phải theo và yêu cầu tôi làm trung gian để xin sự tán đồng của quý vị. Đối phương công kích chúng ta, nhưng nếu ta lấy sức mạnh đối phó lại với sức mạnh thì thật là điên đảo. Các chiến sĩ sẽ không theo ta. Chúng ta đã trù liệu cả. Đối phương chỉ hại được số ít anh em có mặt ở trụ sở. Nhưng ta hy sinh mấy anh em không phải là vô ích . . .

Đồng chí hỏi nãy lại há hốc miệng, đảo ngược mắt. Lần này ý kiến ông tung ra lộn xộn :

— Trời ơi ! ban mật vụ của đồng chí là mọi ăn thịt người ! Để cho họ làm thịt bọn mình sao ? Ta phải tìm đủ mọi cách giải cứu cho anh em chứ !

Giữa sự bất bình của hội trường, một đồng chí phải « chỉnh » ông bạn hay vớ vẩn :

— Đồng chí còn có những tư tưởng lạc hậu. Đồng chí há không biết rằng cá nhân chúng ta, chỉ là hạt bụi. Đồng chí hay tôi chết có quan hệ gì nhất là khi được hy sinh cho một sự cao cả. Chết oan ư ? một tư tưởng chủ quan. Trong trận chiến tranh này phải có người chết oan. Nhân đạo ? một khái niệm mung lung không thể cố chấp khi nó cột chặt chân ta vào sự thoái hóa.

Chúng ta phải nhìn cao hơn, nhìn vào thực tế, và Chân-lý. Chân-lý đòi hỏi chúng ta tán thành vô điều kiện đường lối đã vạch ra.

Toàn thể mọi người gật gù tán đồng.

* *

Điện thoại luôn luôn đưa đến tin tức cuộc tàn phá của đối phương ở trụ sở. Nhưng ở đây nhân viên Thượng Hội Đồng ngồi yên ổn trong ghế bành giữa khung cảnh thư thái an nhàn. Họ thanh thoi bảo toàn thân thể vàng ngọc để phục vụ nghĩa lớn. Mọi người đã chẳng bầu họ vào địa vị cao quý ấy sao ?

Viên Tổng thư ký ngấm nghĩa móng tay mình, kiểm lại xem hai ngón tay chỗ có còn bằng nhau không ? Hội viên kẻ ngồi vẽ nhăng vẽ nhít trên giấy, người ngồi mơ mộng . . .

Bỗng dừng điện thoại báo tin có chiến sĩ của phong trào nhà đến giải cứu. Mọi người xúng xốt đứng cả dậy. Ban mật vụ đã đổi ý hay sao ? Nhưng ai cho lệnh ? Tại sao Tổng Thư ký không hay biết gì cả ? Vậy ra ông đã triệu tập Đại Hội Đồng để báo cáo tầm bậy à ?

Hắn là có kẻ làm phản !

Có người đã thấy địa vị của Tổng Thư ký sẽ lật nhào. Jean Michel lo ngay ngáy. Nếu chủ mình về vườn thì mình sẽ bám víu vào đâu ?

Nhân viên đặt câu hỏi chất vấn :

— Người ta đã huy động được lực lượng để chống cự không cần mệnh lệnh của ông, nghĩa là ông không còn uy tín

nữa. Vậy ra chúng ta đã bị những phần tử phản bội âm thầm phá hoại từ lâu nay mới ra mặt. Chúng ta còn yên ổn được không nếu họ thắng thế ! Trong chúng ta đây ắt có người phản nghịch !

Mọi người đưa mắt nghi kỵ nhìn nhau. Có hai người thân nhiên đi lại trong phòng, họ biến thành ngay hai người khả nghi. Những cặp mắt nghi kỵ đều đổ xô về phía hai người ấy. Hai người quay lại thấy thế đều hoảng hốt, mặt tái ngắt, bốn mắt chớp lia lịa như muốn xin tha thứ. Điện thoại lại cho biết đám người biểu tình đã rút lui, không có ai chết. Nhân viên trong trụ sở đã thò mặt ra cửa sổ.

Cảnh tượng hội nghị càng lộn xộn. Kẻ bức tức vì Tổng Thư ký đã hứa sẽ có một số nạn nhân để « tùy nghi xử dụng » mà nay không có một người nào. Kẻ lo ngại bàn tay bí mật làm phản. Kẻ cho sự phá phách trụ sở là một sự phỉ báng.

Viên Tổng Thư ký vô cùng bối rối phải tìm cách cứu vãn. Ông cho biết sẽ mở cuộc điều tra và thẩm tính kẻ phản thù.

Chủ tịch tuyên bố bế mạc hội nghị.

Có người còn muốn rút kinh nghiệm ra một bài học luân lý :

— Tôi không muốn ám chỉ ai, nhưng xin thưa rằng nhiều anh em trong chúng ta quá chủ quan. . .

Nhưng mọi người đã kéo ra cửa, không muốn nghe bài giảng luân lý không phải lúc.

Không ai giấu nổi sự thắc mắc.

* * *

Một trạm cứu thương tạm thời được lập tại quán cà phê gần trụ sở Phong Trào. Độ 10 người bị thương được đưa đến.

Marchand nhận thấy Hottier trong đám người ở trong quán lấy làm khó chịu. Hottier lẩm bẩm :

— Quân khốn nạn !

Marchand quay lại thấy mặt Hottier cùng lộ vẻ kinh hoàng như mình thì lấy làm lạ, ông hỏi :

— Ông ám chỉ ai vậy ?

— Vẫn những người hèn nhát ấy — Hottier chút hết nổi bất bình dồn ép bấy lâu — những người rình mò tôi trong bao lâu, ngày nay định khai thác cuộc đụng độ này, họ cần có 20 người tử nạn để . . .

Ông ngừng bật đưa mắt quanh mình xem có ai nghe trộm rồi hạ giọng xuống :

— Họ bỏ liều 20 mạng người trong trụ sở . . .

Marchand con dè dặt tuy thấy Hottier cời mở, ông chợt nghĩ rằng có lẽ Hottier cũng như mình, cũng trong cảnh ngộ những người bị lường gạt. « Dầu sao nghe hấn cũng chẳng hại gì, hấn ở địa vị biết rất nhiều về vụ này ». Nhưng rồi hai người cùng cảnh ngộ tự nhiên thông cảm với nhau như hai người cùng vó được một mảnh ván lúc đang chới với giữa dòng.

— Vụ Lazlo được phục quyền làm họ bẽ mặt. Họ phải bào chữa. Bằng cách nào ? Họ phải trở lại là nạn nhân một vụ tàn sát để quần chúng cảm kích. Hy sinh mấy tay em đi để có đổ máu, họ được lời gấp trăm gấp ngàn. Quần chúng sẽ quên vụ Lazlo mà chỉ thấy có họ là nạn nhân. Họ có những người tử vì nghĩa để làm bằng chứng lên án lòng bất nhân, vô đạo của đối phương

gây ra cuộc đổ máu này. Họ xoay trở dư luận công phần của quần chúng về phía Phong trào Anh Thảo Mưu chước của họ là mở cửa thành cho quần chúng bị kích thích đổ xô vào giết hại mấy người ngây thơ thành tâm bảo vệ danh dự đảng mình.

Marchand chăm chú nhìn người đối thoại :

— Vâng, tôi cũng nghĩ như thế, song có điều tôi còn thắc mắc : những con vật hy sinh đó họ lấy ở đâu, nếu không là người của đảng ?

— Phải, những người của đảng, nhưng sự hy sinh của những người ấy đã xây đắp vinh quang cho đảng. Điều này có vẻ quái gở nhưng cái gì cứu được họ mà họ không dám làm, nhất là sự dấn cảnh khéo léo kín đáo không ai ngờ, mà kết quả ngoài sự mong muốn.

Marchand bàng hoàng trước sự thật tàn ác, trước ảnh tượng ghê gớm về ác tâm của loài người, che đậy dưới bề ngoài cao đẹp.

— Vậy ông đã vận động để cứu anh em.

— Tôi tự cứu lấy tính mệnh tôi. Anh em nhờ đấy mà thoát cả. Tôi rất tiếc rằng người tử nạn lại là bạn ông. Vô tình tôi đã gây ra tội ấy mà thôi, vì tôi không thể làm hơn được.

— Nếu tôi ở địa vị ông tôi cũng làm vậy. Ông không phụng sự phong trào, ông chỉ phụng sự công bình và nhân ái. Một người ngay thẳng không thể hiểu bốn phận mình khác được.

Marchand chợt nhớ đến bạn Lebidoux, ông tiến đến phòng điện thoại. Một ký giả đang đọc bài tường thuật về toà soạn.

Một vài câu tán dương tinh thần hăng hái bênh vực lý tưởng của cuộc xô xát đổ máu. Thái độ người ký giả làm ông mỉm cười. Mụ chủ quán kiểm lại ngân kéo tiền, vẽ bằng lòng hiện ra mặt, nhờ vụ đổ máu này tiền thu gấp 4 lần ngày thường, mấy khi đã có dịp đắt hàng !

Khi Marchand cầm lấy máy nói thì đầu dây đằng kia tiếng người y tá đưa lại :

— Nạn nhân đã chết giữa đường, trước khi về tới bệnh viện.

Không thấy người đối thoại trả lời, người y tá hiểu rằng vì cảm xúc quá mạnh, ông nói thêm.

— Quân khốn nạn !

Marchand phân vân, không biết ông ta nói ai. Marchand trở lại chỗ Hottier. Nom mặt ông, Hottier cũng hiểu điều lo ngại của ông về Lebidoux đã thành sự thật. Hai người đứng yên lặng bên cạnh nhau. Nỗi buồn chung làm cho họ gần nhau hơn tất cả những câu tâm sự khác.

Họ đã hiểu nguyên do sâu xa bí ẩn gây ra cái chết của Lebidoux. Họ tự cho là mình có phần trách nhiệm trong phạm vi mình đã gia nhập Phong Trào đến gây thêm thanh thế, mà Phong Trào đã bán nhạo lòng tin tưởng ngây thơ của mình, biến đổi lòng trung nghĩa của mình thành sự gian ác.

Con người muốn giải thoát cho mình những sự áp bức, phải chăng chỉ mắc lừa những ảo tưởng ? Loài người mò mẫm trong đêm tối huyền bí của sự sáng tạo hoá công, muốn đem lại ý nghĩa, trật tự, muốn làm chủ lấy mình

TỘI NGƯỜI TRONG SẠCH

mà, thực ra chỉ là món đồ chơi trong tay trẻ tạo sai khiến. Chính phục không gian, chinh phục nguyên tử để hoàn thiện cuộc sống chỉ là ảo vọng hạnh phúc nếu người đời thiếu đạo đức.

Marchand nói ôn tồn như nghĩ một mình:

— Đời chúng ta vô nghĩa nếu không tìm lấy một lẽ sống. Nhưng vì chân thành với lý tưởng sống chúng ta đã đến nông nổi này, chúng ta trở thành những con bài để kẻ xảo quyệt sai khiến. Tôi tự hỏi vì bản chất con người có những khuyết điểm nào mà một lý tưởng vốn cao đẹp khi đem thực hành dễ bị bóp méo? Những lãnh tụ lúc đầu cũng là người không xấu xa hơn chúng ta, dần dần lên địa vị cao sang đã trở thành những người tàn ác bỉ ổi. Từ thuở Phong kiến, chuyên chế ngày xưa đến nay, họ vẫn như nhau không khác gì.

Những địa vị then chốt ấy không bao giờ về tay những người trung kiên hay tài giỏi mà về tay những người háo thắng, khéo léo và mãnh lới. Có lẽ chúng ta đến bỏ cuộc mà thôi.

Tôi thiết tưởng ta phải ở lại. Điều can hệ là phải mang sức lực của chúng ta ra ngăn chặn điều ác. Ngày hôm nay tôi đã cứu được 20 mạng người. Đó là điều khuyến khích tôi phải hết lòng với bốn phận.

Ngoài đường xe rác thâu nhặt hết những món đồ quý giá bị đập phá tan tành, tàn tích của cái bề ngoài choáng lộn vẫn trưng lên để quần chúng thán phục và tin cậy.

* * *

Ngày hôm ấy Marchand trở về nhà rất muộn. Ông đi bộ để cho sự nhọc nhằn thể xác làm quên đi phần nào những thắc mắc tâm tình. Nghĩ đến lời nói của Hottier, ông thấy mình không thể theo được. Địa vị Hottier khác, còn ông, ông không thể ở lại để tăng thêm uy thế cho những người lừa dối quần chúng. Bốn phận của ông là phải tố cáo những sự bỉ ổi này với dư luận. Ông sẽ viết một bài đăng báo.

Vừa đi vừa nghĩ, ông đến nhà thương. Ông muốn vào thấy mặt Lebidoux một lần chót. Nhưng ông dừng lại trước cửa. Lúc này chung quanh xác chết bạn ông hẳn có đủ mặt đại diện Phong Trào. Lúc sống, đời bạn ông tối tăm mọi người bỏ quên nhưng nhờ cái chết đã nổi bật lên. Đám tang sẽ cử hành long trọng như đám tang một vị chánh khách. Và trước năm mồ đất lạnh viên Tổng Thư ký sẽ đọc một bài điệu tang không thiếu lời hay ý đẹp.

Về đến nhà ông bước vào phòng con gái. Thấy mặt con, tự nhiên những điều lo nghĩ chìm đi, tình thương con, nổi bật lên đây là tất cả cái gì ông còn có thể coi là sự an ủi.

CÔ - LIÊU

Giản dị và sâu sắc

Mục-sư Albert Schweitzer, kiêm y-sĩ, được giải thưởng hòa bình Nobel năm 1952 viết trong tập « La religion dans la civilisation moderne » :

« Người thời đại không ưa thích điều giản dị. Họ không còn tin điều giản dị có thể sâu sắc. Họ ưa thích những điều phức tạp và cho điều phức tạp là sâu sắc. Họ ưa thích sự bạo tàn ».

S ự c t i n h

VŨ-QUỲNH-BANG

Gió vốn nôi phiêu lãng
Không nhà đi lang thang,
Gặp làn mây phiêu bạt
Đưa nhau vào rừng hoang.

Nhà ta bên suối nhỏ,
Bốn mái lợp mây vàng,
Hoa bốn mùa vẫn nở,
Hoa tươi màu thời gian.

Sống giữa ngàn hoa lá,
Tinh đẹp buổi hoang sơ.
Đêm nào trên phiến đá,
Ta khắc một bài thơ.

Bài thơ lời diễm tuyệt,
Muôn đời trắng sáng soi.
Giọng vàng rung ánh nguyệt,
Theo dòng suối xa trôi !...

Một bữa mây cùng gió
Xem thơ bỗng cả cười,
Lời thơ đâu có đẹp
Nhưng vẫn thiếu tình người.

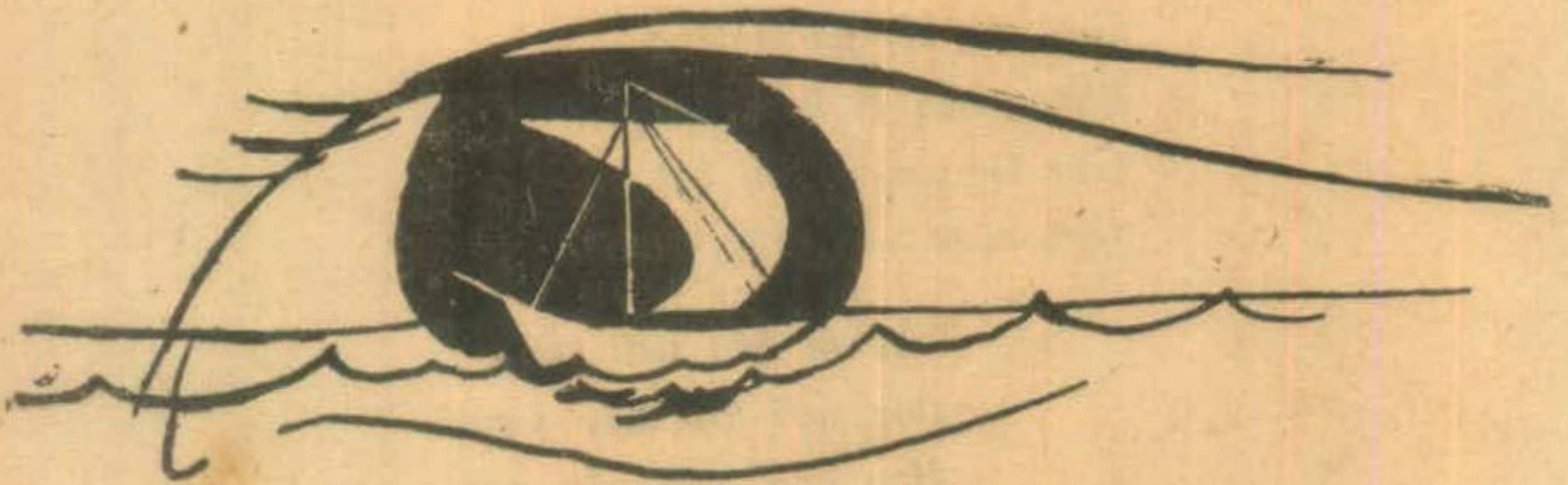
Bằng hoàng ta sức tỉnh
Té ra thơ của người.
Trở về từ đạo ấy
Làm thơ cho cuộc đời.

VŨ-QUỲNH-BANG
1961

M O' . . .

(trước một tách cà phê)

Gửi M, 10 năm sau.



Khoanh tay im lặng nhìn xem
Dịu dàng màu trắng êm êm chuyển vào
Khối đen còn thiếu ngọt ngào
Đề cho biển vắng thôi sâu đứng trông.

* *

Lặng im mà uống đôi dòng
Nước xanh tự lại mơ màng vòm cao.
Tin Yêu vừa nhẹ xôn xao
Đáy lòng hồ thăm mùa nao Chán chường.
Cầm hờn đắng trộn Đau thương
Bao U uất nặng thôi vương biên trời.
Tóc tang màu cũ bay rồi,
Ấm vui sắc mới nhạc đời hòa đây.
Dịu Nước trong, nhẹ làn Mây,
Gửi vào dĩ vãng những ngày Gió Mưa.

* *

Yên lòng ngồi ngắm Thuyền thơ
Êm êm già Bến mà mơ một Màu...

B. X. 6, 20-VII-51
NGUYỄN-NGU-Í

BÁCH KHOA CXI

TIẾNG VÀNG

LÊ-THANH-THÁI

Cùng quê miền biển rộng
Có sóng cợt cát vàng
Hàng thùy dương rũ tóc
Nhìn đèo phủ mây tang ;

Có ruộng ôm vườn nhỏ
Nắng đếm cau từng hàng
Có hoa cài lối ngõ
Sông nước hò mênh mang...

Quê hương chừ nằm đó
Mà thấy như ngỡ ngàng !
Hỡi ai đang phiêu lãng
Xứ bụi trắng nắng vàng ;
Khi sầu theo tuyết rụng
Có thấy hồn mang mang ?
Mà thương hồn mây cũ
Cuồn cuộn trong chói chang !

Trắng quê xưa có gầy ?
Mà duyên nay bẽ bàng !
Cho tâm tư nghiền nghiền
Tang thương nghiền đá vàng...!

LÊ-THANH-THÁI

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



**Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông**



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu



VÕ-PHIẾN

NHỮNG ≡BUỔI≡ MAI ĐẸP

BỎ xong lá thư vào thùng thư, Hữu rút tay ra, nắp thùng sắt đóng xuống vang lên một tiếng lớn ở chỗ góc đường vắng. Cùng lúc ấy một cái lá sao khô rơi chạm trên tóc chàng nhẹ nhàng, dừng lại một lát, lại chạm xuống vai. Chàng vừa quay mặt ra đường thì một cơn gió thổi qua, lá sao lại rụng đổ xuống tán loạn. Lá bay lăng quăng trong gió, rớt lộn xộn trên đường dầu, trên lề xi-măng.

Hữu thấy lòng rộn lên vui sướng. Tại lá thư mới bỏ vào thùng? Tại buổi mai đẹp, trời xanh mát mẻ, lá cây bay dưới hàng cây cao vút bên đường? — Chắc là

tại tất cả, và tại vì sáng nay chàng thấy trong người nhẹ nhàng, khỏe hơn mọi hôm.

Hai người thợ chụp bóng dạo thấy chàng đi đến cùng đưa máy ảnh lên, khom người xuống nhắm. Chàng, khoác tay từ chối, và mỉm cười, kín đáo ra dấu cho họ quay lại phía một thiếu nữ mặc áo vàng đang đi ngược lại hướng chàng.

Nhưng thiếu nữ đã lắc đầu. Chàng vui vẻ trao đổi với hai người thợ chụp bóng một cái cười tinh nghịch, và tiếp tục đi.

Hữu nhớ ra đã lâu quá mình không có dịp đi dạo ngoài trời vào lúc nửa buổi mai.

NHỮNG BUỔI MAI ĐẸP

Đi được như thế có lẽ cũng có ảnh hưởng tốt cho sức khỏe. Chàng tự hẹn bắt đầu từ nay sẽ tìm những cơ hội để thoát ra khỏi phòng giấy của sở mỗi buổi mai chừng mười lăm, hai mươi phút.

Một chiếc xe Mercedes do một người đàn bà cầm lái vượt qua mặt chàng. Chiếc xe đẹp lướt êm trên mặt đường nhựa rộng, bằng phẳng và sạch, cánh tay trắng trẻo của thiếu phụ đặt lỏng lẻo trên vành tay lái, chiếc khăn vuôn trùm tóc phấp phới vẫy nhẹ-nhẹ nhìn qua tấm kính lấp loáng ; cái gì chàng trông cũng có vẻ khinh khoái, nhẹ nhàng.

Đi một hơi dài trên quăng đường có bóng nhà lầu cao và bóng cây cao che khuất mặt trời, chàng thấy hơi mát thấm vào người, lành lạnh. Nhưng chàng đã gặp ngay một đoạn đường có nắng. Chàng bước mau thêm, vừa đi vừa chú ý đến mình, tự thưởng thức cái dáng đi mà chàng cảm thấy nhanh nhẹn, gọn gàng, đẹp.

Hai bên thái dương đã bắt đầu ran rát vì nắng. Hơi nóng trong người bốc lên ở dưới cổ, trước ngực. Một ít mồ hôi thấm sau lưng áo và dưới nách. Nhưng lúc ấy thì chàng về đến sở. Thật là vừa-vặn. Chàng thở ra khoan khoái.

Người tùy-phái ngồi trước cái bàn để gần chỗ cửa ra vào đang nhú chân mày lại chăm chú viết không biết là một lá thư hay là một cái đơn gì. Anh ta ngẩng đầu lên, trông thấy chàng, toan cúi xuống, nhưng chợt nhớ ra, nói :

— Có cái ông nào ấy đến hỏi ông.

— Thật hả ? Đến hỏi nào ?

— Vừa mới đến, còn ngồi chờ ông trên buya-rô ấy.

— À, thế hả ?

Chàng đã định bước đi nhưng vui miệng hỏi vói thêm một câu :

— Trông quen hay lạ, anh Thổ ?

— Lạ. Hình như ở đâu ngoài Huế mới vào.

Hữu lên thang lầu. Cái việc bất ngờ có một người lạ đang chờ mình tự nhiên lại kích thích cơn vui của chàng. Chàng nhảy từng hai bậc thang một, nhanh thoăn thoắt.

Gần đến bậc chót, thỉnh lĩnh chàng thấy mệt và ho luôn bốn năm tiếng. Chàng khó chịu : một sự lo lắng thoáng qua khuấy lắng cơn vui.

Chàng chậm bước lại, nhưng lên khỏi thang lầu lại ho tiếp vài tiếng nữa. Chàng không cảm thấy có gì vướng trong khí-quản cả, vì thế không ho mạnh, nhưng cứ hít hơi vào thì phổi như không nạp nổi được tất cả số không khí : một ít hơi bị tống ra trong một tiếng ho yếu ớt. Hữu chú ý, cố gắng nén được một cơn ho nữa sắp nổi lên.

Chàng bước vào phòng. Một người đàn ông đã đứng tuổi, hơi thấp, đang ngồi trên cái ghế ngay trước bàn làm việc của chàng, vẻ người chừng chạc nhưng hơi bơ ngỡ. Chàng tiến tới bắt tay. Hai bên đều không nhận ra nhau. Người khách hỏi :

— Thưa. . . ông là ông Đỗ-Văn-Hữu ?

— Vâng.

— Thưa, tôi là Năm-Thành..

— A ! ông Năm ! Được nghe nói đến ông đã lâu, hồi còn ở ngoài tỉnh mà không gặp, bây giờ đi xa lại có dịp được biết ông !

Người khách cười, mặt đỏ ửng lên.

Năm Thành là một người « nhưng », tức là một ông thầy tuồng hát bộ.

Trong các ông « nhưng » ở tỉnh chàng, Năm Thành thuộc vào hạng khá, có tiếng.

Trước đây chừng hai mươi tháng, khi chàng còn ở Qui-Nhơn, có một đoàn quay phim đi từ Sài Gòn ra đến Huế để thực hiện một cuốn phim giới thiệu các danh lam thắng cảnh, phong tục sinh hoạt của mỗi địa phương. Họ tới Qui-Nhơn, chàng quen với một nhạc-sĩ trong đoàn nên đã giới thiệu với họ một số con hát để họ ghi âm các điệu dân ca trong tỉnh và mấy câu hát bộ. Về sau khi ráp phim, người dàn cảnh có loại ra một đoạn trong cảnh hát bộ. Nhạc - sĩ Vũ-Thái cộng tác với hãng phim nhân tiện lấy những đoạn ấy gửi cho một người bạn đang nghiên cứu về cổ nhạc Việt-Nam còn du học ở Pháp. Viện Sur-tăm Âm nhạc Đông phương ở Ba-lê được nghe trình bày những tài liệu âm nhạc ấy muốn xin in ra chừng ít trăm bản để trao đổi phổ biến trong phạm vi các tổ chức nghiên cứu âm nhạc.

Nhạc sĩ Vũ-Thái được người bạn ở Pháp báo cho biết tin, liền viết thư xin phép các nhạc công và đào kép hát bộ đã tấu diễn nhạc khúc ấy. Những người này không bao giờ có thể ngờ rằng một cơ quan văn hóa ở tận bên Ba-lê lại có ngày cần đến mấy bài kèn và giọng hát của mình, họ phân vân không biết gặp cơ hội như

thế thì nên đòi hỏi những quyền lợi gì. Ông nhưng Năm được ủy quyền vào gặp nhạc-sĩ Vũ-Thái. Nhớ rằng trước đây Hữu đã đứng ra giới thiệu đoàn hát bộ với hãng phim và Hữu là người cùng quê, ông nhưng Năm vào Sài Gòn ghé lại hỏi ý kiến chàng trước khi đến người nhạc sĩ. (Như vậy ông Năm Thành từ Qui-nhơn chứ không phải từ ngoài Huế vào Anh tùy phái người Bắc đã thường lẫn lộn, cho tất cả miền Trung đều là Huế cả).

Trong khi ngồi nghe ông Năm Thành thuật qua sự việc, Hữu nuốt nước bọt vào bồng thấy cổ họng ráo khô. Chàng giật mình. Chàng nuốt thử liên tiếp mấy cái nữa, những cái sau cùng không có nước bọt, chỉ là nuốt hơi. Cảm giác khô ráo nơi cổ càng tăng thêm.

Người khách bất ngờ mới vừa rồi kích thích cơn vui của chàng, bây giờ đã hóa ra vô vị. Chàng nghĩ : « Ngỡ là chuyện gì ! Té ra không có gì cả. », và bắt đầu rời bỏ người khách để chú ý tới mình.

Vừa nói chuyện Hữu vừa theo dõi yếu tố mới xuất hiện trong bệnh trạng mình. Chàng bảo với ông Năm Thành là chàng đã có nghe nhạc sĩ Vũ-Thái nói qua về việc ấy. Theo ý chàng thì trong trường hợp này không nên đòi hỏi nhiều : việc làm của Viện Sur tám không có tính cách thương-mãi, không có lời lãi gì, vả lại người ta in ra cũng ít thôi.

Một cảm giác ớn lạnh chạy dọc theo xương sống. Chàng ngáp ngừng như để lắng nghe. Rồi chàng nhìn lên chiếc quạt máy đang quay tít trên trần, chiếc quạt cũ vừa quay vừa kêu lớn.

Người khách không để ý đến thái độ của chàng. Ông ta đang hy vọng phục hưng nghệ thuật hát bộ. Giọng nói ông ta khàn khàn, giọng của một người khàn tiếng vì la hát quá nhiều. Ông ta xem việc một khúc hát được chú ý ở Ba-lê ấy như dấu hiệu nghệ thuật hát bộ được thưởng thức hoan nghênh ở Tây phương, ông bảo rằng đã có nhiều người bàn với ông những dự định thành lập một đoàn hát bộ đi chu du các xứ.

Ông ta nói chăm chỉ, tin tưởng, nhưng lúc đặc ý toát miệng ra cười không thành tiếng, nhưng để lộ cả lợi. Cái giọng khàn khàn, ông ta không thể hãm thấp xuống được, thành ra dần dần các nhân viên làm việc trong phòng đều chú ý đến câu chuyện ông ta với một vẻ ngờ vực mỉa mai. Hữu bắt đầu khó chịu về người khách của mình. Chàng tò mò nhìn mớ tóc thừa thớt trên cái đầu sói của ông ta. Chỗ thừa tóc nhất là giữa đỉnh đầu, cho nên phía trước trán có một chùm tóc dài bị thấm nước rất ướt và chải quật ra sau để che lấp chỗ sói. Sự che lấp thực sơ sót, nghèo nàn ! Tự-nhiên chàng có ác cảm với những lưu tâm nhỏ nhặt thận trọng ấy của người khách.

Ông Năm Thành còn đang nói thì Hữu thấy lạnh đến phía trước ngực. Chàng đưa tay lên cổ, sờ đụng cái ca-vát, ngăn ngừ, rồi buông ra, nhìn lên cái quạt vừa quay vừa kêu trèo-trẹo, lo ngại, bực dọc. Nếu không có ông khách chàng đã đi ra phòng ngoài hăm bót tốc lực chiếc quạt lại rồi.

Hữu suy nghĩ lan man, không theo dõi câu chuyện của khách. Không biết ông Năm Thành chuyển từ lúc nào sang một kỷ

niệm cách xa gần hăm lăm năm : « Hồi đó ông Bồ gọi tôi lên nói : « Cụ Thượng Lại tư cho tỉnh tiến cử một đoàn hát bộ về triều hát cho hoàng đế ngự lãm. Các con hát phải chia ra bốn hạng nhất nhì tam tứ mà lãnh phụ cấp. Vậy làm cách nào sát hạch để phân định thứ hạng ? » Tôi trả lời « Trình cụ, cái đó khó. Con hát tranh nhau, ai cũng xưng mình là nhất hạng. Động một lời là tự ái, không ai nhường ai. Tuy vậy tôi xin đề nghị lên cụ một cách sát hạch, chỉ xin cụ dấu cho, đừng cho con hát biết ai đề nghị, kéo sinh ra sự oán thù. Cụ cho gọi con hát tới, bày ra giữa chiếu một bộ phách ngô, một cái trống chiến và một cây đàn cò. Chỉ cần ba thứ đó thôi. Cứ kẻ nào miệng hát được, tay nhịp phách ngô được, kéo đàn cò được, đánh trống chiến được là nhất hạng. Kẻ nào miệng hát tay không nhịp phách được, không đánh trống chiến được, nhưng biết mở miệng trống lúc nào cho vừa đúng, không kéo đàn cò được nhưng biết đưa hơi cho ngang với tiếng đàn, là hạng nhì. Còn kỳ dư là hạng ba hạng tư. Tôi dám đoan với cụ Bồ sát hạch theo kiểu đó thì toàn tỉnh mình chỉ còn lại chừng bốn, năm người hạng nhất mà thôi. Con hát bây giờ họ tập vừa đủ biết nghề để kiếm ăn, có ai chịu phí công tập luyện cho đủ cung cách lão luyện đâu ? » Quả nhiên, ông Bồ nghe lời tôi, chỉ chọn được có bốn người nhất hạng ! Bây giờ thì còn tẻ hơn nữa : những con hát khá đã già, hát không ra tiếng nữa. Nếu thành lập một đoàn hát đi chu du ngoại quốc. . . »

Lại trở về chuyện chu du ngoại quốc ! Ông Năm Thành dứt câu nói, nét mặt cố trở lại trịnh trọng nghiêm chỉnh nhưng còn phảng phất một chút hóm hờ

không dấu nổi. Hữu đoán ông ta lại sắp sửa nói nữa. Nhìn vào mớ tóc thừa, ướt, chải quật lên cái đầu hói của ông ta, chắc là mặt chàng lộ rõ vẻ khó chịu, dūr dơi, hần học, cho nên thỉnh lĩnh ông ta ngẩng nhìn lên mặt chàng, ngạc nhiên, ngờ vực. Chàng giật mình, vội vàng tươi cười, tìm một câu khích lệ :

— Tôi nghe nói có mấy đoàn hát Trung-hoa và Nhật-bổn đi Âu-châu, thành công lắm.

Ông Năm Thành hớn hở ngay, và lại nói tiếp. Chàng sốt ruột, không thể chú ý nghe nữa, không biết ông ta nói gì nữa.

Mắt chàng lục soát đến y phục của ông ta : trong bộ âu phục thân hình người nhưng già coi bộ cứng ngắt, cái áo sơ mi mới mua mặc lần đầu, vải hơi cứng, nhưng xung quanh cổ áo mồ hôi đã viền một đường vàng, chiếc cà vạt thắt ngắn quá. . . Một ác-cảm đột nhiên đối với hình dáng, y phục của người khách, lẫn lộn vào sự bức bối đối với chính mình làm cho Hữu hết sức khó chịu.

Khi người khách bắt gặp và ngờ vực về thái độ hần học của chàng, chàng vội vã tươi cười xóa đi ; nhưng sau đó chàng lại tức giận về sự chậm trễ của ông ta. Tất cả sự tức giận thù ghét vô lý đó trút cả vào cái đầu sói và áo quần ông ta mà chàng cau mày nhìn dūr dơi, như dồn cả trách nhiệm lên chúng.

Chàng lại ho luôn năm sáu tiếng, rùng mình ớn lạnh, và cảm thấy mồ hôi rịn ra ở ống chân. Hữu hoảng hốt, lo lắng ; mỗi lần bị xúc động mạnh, hay có một



biến chuyển gì trong chứng bệnh của chàng đều xuất hiện triệu chứng ấy : mồ hôi rướm ướt nhâm-nấp hai ống chân, và bàn chân thì lạnh và tái ngắt.

Mắt vẫn hướng về phía người khách nhưng chàng đã quên mất mỗi ác-cảm, tâm trí chàng hướng cả vào bên trong, theo dõi từng thay đổi trong người. Chàng bắt đầu thấy choáng váng. Rồi một lát sau, thấy trạo-trục buồn nôn,

Ông Năm Thành tình cờ ngẩng lên trông thấy cặp mắt lơ lảo khác thường của chàng, ông ta ngừng nói, nghi ngờ điều gì, ngoảnh lại nhìn các nhân viên khác trong phòng như để tìm hiểu, rồi đứng dậy cáo từ.

* *
*

Hữu đưa ông khách ra đến cầu thang, rồi quay lại vặn nút hãm bớt cái quạt máy. Chàng chưa kịp trở về phòng thì đã thấy xây xẩm. Chàng đưa tay vịn vào vách, gục đầu lên bàn tay, đứng im một lúc. Bỗng lại thấy trạo trọc buồn nôn. Chàng đi sang bên kho chứa vật dụng. Trong lúc gấp rút chàng vớ được cái mũ sắt cũ mà anh tài-xế của sở thường dùng đựng xăng để rửa tay sau mỗi lần sửa xe, chàng mửa vào cái mũ sắt ấy.

Mửa xong, lấy chân đưa một khúc cây lại kê đỡ cho chiếc mũ khỏi nghiêng đổ vật dơ xuống nền, rồi đảo mắt tìm một cái ghế, chàng vật mình ngồi xuống.

Một tay chống lên mặt bàn đỡ cái đầu nghèo về một bên, một nhọc chàng khép lim dim hai mắt nhìn bàn tay kia đặt lên đùi, run run.

Chàng ngồi như thế một mình trong kho khá lâu. Ở nhà bên kia có tiếng đàn vĩ cầm kéo đi kéo lại mãi một đoạn nhạc, có lúc ngừng thỉnh thoảng đã thôi hẳn, rồi vẫn trở lại đoạn ấy.

Ngồi yên một lúc, hơi thở điều hòa, Hữu khỏe dần. Chàng cần một hớp nước để súc miệng, một chút dầu nhị thiên đường xoa dưới cổ, nhưng cho tay vào túi quần tìm mãi không thấy ve dầu, và nghĩ đến việc đi xuống thang lầu tìm nước, chàng ngán quá, đành cứ ngồi lì.

Từ chỗ chàng ngồi có thể trông sang phòng nhà bên cạnh, nơi phát ra tiếng đàn. Đó là nơi ban văn nghệ của một đơn vị bảo an tới tập hát, tập đàn và tập kịch. Trên một chiếc bàn dài để lộn xộn ngổn ngang ba bốn cái đàn, cái nào cũng đã cũ kỹ, nhiều bản nhạc lòi ra ngoài một cặp bìa

cứng, hai cái giá để bản nhạc nằm dài trên bàn. Người đàn đứng khuất hết nửa thân, Hữu chỉ trông thấy có cái lưng và một cánh tay cầm cây cung.

Cách nhau không đầy năm thước, chàng ngồi nhìn cánh tay người nhạc sĩ cử động. Chàng nghĩ : còn người ấy, người ấy không hề để ý đến chàng. Không ai biết đến, không ai để ý đến chàng đang ngồi thiếu nảo trong kho chứa đồ của sở ! Tiếng chân người đi lại ở phòng bên cạnh, tiếng máy chữ kêu lách cách, và nhất là tiếng đàn đồng dục chát-chúa nổi lên khua vang buổi sớm mai nắng sáng rực rỡ, chàng chột chú ý đến những thứ tiếng ấy. Và thỉnh thoảng cảm thấy sự cô đơn của mình.

Hữu có cảm tưởng cuộc sống đang thân nhiên, mạnh dạn, tiếp diễn một cách vô tư, trong khi bệnh hoạn làm cho chàng tự rút lui ra ngoài, lạng lẽ. Chàng để ý rằng nhiều cử chỉ, hành động của chàng lâu nay mất hẳn tính-cách hồn-nhiên. Nhiều khi chàng làm những việc lén lút, tuy là những việc không có gì quan hệ. Và những việc ấy cứ lẩn quất mãi trong tâm trí chàng.

Nguyên chứng bệnh của chàng gần đây phát ra sợ lạnh. Những buổi sáng, cưỡi xe đi làm, bị gió lồng vào ngực, chàng không chịu nổi lạnh phải mặc áo len và thắt cà-vạt. Đến sở, lúc khí trời đã ấm, chàng cởi áo ra cất vào hộc bàn, và cứ để luôn đó cho đến tan buổi làm chiều lại mặc về. Còn chiếc cà-vạt, tuy trong sở chưa ai để ý tới, nhưng chàng đã lạng lẽ nhận thấy một gặp gỡ bất lợi : trong tất cả anh em chỉ có hai người hôm nào cũng thắt cà-vạt là chàng và Thoại bên phòng hành chánh. Thoại là một anh chàng nghiện thuốc phiện, nhỏ

người, gầy, nước da xanh xao, quần áo mặc thường nhàu nát, bao giờ cũng có cà-vạt ở cổ, và gần như bao giờ cũng là một chiếc cà-vạt cũ kỹ, bẩn thỉu, thất cầu thả. Có lẽ anh chàng cũng thấy lạnh ở cổ như Hữu ! Hữu sợ lạnh như thế và cứ kè-né, giấu giếm, che đậy dấu hiệu suy nhược của mình, cho nên chàng rất bức mình với Ngọc, anh này làm việc cùng một phòng với chàng, lúc nào cũng mở quạt máy chạy hết tốc độ.

Ngọc còn trẻ tuổi, khoẻ mạnh, hiếu động. Anh ta không mập, cả người như toàn gân, luôn luôn mấp máy, cựa động. Trông anh ta hồi nào cũng như mới vừa tắm xong : nét mặt tươi tỉnh, mái tóc ướt, dính lông lánh một vài giọt nước nhỏ, quần áo sạch sẽ trắng tinh, nếp ủi thẳng tắp. Hai tay anh ta hơi khuỳnh ra, học dáng điệu một lực sĩ. Mỗi lần ngồi xuống ghế anh ta cẩn thận kéo hai ống quần lên một tí cho khỏi nát chỗ đầu gối. Nhưng anh ta không chịu ngồi lâu : tới sở thường trễ hơn anh em một chút, anh ta tươi cười đi rất nhanh tới từng bàn bắt tay tất cả mọi người, xong mới đến bàn mình, quét bụi, mở khóa, sửa ghế, mở sổ sách, ngồi một chút xem qua công việc, rồi lại đứng lên, đi xô mở các cửa sổ, hạ các tấm sáo che nắng, đi gỡ lịch, bật đèn điện và... vận quạt máy. Anh ta đi thoăn thoắt, bước nhanh và dài, gõ giày cộp cộp trên sàn nhà, vui vẻ.

Cái sinh lực ồn ào của Ngọc luôn luôn quấy động không khí xung quanh làm cho Hữu thấy bận rộn, mệt. Nhưng khổ nhất cho chàng là chiếc quạt máy. Chàng vẫn cố sức lạng lẽ chịu đựng cái quạt ấy, không để ai thấy sự đau yếu bạc nhược của

mình, vì thế chàng chỉ rửa thăm Ngọc và cái quạt của anh ta. Có những hôm không lấy gì làm nóng nực, chiếc quạt vẫn quay hết tốc độ. Hữu ớn lạnh, lén nhìn nó bằng một cái nhìn hằn học, và lẩm bẩm trong trí : « Vô lý lạ ! » Mà vô lý thực, vì nhiều lúc Ngọc vận quạt xong rồi bỏ đi công kia việc nọ cả giờ không hề trở về phòng ; thành ra cái quạt chỉ quay để làm lạnh Hữu mà thôi.

Những lần như thế Hữu đi ra phòng ngoài, trông thấy nút quạt điện đang chỉ số một, chàng giận dữ quay đánh rẹt về số năm. Nhưng sau đó chàng lại ngăn ngừa xoay nút qua số bốn, rồi lần qua số ba. Có khi chàng lưỡng lự, và trả lên đến số hai — Chàng chỉ dám sửa chữa lại chứ không dám thay đổi hẳn tình trạng, sợ bị các nhân viên cùng phòng chú ý.

Sau những hành động lén lút như thế, chàng tự thấy giữa mình với những người xung quanh có sự cách biệt. Và để thay thế cho sự giao tiếp với xung quanh mỗi ngày mỗi thu hẹp lại, việc theo dõi lắng dò sự suy nhược trong cơ thể của chàng càng ngày càng thu hút tâm trí chàng. Sự suy nhược âm ỉ trong người thành ra thân mật với chàng. Từng giờ từng phút chàng rình dò lắng nghe từng giọt mồ hôi rướm dưới ống chân, thấm ở nách áo, chàng lần từng bước tiến thoái của tình trạng suy nhược ồm ồm, và chàng ước lượng sức gió, độ lạnh trong gian phòng để âm thầm suy tính cách đối phó. Lúc nào hình như chàng cũng bận loay hoay với vấn đề bệnh tật của mình. Mọi người đều không hay biết đến, mọi người đều xa cách.

Về chuyện chiếc quạt máy, một hôm có người nhân-viên cùng phòng tình cờ trông thấy dáng bộ kỳ quặc của chàng khi vịn lui vịn tới cái nút điện. Bị hỏi, ban đầu chàng lúng túng, tìm cách che dấu quanh co. Nhưng bỗng chàng nổi lên tức giận, bao nhiêu sự bức bối đè nén giấu giếm bấy lâu bùng lên và chàng nói toạc ra cái « vô lý » của Ngọc. Anh nhân-viên nọ cười ầm lên và bảo cho mọi người đều biết. Ai nấy đều cười theo, vui vẻ, dễ dãi. Ngọc đang ngồi làm việc, liền bỏ bút, đứng lên, bước cộc cộc từng bước dài đến bắt tay chàng xin lỗi, đùa giỡn thân mật. Sau đó một thời gian ai nấy đều chú ý đến cái sợ lạnh của chàng và mỗi lần quạt chạy hơi nhanh họ liền hỏi chàng có chịu được không. Sự tốt bụng và săn sóc của mọi người lại cũng là một hình thức khác làm cho Hữu tự cảm thấy cách biệt.

Như thế chẳng nhớ được là chừng bao lâu, người ta lại lần lần quên mất tình trạng bệnh hoạn của Hữu. Chàng cũng không muốn nhắc lại. Quạt máy cứ mỗi ngày mỗi chạy nhanh một cách vô tình, tự do, và Hữu lại lén lút vịn lui vịn tới cái nút điện, âm thầm với sự tức giận giấu giếm và với sự suy-nhược âm ỉ của mình.

Bây giờ, ngồi một mình trong kho, nghe tiếng trò chuyện, đi lại, ở phòng bên cạnh, nghe những tiếng hoạt động của bạn bè lành mạnh ở cách nhau chỉ có một bức vách mỏng, chàng nhớ lại nét mặt chăm chú của cô thư ký đang cúi xuống ghé đầu về một bên, đọc tờ thảo công văn lúc chàng đưa người khách đi ngang qua trước mặt cô ta, nhớ dáng bộ của người tùy

phái nhứ hai hàng chân mày viết từng chữ nắn nót v.v . . . Tất cả họ đều tốt với chàng. Nếu biết được lúc này chàng ngồi đây, đang mệt thế này, chắc họ đã chạy đến hỏi han, biết chàng cần nước chắc đã có kẻ tìm cho chàng, biết chàng cần dầu Nhị thiên đường chắc có kẻ đã chạy mua cho chàng. Nhưng chàng cố gắng nén một tiếng ho, chàng không muốn cho ai trông thấy, để ý đến mình lúc này. Giữa chàng với những con người lành mạnh vô tư xung quanh có một sự cách biệt mà chàng muốn nhận chịu. Không thể được ! Chàng không thể khua gọi sự chú ý của họ. Chàng không thể làm như thế được.

Hữu lơ đãng trông qua khu vườn biệt thự bên cạnh sở chàng làm. Xung quanh cái biệt thự vắng vẻ này có một bờ thành cao kín mít cho nên khách đi ngoài đường không bao giờ chứng kiến được cảnh sinh hoạt bên trong. Chỉ có ở trên lầu sở chàng nhìn xuống thì mới trông thấy kỹ-càng cảnh vườn nhà ấy. Nhưng đã nhiều lần tò mò Hữu vẫn chưa bao giờ bắt gặp có người nào hoạt động trong vườn ngoài một người làm công quét lá và tưới cây. Dọc theo bờ thành có những cây nhãn, cây khế, ba lùm chuối . . . bên những con đường rải cuội trắng cứ cách một quãng có một cái ghế bằng xi-măng, trước mặt nhà có một sân cỏ lớn, góc sân có hai trụ cao buộc thông mấy sợi dây đu để tập thể thao. . .

Ánh nắng một buổi mai rực rỡ tràn ngập khu vườn im vắng, ánh nắng trên sân cỏ xanh mơn mớn, trên lá nhãn lá khế sum sê, ánh nắng sáng lộc đập vào mặt vách ngoài trắng xóa của phòng nhà sát bên kho

chàng ngồi, ánh nắng tung bừng làm chàng hoa cả mắt. Và tiếng đàn khu-rang-rang không khí buổi mai, tiếng đàn có lúc lên cao quá, khiến chàng nghĩ đến cảm giác ngày nhỏ xem cải lương, lúc có người đào hay kép một mình mạo hiểm lặn lội qua rừng núi âm u, đèn sân khấu tắt tối om và giàn nhạc ngừng lại, nhường cho một tiếng sáo hay một tiếng đàn một mình cất lên cao chéo véo. Tiếng nhạc càng lên cao, chàng càng thấy cảm giác đơn chiếc lẻ loi như thất lấy ruột gan.

Hữu ngồi tê mê nhìn ánh nắng lung linh đầy trời khắp nơi và nghe tiếng nhạc vang động không gian.

Từ trong một xó của phòng kho tối tăm, một con muỗi bay vu vơ chạm vào vành tai chàng, kêu vo vo, rồi thoát ra, quanh quẩn đâu đó bên đầu chàng.

(còn tiếp 1 kỳ)

VỖ - PHIÊN

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸 金字烟

Cigarettes **JOB** Surfiner

COFAT CHOLON

THÁNG 5

Gió trườn lên đỉnh núi
 Mầu xanh nhạt về gần,
 Trời thiếu mây chợt rộng
 Mút tường bờ cây ôm,
 Đồng cát hàng dừa đại
 Phi lao dụ hoàng hôn,
 Mồng chín trăng mọc sớm
 Tiếng chim ca nghiêng nghiêng,
 Ai vẫy bàn tay trắng
 Ngần ngơ nghe lòng buồn,



MỘNG CA

Người về hay trăng về
 Người đi hay trăng đi
 Gió ơi đừng nhắc nữa
 Mây đã buồn lê thê
 Chiều đã ngùi chia ly
 Người về hay trăng về
 Người đi hay trăng đi
 Tay ôi đừng ấm nữa
 Môi ơi đừng ngậm ngừng
 Dâu đã mờ lối nhỏ
 Mắt đã nhòa rung rung
 Người về hay trăng về
 Người đi hay trăng đi
 Thôi đã hoàn bước lẻ
 Đường xa đâu đôi chung

SƯƠNG MÙ



DOÃN-DÂN

(liếp theo B K. số 110)

Khi ba người ra khỏi rạp, đi trở về thì mặt trời đã gần lặn hẳn. Những tia nắng úa vàng còn lại, vương mắc trên các ngọn cây không đủ ngăn cản cái lạnh buổi chiều đang dồn về mỗi lúc một mau.

Đã lâu không được sòng trong bầu không khí dịu.dịu lúc trời bắt đầu trở rét vào những ngày cuối Thu ngoài Bắc, Lan cảm thấy bỡ-ngỡ một cách thú vị trước những làn gió lạnh thoảng chung quanh. Bao nhiêu ý nghĩ về cuộn phim vừa xem, trong một giây như đã bay theo gió, tản-mát đi nơi nào hết cả khiến lòng nàng trở nên nhẹ-nhàng, thanh-thản. Nàng nói như nói một mình :

— Trời chiều nay lạnh nhưng mà ấm. Thú ghê !

Nga quay nhìn Lan, cười :

— Em lại tưởng « ấm » nhưng mà « lạnh » !

Hai chị em cùng cười. Nga níu lấy cánh tay Lan đi.

Vinh đang băn-khoăn nghĩ - ngợi về phần kết của cuộn phim vừa xem nên không để ý đến hai người. Chàng lăm-lũi bước cạnh Nga, nét mặt đắm chiêu, khắc-khổ.

Con đường nhựa đen bóng, sạch-sẽ, hơi dốc ngược lên ở trước mặt ba người. Lan nhìn về phía cuối đường và nàng có cảm tưởng, con đường cụt ngắn ở trên kia. Lan nói :

— Đường trong thành phố mà dốc lạ !

Nga đi nép vào Lan, nói :

— Đường trên này phần nhiều dốc như vậy cả Hồi mới lên, em đi bộ mỏi cả chân, phải đến hàng tháng trời mới quen được.

Lan mỉm cười. Vì nàng nhận thấy mỗi khi nói đến nơi đây, bao giờ Nga cũng cò thêm câu : « Hồi mới lên, em... ».

Lan hỏi :

— Sao không đi taxi ?

— Hiếm taxi lắm ! Và lại ở đây các loại xe họ chạy không tính tiền theo cây số như ở Sài Gòn. Chị đi một quãng đường, dù dài hay ngắn cũng phải trả một số tiền nhất định... Hồi mới lên, em tốn mất bao nhiêu tiền xe...

Nghe Nga nói, Lan mới để ý và nàng nhớ ra, từ nãy nàng chưa trông thấy chiếc taxi nào. Chỉ thỉnh-thoảng lắm mới có một vài chiếc xe du lịch chạy vút qua trên những con đường phía xa như chỉ để trang điểm cho thành phố.

Đi hết con đường dốc, tới một ngã tư, tự nhiên Vĩnh đứng lại, nhìn quanh như muốn kiếm lỗi về. Nga và Lan, không ai báo ai, cũng đứng lại cạnh chàng.

Nga hỏi :

— Anh định về lỗi nào ?

Vĩnh vẫn nhìn ra xa, nói :

Anh đang nghĩ xem nên đưa chị Lan đi lỗi nào được xa hơn để chị xem phố...

Rồi chàng chỉ tay về phía vài con đường, nói với Lan :

— Kia là đường Phan-đình-Phùng ; Còn kia là đường Đồng-Khánh và ở tít đằng xa, phía dưới kia là đường về nhà chúng mình. Chị có nhớ không ?

Theo hướng ngón tay Vĩnh, Lan nhìn ra xa, cố để hết tâm-trí, tìm con đường Vĩnh chỉ. Nhưng nàng không sao tìm thấy đường nào là đường « về nhà chúng mình ».

Ở phía dưới kia, Lan chỉ trông thấy những ngôi nhà xinh-xinh, tường quét vôi trắng, đứng cách xa nhau, thưa thớt, không đều. Và phần nhiều ngôi nhà nào cũng đứng trên một mô đất cao, biệt lập, chung quanh có nhiều cây cối. Lan liền tưởng tới một thành phố nhỏ, đẹp và thơ-mộng chỉ dùng làm nơi nghỉ mát cho du khách bốn phương mà nàng đã xem được trong một phim nào đó.

Lan quay đi, cười nói :

— Tôi xin chịu ! Không sao nhớ được đường nào với đường nào... Giá đi một mình, tôi đền lạc mất !

Nga nói :

— Em cũng thế ! Chỉ thấy những đường là đường. Hồi mới lên, em suýt lạc mấy lần...

Rồi nàng vừa dìu Vĩnh đi vừa tinh-nghịch, nói :

— Hay chúng mình thuê xe về trước để chị Lan đi bộ về sau, thoải mái mà ngắm phố-phường.

Cả ba người cùng cười. Lan nói :

— Thề cũng được ! Tôi chỉ việc đi khắp các phố, không bỏ sót phố nào, sao cũng có lúc đi đúng vào phố muốn tìm...

Đang nói, Lan bỗng ngừng lại, về mặt trở nên quan trọng, hỏi :

— Đường Nguyễn-trường-Tộ đi lỗi nào Nga nhỉ ?

Nga và Vĩnh cùng đứng lại, hơi ngạc nhiên về nét mặt thay đổi đột ngột của Lan. Nga nhìn Lan bằng

đôi mắt băn-khoăn, do hỏi và hơi lo-ngại, hỏi :

— Đường Nguyễn-trường-Tổ cách đây những hai cây sô cơ. Chị hỏi có việc gì ?

Lan lại tiếp tục đi, trả lời :

— Không ! Có việc gì đâu !

Nga nói :

— Thề mà chị làm em... Chắc chị quen ai ở đó ?

Hai tiếng « quen ai » Nga cổ nhần mạnh và kéo dài ra một cách tinh nghịch. Vĩnh hiểu ý vợ, thốt nhiên tim chàng thoáng nhói lên.

Lan cũng hiểu ngầm-ý của Nga. Nàng vẫn thản nhiên gặt-đầu, nói :

— Tôi có một người quen ở đó. Hôm sắp lên đây, tôi đã viết thư hẹn lên tới nơi thề nào tôi cũng đến chơi. Vậy mà quên khuấy đi mất, bây giờ mới nhớ ra...

Lan cò ý chỉ nói : « người quen » nhưng không nói rõ người đó là cô bạn trước kia cùng học với nàng. Lan cũng không hiểu tại sao mình lại chủ ý nói mập-mờ như vậy. Nàng đưa mắt nhìn nhanh sang Vĩnh.

Vĩnh cũng băn-khoăn về câu nói của Lan — Chàng nghĩ : « Không có nhẽ ! Nếu là người yêu, không khi nào Lan quên và mãi bây giờ mới đến ! »

Đi được vài bước, chàng nhìn Lan, hỏi :

— Chị muốn tới bây giờ, chúng tôi đưa chị tới ?

Lan vội gạt đi :

— Thôi anh ạ ! Phiền chết ! Để khi khác đi cũng được... Tôi rồi còn gì...

Tuy nói vậy, nhưng trong thâm-tâm Lan vẫn muốn được đi bây giờ. Nàng cũng không hiểu mình muốn đi vì đã lâu không gặp người bạn cũ hay vì muốn được lang-thang ngoài đường với Nga và Vĩnh mãi thề này. Nàng nghĩ thầm : « Có lẽ vì mình nhớ Hương ! » Và nàng lại mỉm cười, thấy ý nghĩ của mình không thực.

Nga nói :

— Hôm nay nhân tiện đi chơi, chị nên đến bây giờ thì hơn.

Vĩnh vừa đi vừa ngầm-nghĩ. Một lát sau chàng nhìn Nga, bảo :

— Em đưa chị Lan đi. Anh về trước. Như vậy hai chị em nói chuyện với nhau được tự nhiên hơn.

Lan để ý nét mặt Vĩnh khi chàng nói câu đó xem chàng đã nghĩ gì. Nhưng vì giọng nói và nét mặt chàng nghiêm trang quá nên nàng không sao đoán nổi. Tự nhiên nàng khó-chịu vu-vờ.

Nga cười, khẽ vỗ vai Lan, nói :

— Phải đây ! Em đưa chị đi... Chị em mình đã lâu không được đi chơi với nhau.

Lan chưa kịp nghĩ gì thì nụ cười và nét vui-vẻ trên mặt Nga đã chợt tắt.

Nàng nhìn Vĩnh nói, giọng thật vọng :

— Anh phải đưa chị Lan đi rồi !

Vinh ngạc-nhiên :

— Tại sao ?

— Em phải về trước để thổi cơm. Chúng mình chưa ăn cơm chiều.

Vinh cúi đầu, hơi cau mày ngẫm-nghi, đoạn ngừng lên nói, giọng khô và gọn :

— Cũng được !

Lan có cảm tưởng như những tia nắng cuối cùng vừa lóe sáng lên trên nền trời.

Nàng vội đưa mắt nhìn đi nơi khác. Trong một giây, những ý nghĩ mơ-hồ chạy thoáng qua đầu óc nàng. Lan lầy lăm lẹ là bỗng dưng thấy mình như vừa vui mừng, vừa sợ hãi một sự gì mong-manh sắp đến. Nàng đắm đắm nhìn ngọn đèn nhà ai mới thấp ở tít đằng xa.

Rồi bất giác, Lan quay phắt lại chặc lưỡi, nhủ thầm : « Đi thì đi ! »

Nàng cười nói to :

— Các « ngài » đã bàn xong chưa ?

Anh Vinh hay cô Nga đưa tôi đi ?

Nga không trả lời Lan, nói với cả hai người :

— Hai chị em đi mau còn về ăn cơm. Em đợi.

Câu nói vô-tình của Nga làm lòng Lan thoáng tối lại. Một sự ngỡ-ngập vô-cớ nhóm lên từ đáy tâm hồn nàng, rồi lớn dần lên mãi khiến nàng cảm thấy nóng bừng hai bên gò má.

Lan vừa quay đi vừa bực-tức nghĩ thầm : « Hai chị em ! »

*
* *

Vào giường nằm đã từ lâu mà Lan không sao ngủ được. Nàng xoay người, kéo chiếc chăn bông đắp kín ngực, mở mắt nhìn lên đỉnh màn. Bóng tối đen đặc bao phủ khắp gian phòng làm Lan lo-sợ. Nàng cố dưng mắt to hơn như muốn tìm kiếm một vật gì hết sức bé nhỏ đang treo lơ lửng trên không. Mầu trắng của chiếc đỉnh màn mờ-mờ hiện ra rồi rõ dần trong bóng tối. Lan cố để hết tâm trí, nhìn đắm-dắm vào mầu trắng ấy, nhưng đôi mắt Vinh vẫn nổi lên một cách rõ-ràng, ác-nghiệt, lấn át tất cả mọi ý nghĩ của nàng.

« Sao lại có thể như vậy ? » Câu hỏi đó lại vang lên trong đầu óc Lan. Nàng bỗng cảm thấy lạnh rợn cả người. Những cảm giác bàng-hoàng, ngây-ngật và sợ hãi tột độ, lại đổ xô về níu kéo tâm trí Lan. Nàng không hiểu tại sao trong « giây phút ấy » nàng lại không kịp có một phản ứng nào ; không kịp có một lời nói — dù ngắn-ngủi, cộc lốc — để phản kháng cái cảm giác đê-mê không chính đáng ?

Lan nhớ rõ-ràng, lúc đó, không một giây phút ngắn-ngủi nào lương tâm hiện ra can-gián sự cọ sát bất ngờ ấy. Hay phản ứng của lương-tâm không búa nhảy trước một tội-lỗi lớn-lao ? Hay tiếng nói của lương-tâm quá bé-nhỏ, quá yếu-ớt, không đủ lấn át tiếng nói oang-oang của sự khoái cảm ?

Tất cả xảy đến đều không ai ngờ được. Và Lan cũng không ngờ cái giây phút đầu tiên trong đời, năm gọn

trong tay một người khác phái lại có thể làm nằng rung động mê-cuồng đến thế. Sự mê-cuồng không phát ra bằng hành động ; bằng lời nói mà quay vào, ngấm xuống tận cùng của tâm-hồn, rồi ngưng đọng ở đây, làm mờ tối tất cả những sự việc đã xảy ra trước nó.

Lan không nhớ rõ, sau khi chia tay Nga, đi một mình với Vĩnh trên đường vắng, nàng đã nghĩ gì ; đã có những cảm giác ra sao. Hình như lòng nàng thanh-thản lắm, chỉ có một niềm rạo - rực, mong-manh, mới lạ xao-động êm - êm trong cái thanh-thản ấy tựa như một lá cỏ non xao-động trong làn gió nhẹ. Và hình như trong khi đi đường nàng cũng đã nói một vài câu với Vĩnh, nhưng chàng không nói gì, chỉ lăm-lũi bước đi cạnh nàng, nét mặt ưu-tư, khắc khổ. Sự yên lặng của Vĩnh làm nàng lo-sợ. Nàng thoáng có cảm tưởng như Vĩnh đang mưu-tính một điều gì quan trọng. Có thể Vĩnh đang suy nghĩ về sự đi cạnh nàng. Mà cũng có thể chàng đang liên tưởng đến một tội nào đã qua, chàng cũng đi bên Nga như đi bên nàng hiện giờ. Lan không biết được.

Đã có lần, nàng muốn bảo Vĩnh thuê xe đi cho chóng. Nhưng không hiểu sao, nàng lại thôi. Hình như lúc đó, có cái gì vương-vúi, bận-rộn trong ý nghĩ nàng khiến nàng chợt nhớ, chợt quên, không hiểu rõ mình muốn gì, rồi đâm ra liêu-linh. Và trong cái liêu-linh ấy, Lan có cảm tưởng như mình đang

được sống trong cảnh thực của một giấc mơ vừa gặp đêm qua.

Lan nhớ, mình cứ bước đi cạnh Vĩnh mà cứ mang trong lòng những cảm giác lâng-lâng xao-xuyến và nao-nao lo-sợ như vậy cho đến khi hai người tới một đoạn đường dốc tuột hẳn xuống.

Lan nhớ như in con đường bóng loáng xuôi thẳng về xa như một con rắn đen thẫm không lỗ trườn mình trong đêm tối.

Đứng trên cao nhìn xuống, Lan hơi e-ngại, ngập ngừng. Hình như đã có lần Vĩnh nhìn nàng, bảo :

— Chị đi cẩn thận. Chỗ này dốc lắm !

Lan đã định cầm đôi giấy cao gót lên tay, đi chân không xuống. Nhưng có lẽ vì lòng tự-kiêu, sợ ngượng với Vĩnh và cũng có lẽ vì thấy Vĩnh bước đi một cách dễ dàng quá nên nàng lại để cả giấy, cúi đầu bước theo Vĩnh.

Đi được chừng mười thước, một bên chân Lan đột nhiên trượt dài trên đường nhựa. Nàng vội-vàng dang hai tay, chơi vơi, cò lầy lại thẳng bằng. Nhưng chợt Lan có cảm tưởng như người mình nhẹ bỗng đi, hai chân tựa hồ có ai lôi tuột xuống. Thế là nàng mất đà, chạy như lao trên con đường dốc.

Lan nhớ, lúc ấy, mình không kêu lên một tiếng nào để Vĩnh níu lại. Nàng nghe mơ-hồ như có tiếng chân Vĩnh dồn-dập xen với tiếng chân nàng.

Và hình như có lần Vĩnh đã nắm được tay nàng, nhưng lại buột ra.

Những làn gió lạnh thổi ngược lại làm Lan tê-tê ran-rát ở mặt. Nàng chạy mau đến độ tường như hai chân mình không kịp chạm đất. Trong lúc đó, nhìn xuống dưới kia, Lan chỉ thấy bóng tối mù-mịt, khiến nàng có cảm tưởng như mình sắp rơi xuống một thung-lũng sâu thăm-thẳm. Nàng mở to đôi mắt mà không trông thấy gì; không cả làm chủ được cử chỉ của mình; mặc cho đôi chân tha-hố thả sức. . .

Rồi khi xuống đến cuối đường, Lan chỉ kịp nhận ra, Vĩnh cũng vừa tới nơi đang đứng đón nàng, thì nàng đã dang hai tay, không nghĩ-ngợi gì, ôm choàng lấy Vĩnh.

Trong phút giây bàng-hoàng sợ-hãi ấy, Lan gục ngay đầu lên vai Vĩnh, nhắm nghiền mắt lại.

Và không biết bao nhiêu phút sau, khi đã bớt sợ, Lan nhận ra mình đang ở trong tay Vĩnh; Nàng ý thức được rằng da thịt nàng đang kề sát da thịt Vĩnh; tim nàng đang đập dồn-dập, tới-tấp như tim Vĩnh.

Trong cái vắng-vẻ, tối-tăm đang bao bọc chung quanh, Lan không nghĩ gì cả; không trông thấy gì cả; chỉ biết mình Vĩnh; một mình người mà nàng đã thăm yêu, đang ở trước mắt. đang ôm sát người nàng. Lan không hiểu tại sao mình không buông Vĩnh ra, mà cũng không nói câu gì để chàng buông mình. Trong tích-tắc, Lan lờ-mờ cảm thấy một cảm giác tê-tê, rờn-rợn cuồng-cuồng, bồi-rồi chạy khắp

thân thể nàng. Rồi hình như cảm giác ấy đã nâng hai mí mắt nàng lên.

Đôi mắt Vĩnh đương long-lanh sáng, nhìn thẳng vào mắt nàng, như ước-ao, đòi-hỏi ở nàng một sự gì.

Lan nhắm mắt lại và ở một góc nào sâu kín nhất của lòng nàng, thoáng gợn lên cái ý muốn thiết-tha được Vĩnh hôn thật say-sưa, đắm-thắm trên đôi môi, chờ đợi. . .

Nhưng vài giây sau, bên tai nàng mơ-hồ có tiếng người nói:

— Chúng mình đi thôi!

* * *

Sáng hôm sau, Nga ngạc-nhiên thấy Lan thu-xếp va ly đòi về Sài-gòn. Nàng hỏi tại sao, Lan nhìn nàng mỉm cười trả lời lằng lằng, giọng có vẻ khôi hài:

— Mình về như mình đã lên. Có khi mình lại lên cũng như mình đã về. Cũng chưa biết chừng.

Nga đâm ra bực tức, gắt lên. Lan vẫn bình tĩnh như thường.

Cuối cùng, biết không giữ được Lan, Nga chỉ còn biết thờ dài, tiếc cho sự lên chơi của Lan ngắn-ngủi quá.

Vĩnh không giữ Lan, mà cũng không tỏ ý muốn giữ nàng ở lại.

Sau khi hai vợ chồng tiễn Lan đi một đoạn đường, trở về, Vĩnh lên lầu, ra hành lang ngồi nhìn theo bóng Lan đang xa, dần. . . xa dần. . . rồi nhòa đi trong làn sương mù chưa tan hẳn.

9-6-1961
DOÃN-DẪN

BÁCH KHOA CX

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách : **NGUYỄN-NGU-Í**

I.— Sáng - tác để làm gì ? Để cho mình hay cho thiên hạ ?
Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy
hứng ?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của
tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình.

IV.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

XI

★ NGUYỄN-VĂN-HÀU.

Bút hiệu Bút-Trạch. Sinh ngày 6-8-1922. Chánh quán làng Bình-
Phước-Xuân, tỉnh Long-Xuyên (bây giờ tỉnh An-Giang).

Hiện giáo-sư các trường trung-học Thủ-khoa Nghĩa, Nguyễn-Hữu-
Cảnh ở Châu-Đốc.

Bắt đầu tập làm thơ, viết văn đăng trên các báo *Tiến-bộ*, *Mai*
từ khoảng 1939, rồi lần lượt cho xuất bản :

Tiếng quỳên (thơ, 1953), *Chánh quán yếu lược* (1955), *Thất-Sơn*
màu nhiệm, (viết chung với Dật-Sĩ) (1956), *Cuộc khởi nghĩa Bảy-Thưa*
(1956), *Việt sử kinh nghiệm* (viết chung với Lạc - Tử) (1957), *Việt-*
Nam tam giáo sử đại cương (1957), *Những lỗi thông thường trong*
thuật viết văn (1960).

Viết giúp các tạp chí : *Bách-Khoa*, *Văn-hóa nguyệt san*.

Anh Ngu-Í,

Được thư phòng-văn của Anh ngót hai tháng, có ý định cầm bút trả lời hơn ba lần, nhưng lần nào lần nấy đều không viết được vì cứ dỗi ngang từ câu hỏi đầu của Anh. Thuở giờ viết thì cứ viết, tôi có bao giờ nghĩ tới cái chuyện viết viết... gì đâu!

Nói dối ư? Không được! Thành-thực ư? Ngược lắm! Nhưng nay đã lâu, trễ-tràng quá rồi; không viết, phụ lòng bạn. Vậy thôi thì cứ xin cố-gắng và «dĩ thật cáo chi».

Boileau bảo cần viết vì mình, vì danh-dự mình. Tôi không tin bằng lời nhưng tôi thấy Boileau hữu-lý, Tôi viết phần nhiều cho tôi đấy. Anh ơi! Viết để thỏa cái lòng muốn viết, viết để giải cái băn-khoăn nghe thấy trong tự mình hay của tự đâu đâu, viết để nêu cái biết mà lòng mình nghiệm là phải và muốn người ta theo, viết để góp... công gì với cuộc sống hiện-tại nếu được hiện-tại công-nhận, và may ra, cho tương-lai, nếu tương-lai còn chỗ hợp thời. Như thế có phải hầu hết gom về cho cái «tôi» đáng ghét của tôi đó không? Ích-kỷ và tham-lam quá chừng, phải không Anh?

Câu hỏi hai: *Sáng-tác theo một đường lối nhất - định nào hay là tùy hứng?* Tôi nghĩ phải theo một đường lối. Khi tôi cảm-xúc (mừng, giận, yêu...), tôi không viết được ngay mà đợi nó động-lắng lại thành một quyết-định (có lẽ đây là đường lối, theo Anh hỏi!) rồi gặp hứng sẽ viết. Không hứng viết

cung được, nhưng có hứng thì viết mau và viết dễ thấy hay hơn.

Khi đã có một cảm nghĩ quyết-định thì thai nghén bắt đầu, cũng như hoa chuyển sang nụ, phải đợi nụ thành trái và trái kia già chín, chừng đó mới hái lượm, tức cũng như viết văn, lúc ấy mới cầm bút. Tuy nhiên trên trang giấy còn phải gạch móc lung-tung, có khi phải xóa đi cả đoạn, cả trang; cũng có khi viết khỏi qua rồi hàng xấp những trang giấy, sức nghĩ lại cái gì trùng-diệp về ý tứ, xô-bỏ về văn điệu, phải trở lại mà sửa lại, hoặc xóa đi đoạn trước. Đó là đáp Anh câu hỏi thứ ba.

Rồi câu tư: *Càng viết nhiều càng thấy khó khăn, càng viết chậm-chạp.* Anh đã sống lâu ngày trong nghề viết, có thấy như vậy không? Một tác-phẩm mười trang, chín năm trước tôi viết hai ngày, bây giờ phải ba hoặc chậm hơn.

Văn-phẩm nào của tôi, tôi cũng thích lúc viết nó vừa xong, nhưng khi in ra hay nói đúng hơn, khi sửa ấn-cảo, tôi đã thấy chán nó để rồi nuôi dưỡng trong óc những mơ-mộng gì gì... Chẳng hạn bài *Tám gương chí-sĩ* hay bài *Quê tôi*, đăng *Văn Hoá* năm kia, năm ngoái, tôi có thấy thích khi mới sáng-tác vì nó nói được phần nào niềm yêu tha-thiết của tôi, nhưng khi tôi được nghe lại một lần qua làn sóng điện của đài phát-thanh thì tôi thấy lòng không thoả-mãn, muốn nói được những gì hơn nữa mới nghe... Sao thế, hỡi anh!

NGUYỄN-VĂN-HÀU

BÁCH KHOA CXI

★ BÀNG-BÁ-LÂN.

Sinh tháng II năm nhâm-tí (XII 1912) tại phố Tân-Ninh, Phú-Lạng-Thương, tỉnh Bắc-Giang.

Chính quán : làng Đôn-Thư, huyện Bình-Lục, tỉnh Hà-Nam (Bắc-Việt).

Nguyên họ Nguyễn-Xuân, mới đổi ra họ Bàng được ba đời nay.

Dòng dõi nhà nho, nên biết làm thơ từ nhỏ.

Đã từng viết những báo : *Đàn-Bà* (1939-1945), *Công-Dân*, *Hạnh-Phúc*, *Nhân-L loại* (bộ cũ), *Tia-Sáng*, *Văn-Nghệ tập-san* (1955-1956), *Tân-Phong* v.v...

Chữ-bút các báo : *Đáy Sài-gòn* (1954), *Bông-Lúa tập-san* (1955-1956).

Đã xuất-bản : *Tiếng Thông Reo* (1934), *Xưa* (Chung với *Anh-Thơ* 1941), *Thơ Bàng-Bá-Lân* (1957), *Tiếng Vọng Đưa* (1957).

Đang soạn : *Vào Thu* (thơ), *Để Hiểu Thơ* (bình-khảo), *Vài kỷ-niệm về mấy thi, văn-sĩ hiện-đại* (ký-ức), *Ca... đến dao* (thơ vui thời-đại), *Ánh sáng nhiệm-mầu — La Magie de la Lumière* (nhiếp-ảnh).

Hiện dạy học (giáo-sư văn-chương tại các trường *Văn-Lang*, *Hưng-Đạo*, *Hoàng-Việt*, *Cộng-Hòa*, *Thủ-Khoa*... ở Sài-gòn) và viết báo (*Văn-Đàn*, *Phổ-Thông* tạp-chí, *Luận-Đàm* v. v...)

Ngoài công việc dạy học, viết báo, làm thơ, còn say mê nghệ-thuật nhiếp-ảnh. Từ hai mươi năm nay, đã trưng bày tác-phẩm tại nhiều nước bên *Âu-Mỹ* và từng được nhiều giải thưởng quốc-tế.

I. — Sáng tác để làm gì ? Để cho mình hay cho thiên hạ ? Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?

— Chính vì câu hỏi mở đầu này mà tôi chậm trả lời để anh phải nhắc nhở hỏi lại nhiều lần, vì tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc sáng tác để « cho thiên hạ và cho mai sau » ! Đó là một cao vọng vượt ra ngoài tầm tư - tưởng của tôi.

Có thể nói rằng tôi làm thơ cũng như chim ca hát, ve than nắng, cuốc kêu hè, dế ní - non khi hoàng - hôn xuống. . . và nếu bị cấm làm thơ thì chắc tôi khổ sở vô cùng !

II. — Sáng tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng ?

— Nói đường lối nhất định nghe có vẻ chính - trị hoặc khoa - học quá ! Nhưng thật ra thơ tôi có thiên về một hướng : ấy là nông thôn. Có lẽ tại buổi thiếu thời tôi đã sống nhiều ở thôn quê ; những cảnh vật cùng nếp sống của người quê đã in sâu vào trí não tôi nên về sau dù ở đâu tôi cũng vẫn không quên được mái đình cong cong, cây đa cô độc, ngổ tre thăm thẳm, đám mạ xanh rờn, đồng lúa vàng hoe, cùng những buổi nắng sớm mưa chiều, trưa hè oi

nồng, đêm đông lạnh giá với mùa cấy mùa gặt vất vả nhưng đông vui vang rộn giọng ví lời ca chan chứa tình thương mộc mạc. . .

Những cảnh vật đó cứ ám ảnh tôi hoài, bắt tôi phải nghĩ tới, nhớ tới chúng. Vì thế, hình ảnh chúng đã choán khá nhiều chỗ trong thơ tôi. Có thể nói rằng tôi làm thơ phần nhiều là để được sống lại những ngày tháng mộc-mạc êm đềm đã qua bên bờ tre ruộng lúa.

III. — *Những gì đã xảy ra trong tâm trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai nghén cho đến lúc nó thành hình ?*

— Với tôi, không có gì « xảy ra trên trang giấy » cả, vì trong lúc làm thơ tôi ít khi viết ra. Phần nhiều những bài thơ của tôi được cấu tạo và thành hình trong trí não, gần xong hoặc xong hẳn mới viết ra. Và khi đó chỉ còn việc sửa chữa ít lời chưa hay chưa ổn mà thôi.

IV. — *Xin cho biết những kinh-nghịem sống ?*

— Khi có một ý tưởng, một tứ thơ cần được thể hiện, tôi thường nghĩ luôn luôn đến nó như một ám ảnh. Có khi làm xong ngay, có khi kéo dài hàng tuần hàng tháng chưa rồi ! Tôi làm thơ bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào : khi đang đi dạo trên đường phố, lúc giữa hai giờ dạy học (đôi khi cả lúc đang « chạy trường » !), khi đang đọc sách, đọc báo. . . Nhưng thường thì về ban đêm, khi đi nằm thao-thức chưa ngủ được và lúc sáng sớm tỉnh dậy. Những giờ phút này, với tôi, là thời-gian sáng tác nhiều nhất.

Tôi làm thơ tuy là tùy hứng, nhưng cũng tùy cả ý chí mình nữa. Kinh-nghịem cho tôi hay rằng : Có tứ rồi mà quyết chí làm cho xong thì phải xong ; trái lại, thì bỏ dở-dang, kéo dài vô tận !

Thơ tôi làm xong, thường chỉ phải sửa đổi, gọt giũa rất ít. Có khi sửa xong ngay, nhưng thỉnh-thoảng cũng gặp phải những chữ chưa ưng ý mà nghĩ mãi không đổi được, nếu không có sự may mắn tình cờ. Tỉ như trường-hợp sau đây :

Năm 1941, tôi cho xuất bản tập thơ « Xưa », trong có một bài thơ ngắn đề bức tranh thủy-mặc Tàu cổ của ông tôi, nhan là « Bức tranh xưa » :

*Non cao suối bạc tuôn dòng,
Một cầu nho nhỏ, đường cong mép đời.
Nhà rơm ba túp lồi-thối,
Rừng xa xào-xạc gọi đôi chim về.
Lối mòn hun-hút chân đế,
Xe trâu lọc-xọc bánh kê gập-ghenh.
Dặm xa lẻo-đẻo một mình,
Đổi vai khăn gói chạnh tình tha hương !*

Có một chữ tôi chưa ưng ý : đó là chữ *đổi* ở câu cuối, vì tôi thấy nó thật-thà quá, thiếu chất thơ ! Nhưng nghĩ mãi mà không tìm được chữ khác hay hơn để thay thế, nên đành phải để vậy cho in mà lòng riêng vẫn bằng tấm-tức !

Tháng năm qua. Mãi đến đầu năm 1945, Hội Trí Đức Dục Thái-Bình, nhân dịp khánh thành Thư-viện mới, mời tôi xuống diễn thuyết về một vấn-đề văn-học (do nhà sách Minh-Đức làm trung gian). Thế rồi, trong một bữa tiệc đầy đủ mặt thân-hào, nhân-sĩ, văn-ngệ sĩ đất Thái, cô Anh-Thơ (bồi đố ở Thái-Bình) bị mời

ngâm thơ. Trong số mấy bài thơ cô ngâm, có bài « Bức tranh xưa » mà câu cuối cùng cô đã ngâm rằng: *Dặm xa lẽo đẽo một mình,*

Trở vai khăn gói chạnh tình tha hương!

Tôi giật mình, mừng rỡ. Cái chữ rất thường ở ngay trước mắt, ngay đầu lưỡi, thế mà tôi đã bận trí tìm tôi hơn bốn năm ròng không ra!

Tiệt tan, tôi hỏi thử Anh-Thơ:

Trong bài thơ của tôi mà cô vừa ngâm, có một chữ lầm! Cô có biết không?

Nghĩ vài giây, nữ thi-sĩ quả quyết trả lời:

— Không!

— Cô nhớ lại câu cuối xem!

Anh-Thơ vẫn quả quyết:

— Nhất định không lầm chữ nào!

— Có! Chữ « đổi »!... *Đổi* vai khăn gói..., cô đã tự ý sửa mà sửa hay hơn — là *Trở* vai khăn gói...

— Anh nói đùa! Từ trước đến nay tôi vẫn nhớ và vẫn ngâm như thế mà!

Từ đấy, rút kinh-nghiệm vừa kể, mỗi lần gặp một chữ bí miễn cưỡng tạm dùng mà chưa tìm được chữ gì thay thế, tôi thường đọc cho bè bạn, có khi cả con cháu trong nhà nghe, hi vọng gặp lại được sự tình cờ may mắn trên, may mắn không kém gì nhà thơ Malherbe (1555-1628) với bài thơ « Stances à du Perrier » vậy! (1)

(1) Chung quanh bài thơ này, tương truyền có một giai-thoại như sau: Nguyên văn hai câu 15-16 trong bài thơ là:

Et Rosette a vécu ce que vivent les roses:

L'espace d'un matin!

thơ nhà in xếp lăm ra:

Et rose, elle a vécu ce que vivent les roses...

Lúc sửa bản in thử (morasse), tác-giả thấy hay quá, bèn đề vậy.

V. — Bài thơ nào tác-giả ưa thích nhất? Tại sao?

— Đó là một câu hỏi không dễ trả lời! Vì có bài thơ trước kia tôi rất thích mà bây giờ lại không thích mấy nữa, và ngược lại. Tuy nhiên, để chiều anh, tôi có thể nói rằng *hiện* giờ tương đối — chỉ là tương đối thôi! — tôi riêng thích bài « *Tiếng Việt Miền Nam* ». Bài thơ này đã đăng trong *Giai-phẩm Tân-phong* năm ngoái và sẽ in trong thi-phẩm *Vào Thu* (sẽ xuất bản).

Và đây là lý-do sự ưa thích ấy: Năm 1954 (trước hiệp-định Genève hơn một tháng), lần đầu tiên đặt chân lên đất nước Đồng-Nai, điều mà tôi chú ý hơn hết là giọng nói của đồng-bào miền Nam, nhất là giọng nói như hát của những bà những cô đang thời xuân sắc. Giọng nói quyến rũ ấy đã cho tôi tứ để làm bài thơ « *Tôi Yêu* » mở đầu bằng câu:

Tôi yêu tiếng Việt miền Nam... và kết lại bằng câu:

Nước non vẫn nước non nhà,

Bác Nam xa mấy vẫn là anh em!

và cho đăng trong tuần-báo *Đáy Sài-gòn* vào tháng sáu năm đó. Bài thơ ấy sau này nhiều báo đăng lại và dần dần được phổ biến rộng rãi cả trong các trường học di cư. Nhưng sau, nhận thấy bài đó chỉ diễn tả những cảm-xúc bùng-bột nhưng hời-hợt ban đầu, chưa đủ thấm-thía sâu sắc, tôi mới viết bài « *Tiếng Việt Miền Nam* » chỉ tả riêng một giọng nói thôi, chứ không ôm-đồm cả cảnh lẫn tình như bài thơ trước.

BÀNG-BÁ-LÂN

Trong số tôi: Bà Tung-Long, Vũ-Hạnh, Nguyễn-Văn-Cồn, Toàn-Ánh, Bà Ái-Lan...

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135, Đại-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)
Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 543
B.P. 422

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

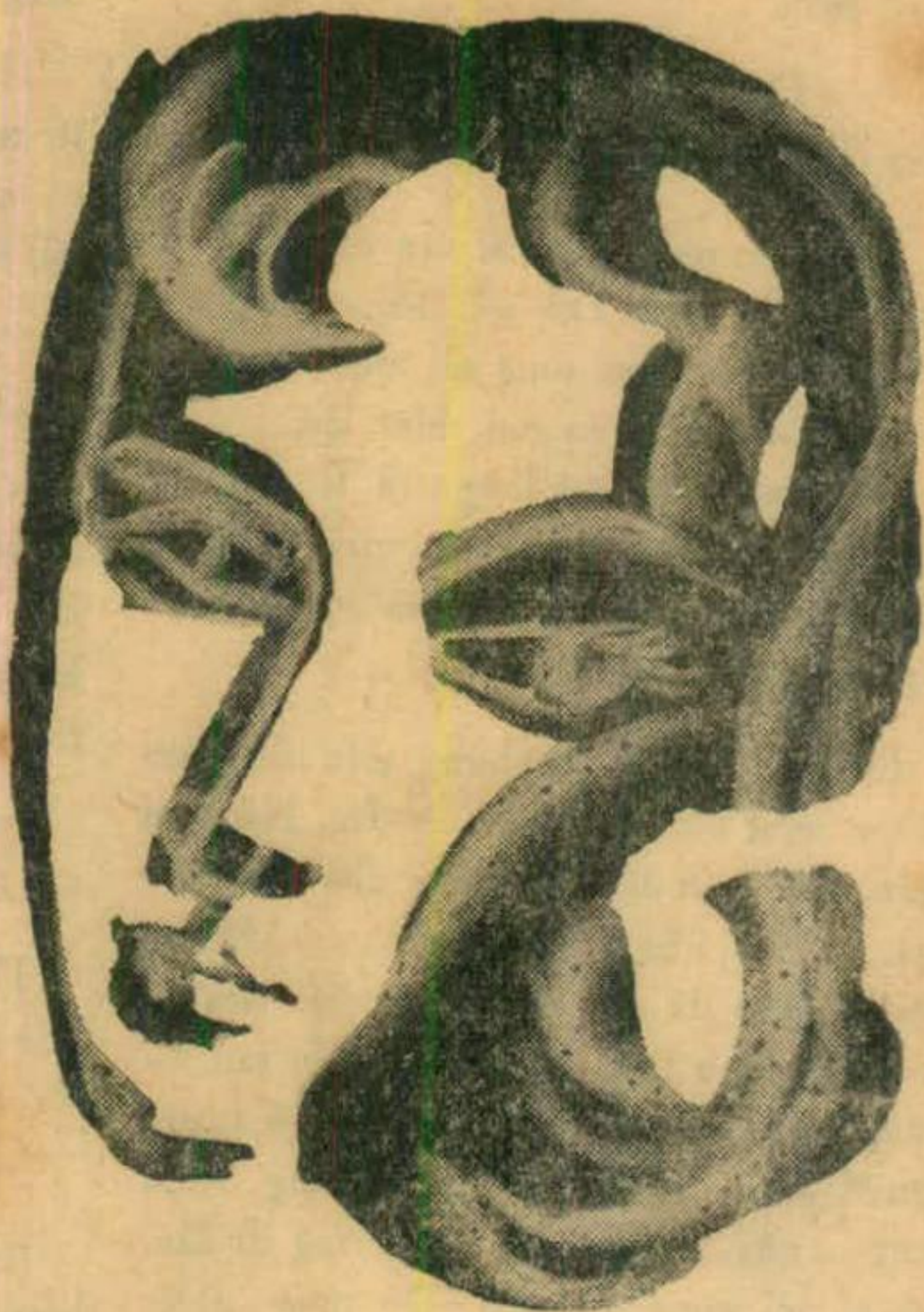
Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

TRUYỆN DÀI
TUYẾT - HƯƠNG

PHẦN ĐẦU



tiếp theo B.K. số 110

X

Đã sắp tết. Tôi nhất định ở lại Dalat để
nếm mùi tết xa nhà. Và nhất là để có một
mình, không người quen thuộc thân thích.
Tôi không muốn ai biết tôi buồn, đau khổ
vì lỗi của mình.

Tôi dự định sẽ không nghĩ gì hết. Cứ
coi như tất cả những ngày khác trong năm.
Nhưng sự thật thì tôi nuôi một hy vọng
thăm kín: mãi nhớ nhà, mãi buồn vì không
được ăn tết, may ra sẽ hết thì giờ nghĩ tới
thứ cần quên.

Xa nhà. Hai chữ đọc lên có vẻ mơ mộng,
đầy thi vị. Tại sao có thể buồn nhỉ? Xa
nhà thì coi như không có tết. Cứ làm
việc theo giờ giấc, cứ thân nhiên như
thường đã sao.

Thiên hạ rộn rịp mua sắm, sửa soạn đón
xuân, suốt ngày tôi chỉ ở trong phòng.
Không cả nhìn ra cửa sổ, để khỏi thấy
hoa cốm bên lề đường, để khỏi thấy
cảnh vật đang ướm thử chiếc áo xuân.
Nhưng không hiểu sao ngày nào tôi

PHẦN ĐẦU

cũng nhìn lên quyển lịch treo tường, nhủ thầm :

— « Còn mười hôm nữa. Chín hôm. Rồi tám, tết ông Công ... »

Mọi năm ngày này tôi vẫn đi mua lễ để mẹ tôi tiễn ông Táo về trời. Không có thiện cảm với ông, song tôi mua lễ hậu hĩ lắm. Phần để mình còn thừa lộc, với lại cũng mong ông hài lòng về lễ vật, lúc gặp trời ông sẽ lựa lời tâu vờ vờ thôi. Kẻo ông nhớ đến những lần bị đem làm trò cười thì tai hại lắm.

Rồi tôi nhớ đến những việc làm quen thuộc mỗi khi năm hết tết đến. Nào giặt chăn màn, quét dọn lau chùi nhà cửa, đồ đạc ... Tôi nhớ cả bánh mứt ... Một vài người quen đã gửi thiệp chúc tết làm tôi thêm mất bình tĩnh. Và không hiểu sao tôi cứ hy vọng sẽ có một lời chúc tết của một người. Nếu có, tôi sẽ quên rằng mình đang xa nhà, không có tết. Chẳng đi đâu, gặp ai, tôi cũng cố đan cho xong chiếc áo len dài tay.

Trong lúc ngồi đan áo, tôi nghĩ tết này mình sẽ hoàn toàn trơ trọi nghèo nàn. Không có một bông hoa, không một hạt dưa, không cả người đến chúc tết. Chắc không ai có thì giờ đến thăm tôi. Ai có can đảm làm một cuộc hành trình dài mấy trăm cây số ? Chỉ có một người. Nhưng lại không thể có người ấy !

Thế là đã buồn tôi lại buồn hơn. Tưởng là quên hóa ra lại nhớ hơn.

Đã biết kẻ thù số một của buồn là nghĩ. Thế mà tôi cứ nghĩ. Nghĩ mãi. Nghĩ nhiều quá ! Tại sao người ta không gửi thư cho tôi ? Chắc người ta đã quên ở cái xó

xinh này có tôi đang ngồi một mình, đang nghĩ tới bao nhiêu thứ.

Hai mươi tám tết ! Đang để cho tâm trí tự do làm việc một cách vô kỷ luật thì có người gọi cửa, cho biết có ai hỏi. Ném vội len và kim đan xuống bàn, tôi hỏi :

— Ai thế !

— Không biết.

Không ngờ tôi còn đủ trí thông minh để buồn cười câu hỏi ngớ ngẩn của mình. Biết rằng chỉ ra khỏi cửa phòng, xuống hết cầu thang sẽ biết người đó là ai, song tôi cố hỏi để biết sớm hơn một tí :

— Người thế nào ?

— Hơi già. Đeo kính. Lớn lắm.

Thế là đủ biết ai. Tôi chạy ào xuống. Kia rồi ! Để biểu lộ sự vui mừng vô hạn, tôi chỉ reo lên được một tiếng :

— Anh !

Hình như anh tôi già đi thì phải. Xấu hơn nữa. Hay tại lạnh ? Có vẻ anh muốn hỏi gì ai ở trong phòng. Ai thì ai, tôi chiếm trước đã.

Lên đến nơi, tôi không biết phải nói gì, hỏi gì. Đứng mà nhìn và cười mãi ư ? Mãi tôi mới nghĩ ra một câu hỏi thăm mẹ tôi, rồi đến chiếc áo bị máy cào rách. Thật ra tôi muốn hỏi thăm cái lưng bị máy cào. Nhưng anh không trả ai hỏi gì đến mình, tôi phải hỏi áo vậy.

Không có thì giờ tìm hiểu ý nghĩ của anh nữa. Chắc anh cũng đang bận rộn về cái vui của tôi. Một lúc sau tôi chợt nhớ ra, hỏi :

— Trông em có béo lên nhiều không ?

Anh nhìn tôi và cười :

— Hơn một tí.

Nhưng trông mắt anh, tôi biết mình còn « hơn một tí » nhiều thứ.

Anh mở va ly lấy ra một xấp thư và ảnh, rồi bao nhiêu quà. Tôi có cảm tưởng ở nhà đã nhịn, để dành cho tôi. Đã hết đâu, anh còn cho biết tết này « người của tôi » cũng lên. Làm ra sự thường, tôi nói :

— Thế ạ. Em không thấy nói gì hết.

Nhưng không biết có giấu nổi khi tôi reo lên :

— Không ngờ năm nay em ăn tết to hơn hết mọi người !

Có một người anh quá sáng suốt, có chuyện gì muốn giấu thật khó. Từ lúc ấy tôi chả thấy gì đáng kể nữa. Mãi bận rộn với ý nghĩ sắp gặp một người, một người thay cho cả mùa xuân, cho cả vũ trụ, tôi quên hết các quyết định « quên » đã thực hành trong gần một tháng nay.

Anh vội về ngay. Tôi muốn giữ anh ở lại mà không được. Hơi buồn thôi. Đã có một ý nghĩ an ủi. Trước khi anh về, chúng tôi đi xem hoa anh đào.

Đang độ hoa nở, màu hồng của anh đào làm dịu những tâm hồn bối rối, xáo trộn nhất, làm cho cõi lòng âm u nhất trở nên thanh thản. Màu hồng của hoa làm đời như tươi hồng lên.

Thật quả tôi là một trong số những kẻ « háo sắc » trầm trọng nhất. Nhan sắc kiều mị của anh đào đã làm bay cả hồn tôi, mắc trên những cành hoa cao tít ngấp trông nắng. Tôi có cảm tưởng hoa là những sinh vật hoàn mỹ nhất. Càng nhìn, càng thấy linh động, như đang nói đang cười, đang diễn tả những tình, ý đẹp tuyệt vời

Đi dưới bóng anh đào, tôi tưởng như đi vào cõi mộng. Một thế giới vô cùng thanh thoát trong sáng. Cái đẹp của hoa còn đẹp gấp bội vì hoa đã đem cái tốt đẹp của mình cảm hóa người đời, làm cho người ta thành thanh cao hiền hòa, ít ra cũng trong lúc dạo dưới bóng hoa, nhiều ra sẽ trong thời gian mỗi lần nhớ tới. Mà đã được xem anh đào đang độ nở hoa có lẽ ai cũng nhớ mãi mãi.

Tham lam hơn cả, tôi đã ước :

— « Nếu là chim, mùa anh đào nở tôi sẽ làm nhà trên ngọn anh đào, để suốt ngày ở bên hoa, đêm cũng ngủ với hoa. »

Khi còn lại một mình, tôi đem tất cả những quà ở nhà gửi ra « chiêm ngưỡng ».

Tại sao cái buồn cứ hay dồn vào một thời kỳ, cái vui cũng hay ào tới một lúc ? Nếu chia đều ra, có phải dễ sống hơn.

Với những sự vui mừng vừa ào tới, chiều nay tôi cho mình là một kẻ có điểm phúc nhất trần gian. Tôi có cảm tưởng vũ trụ đã ở dưới quyền sai khiến của mình.

Hưởng tất cả một mình thì tham lam quá. Quen lệ có vì vui tôi chỉ muốn tìm người để chia sẻ. Ở đây chả tìm được ai, thành thử cả buổi chiều tôi chỉ vơ vẩn, chẳng làm gì. À quên, được một việc. Tôi đã thu xếp, cất hết cả quà của nhà. Tôi sẽ không ăn trước. Để đợi một người.

Tôi tính toán :

— « Chắc được nghỉ ngày hai mươi chín. Đi chuyển xe bảy giờ, sẽ tới lúc mười hai giờ như anh mình. Có lẽ chiều sẽ đến. »

Chưa chi tôi đã tưởng tượng có người mở cửa, nói :

— « Cô xuống có ai hỏi gì. »

Tôi sẽ không đại mặt công hỏi ai thế, chỉ hỏi ngay :

— « Người thế nào ? »

— « Còn trẻ. Lớn lắm. Đeo kính »

Đúng rồi. Chắc tôi sẽ chạy nhanh hơn cả trưa nay. Tôi đoán mình sẽ trông thấy nụ cười và cái nhìn trước tiên. Có lẽ tôi sẽ không cử động, không nói gì được. Chỉ đứng yên mà nhìn như nhìn một người... lạ mà thôi.

Tôi cứ bị trách là nhiều tưởng tượng, lúc nào cũng để trí tưởng tượng dẫn đầu. Vào trường hợp này mới biết trí tưởng tượng của tôi còn xoàng lắm. Chưa đi đến đâu hết. Tại vì tôi chỉ có thể tưởng tượng tới lúc gặp và đứng yên lặng nhìn. Nếu thật giàu tưởng tượng, phải có thể sắp đặt trước, tạo nên một cuộc gặp gỡ linh động hơn, có đoạn giữa, đoạn cuối, có mở đầu thì phải có kết thúc chứ.

Sáng hôm sau, tôi đan cổ cho chiều có áo mới diện. Làm việc đến quên cả giờ ăn cơm, quên cả ngủ trưa. Rất ít khi tôi đúng hẹn thế. Ba giờ trưa đã đứng trước gương tự khen cái « kỳ công » của mình.

Nhưng ba rưỡi, rồi bốn rưỡi, năm giờ vẫn chưa thấy ai gọi cửa. Tôi vẫn kiên nhẫn hy vọng. Gần sáu giờ mới thấy tiếng chân đi tới phía phòng. Tôi nín thở chờ cửa mở để được nghe câu nói nào. Song chỉ là bà chủ nhà đến xem máy đan.

Trời đã xẩm tối. Bà nói chuyện có hai chiếc áo, và hỏi đan máy có xong kịp sáng mai mặc Tết ? Tôi đã nói để thử cổ, và tự nhận đan hộ. Phải làm việc gì có người ngồi kèm ở bên, làm chết thôi, không thì

điên lên mất. Tôi sẽ làm cho xong, dù thức suốt đêm.

Nhưng chỉ được một lúc người đã bắt đầu nóng. Tôi bỏ hết áo len dù trời lạnh giá, sương rơi không nhìn thấy mái nhà bên kia đường. Xong một tay áo tôi đã mết run cả người lên, mồ hôi ướt đầm trán, ngồi không muốn vững nữa. Thế là phải nằm nghỉ.

Mệt quá hóa sốt. Nhưng tôi rất vui mừng. Với cái mệt này, chắc đêm nay sẽ ngủ ngon lắm. Ngủ được là may vô cùng. Đối với tôi, không hình phạt nào nặng bằng đêm thao thức, cứ phải nằm yên lặng nhìn bóng tối. Vậy mà với tình trạng tinh thần này tôi còn khôi hài :

— « Ngủ quên một giấc, sáng mai mở mắt đã thấy năm cũ biến mất, năm mới đang ngó qua cửa sổ cười. »

Nhưng vừa hơi thiu thiu đã giật mình thức giấc. Nóng ghê quá. Tôi thừa hiểu đó là hậu quả của chiếc tay áo len. Mệt hết sức. May ra ngủ lại được.

Nằm yên lặng chờ giấc ngủ mới, tôi nghe tiếng bước chân đi lại, tiếng cười nói ở phòng bên. Nhiều giọng nói cùng một lúc, không thể phân biệt và nghe rõ người ta nói gì. Ngoài đó đông người lắm.

Một lúc sau tôi nghe thấy tiếng người cha đùa với đứa con nhỏ nhất. Tiếng hai cô bé gọi mẹ, và người mẹ dặn dò gì con cái. Ở nhà, đêm trước tết mẹ tôi cũng dặn dò từng người, từng việc, nhắc mai phải làm gì, không được làm và nói gì... Pháo bắt đầu nổ rì rạc. Người ta nói chuyện và cười vui quá. Tôi biết mấy cô lớn đang ngồi xúm trên giường, khâu

cổ một chiếc áo. Tôi biết rõ lối nói chuyện của các cô. Thì thào như nói thầm, đôi khi cười rúc rích. Thật là thân mật! Tôi biết rõ vì tôi cũng có chị và em gái. Cũng ngồi xúm trên giường khâu cổ một chiếc áo. Tay làm, miệng cũng không nghỉ.

Pháo đã nổ mau hơn. Chắc giao thừa rồi.

Tôi nằm ngửa, nhìn lên đỉnh màn. Giá ở nhà, từ tối đến giờ tôi còn chạy loăng quăng khắp nhà. Tôi nhớ đến nước rửa mặt để mẹ tôi lễ giao thừa. Hương mùi già thơm lắm, chỉ ngày tết mới có. Vì bấy giờ cây rau mùi mới già. Trong khi mẹ tôi lễ và tụng kinh tôi sẽ đi viết thư chúc tết cho người thân. Thường thường hàng phố nghỉ đốt pháo mới đi ngủ.

Tôi thích viết thư chúc tết đêm giao thừa. Ánh đèn trên bàn thờ, mùi hương trầm phảng phất trong làn khói hương nhẹ tỏa, tiếng pháo liên tiếp ròn rã, mùi khói pháo, tiếng người đi hái lộc... Tất cả những thứ ấy tạo nên một thi hứng rất khác lạ, rất êm ái.

Tiếng pháo giao thừa đã thưa dần, vẫn chưa ngủ được. Buồng ngoài người ta vẫn nói và cười nho nhỏ.

Giường gì mà hẹp thế này, lại cong ở hai bên! Giường ở nhà rộng và rất phẳng. Tại sao tôi lại ở đây để nằm khổ thế này nhỉ?

Đắp chăn thì nóng, bỏ ra lại hắt hơi vì lạnh. Mỗi lần trở mình, giường rung chuyển, cọt kẹt như cái vông. Có lẽ nên nằm yên, đừng dậy mãi nhờ sứt giường thì khốn!

Hay tại phòng hẹp quá nên không ngủ được? Chỉ nhỏ bằng một phần ở nhà.

Giá ở nhà, nằm quay bên phải thế này sẽ nhìn ra cửa sổ, quay bên trái sẽ thấy ngọn đèn và ảnh Phật trên cao tí, phía cuối phòng.

Hết nóng rồi. Đã dễ chịu hơn. Nhưng khát và mệt quá. Giá có ai rót cho cốc nước. Chỉ ngồi lên, đi ba bước là tới chỗ để nước, song tôi cứ nằm yên lặng nghĩ đến nước và thêm!

Tại sao chiều nay không ai đến thăm mình? Không đến hay chưa đến?

Nếu đi từ sáng bằng ô tô, chậm lắm quá trưa phải tới. Hay không đi ô tô. Có lần tôi được nghe nói sợ xe hàng lắm, sợ cả máy bay. Như thế chỉ còn cách đi xe lửa. Đi chuyển nào? Nếu chuyển tối hôm qua thì tới đây từ sáng. Nhưng có lẽ chả đi chuyển ấy đâu. Còn nhiều việc bận lắm. Có lẽ đi chuyển sáu rưỡi sáng. Nếu thế thì khuya nay mới tới.

Nghĩ đến đây tự nhiên tôi thấy nhẹ nhõm cả người. Chắc chưa tới chứ không phải quên tôi.

Sáng mai có đến mừng tuổi mình không nhỉ? Chắc có thì mới cho anh tôi biết chứ.

Nếu đến, tôi sẽ bắc ghế ngồi ở cạnh bàn cạnh cửa sổ. Phía ấy phong cảnh đẹp. Ngay trước mặt có tám cây anh đào đang nở hoa. Tôi sẽ lấy bánh quế, cam, táo ra hai chiếc đĩa nhỏ sứ. Chỉ có hai chiếc đĩa ấy thôi. Rồi tôi sẽ bảo nói chuyện cho tôi nghe. Tôi sẽ không nói, chỉ nghe chăm chú...

Nhưng sao tôi cứ có cảm giác sẽ không tới. Và tự nhiên tôi buồn vô cùng. Bao nhiêu thứ để buồn ùn ùn kéo tới. Tôi nghĩ tới đêm giao thừa xa nhà, nghĩ đến những thứ người quanh đây đang được hưởng. Tôi nhớ đến những không may đã trải

qua, thời gian đau ốm, nghĩ cả tới mỗi tình tuyệt vọng của mình. Sao mà nhiều thế! Tôi còn nghĩ cả rằng người ta đang nghĩ tới một người khác...

Tôi đã kéo chân chùm kín đầu để khóc. Lần đầu tiên tôi khóc vô cớ và vì rất nhiều ý nghĩ. Phải kéo chân thật kín cho hoàn toàn tối. Tôi không muốn đồ vật biết tôi khóc, ngay cả bóng tối nữa. Tối thế này làm sao nhìn thấy tôi? Tôi và bóng tối chỉ là một. Rất có thể bóng tối sẽ tưởng lầm là mình khóc.

... Hơi mơ mơ màng màng thấy mình đang đi một mình trên ngọn đồi thì có tiếng mở cửa, ánh đèn chiếu lóa cả mắt.

Nhất định không nghĩ tới người ấy nữa. Không nghĩ, không mong, coi như không có người ta ở trên trái đất này.

Nhưng nhất định không phải bắt buộc phải được như định, thành thử chỉ một tí lại dẫu vào đây. Tôi đem hết các kỷ niệm êm đẹp đã xảy ra từ bé, ôn lại như người xem phim thời sự. Các sự việc hiện dần. Trong đó có cả nụ cười và cái nhìn nào, có cả cảnh chúng tôi ngồi đan và xem sách, mỗi người người một bên giường, cách nhau một lối đi hơi quá rộng rãi. . . Cánh cửa phòng kêu to quá, không thể làm rớt được nữa, tôi dậy bật đèn, xé sách lấy một mảnh giấy gấp lại và chèn vào chốt cửa. Xem đồng hồ, đã bốn giờ sáng.

Sáng mai sẽ làm gì nhỉ? Chắc sao cũng mong. Tôi hiểu tôi lắm. Khó thể thoát nổi. Mà cứ mong hoài từ bảy giờ sáng cho tới mười hai giờ trưa, rồi lại tiếp tục mong tới chiều, liệu tôi sẽ thành cái gì? Nếu được thành một ấm nước sôi có lẽ còn may mắn lắm.

Chuông chùa đã ngân nga từ phía dưới đồi. Một lúc sau chuông nhà thờ cũng bắt đầu rung. Tiếng pháo sớm đã lác đác.

Cả nhà đã lục đục gọi nhau dậy sửa soạn đi lễ. Nhìn ra, mảnh trời ngoài khung cửa sổ đã hiện rõ dần. Lúc ấy tôi mới thiếp đi. Song chỉ được một tí. Người ta ồn ào quá. Rồi khách đến xông nhà.

Ăn sáng xong tôi lại đi nằm. Tính ngủ quên nhưng không được. Hình như tôi chờ một tiếng xe đỗ trước cửa, tiếng chuông gọi cửa. Đã mấy lần tôi dậy, ngó xuống đường, nghĩ những gì không biết nữa. Có lẽ tôi nghĩ người ta không đến đâu, đừng đợi làm gì cho mất công. Nhưng tôi vẫn cứ hy vọng, vẫn cứ đợi.

Sau cùng, một quá tôi ngủ quên một lúc. Nhờ giấc ngủ, tôi trở nên bình tĩnh hơn. Tôi nhủ thầm phải tự chủ ý nghĩ. Đừng bao giờ nghĩ tới một người không nghĩ đến mình.

Bà chủ nhà vào chúc tết. Thấy tôi ngồi ở bàn, tóc không được mượt và mắt có quầng, bà cho là tôi nhớ nhà, nhớ mẹ. . . Cơm trưa xong, bà sai bưng vào cho tôi hai đĩa kẹo và mứt. Cả một đĩa hạt dưa nữa. Không hiểu sao tôi lại nghĩ :

— « Để dành đợi, có lẽ chiều sẽ đến »
Lại quyết định, lại nhủ thầm. Lại linh cảm sẽ không bao giờ đến. Nhưng tôi vẫn đợi! Mai đến chiều tôi nhất định sẽ không bao giờ mong nữa. Lần này có vẻ quả quyết khác thường.

Tôi đã ăn một lúc hết hai đĩa kẹo và mứt, non nửa đĩa hạt dưa nữa. Nếu hạt dưa có cách nào ăn được vỏ, chắc cũng hết luôn. Tôi còn ăn cả một phần hoa quả nhà gửi lên.

Thật là hai việc phi thường đi liền nhau. Chưa biết sẽ có hậu quả gì. Bởi vì suốt đời tôi chưa từng làm một việc tương tự như thế.

Tại sao lúc nào cũng chỉ có một mình tôi thôi nhỉ? Nếu có một người nữa... Nhìn xung quanh, chỉ toàn đồ đạc. Ngược lên, thấy chiếc ảnh Đức Mẹ cầm trái tim vàng, tự nhiên tôi nghĩ thầm:

— « Nếu Đức Mẹ nhân từ và thiêng, một là giúp tôi được gặp, hai là giúp tôi quên. Quên tất cả và mãi mãi... »

Tôi đã lấy giấy viết thư cho người thân. Trong thư có câu:

— « Tại sao tôi lại yêu một người không yêu mình? Tại sao tôi không yêu những người đã yêu tôi? Không thể hiểu tại sao. Phải chăng tôi đã vô tình làm khổ nhiều nên bây giờ đến lượt mình? »

Tôi vừa xé lịch. Qua được một ngày. Còn hai ngày nữa thì hết tết, hết nạn mong chờ. Nếu sống sót sau hai ngày ấy, chắc tôi sẽ đạt được quyết định.

*
* *

Thế là hết tết. Hết tất cả hy vọng và thất vọng, vui buồn, sướng khổ. Mọi khi tôi tiếc rẻ tết qua mau chóng, chưa chi đã lại phải sống như thường. Năm nay tôi mừng vì tết qua mau chóng, để lại được sống như thường.

Chắc tôi đã hiểu thấu nụ cười của núi, đã khám phá bí quyết tồn tại của núi, nên mới sống sót sau ba ngày tết. Sáng mồng bốn tôi đi chơi để thay đổi không khí, thay đổi hoàn toàn tư tưởng. Về tới nhà, tôi đi nằm. Định ngủ một giấc say sưa, chiều sẽ sống như cũ.

Nhưng vừa thiêu thiêu ngủ đã nghe tiếng ai hỏi thăm ở dưới nhà. Tiếng quen quá. Chỉ một người có giọng nói ấy. Tôi bèn chồm chần thật kỹ, hể ai đánh thức sẽ bảo... ngủ rồi, không tiếp ai hết.

Tôi định, đã kéo chăn cao quá đầu, nhưng không hiểu sao vẫn nghe thấy người ta nói tên tôi. Nói đến ba lần rồi. Và tôi đã tung chăn, thò đầu qua cửa sổ gọi.

Tôi chạy vội xuống đón. Nhưng không thể mừng được nữa. Có phải vì tôi đã quá thất vọng, đã giết chết được cảm tình, đã tìm ra bí quyết « giữ » cho trái tim không biết rung động nữa? Không biết vì sao. Chỉ biết tôi đã không cười, nói năng ra vẻ lắm. Trước khi lên gác, người ta đứng lại nhìn tôi rất lâu, tôi cũng lờ đi.

Nhưng trong thời gian « lờ đi » ấy, tôi đã khám phá mình không mừng được nữa không phải vì đã giết chết được tình cảm hay đã tìm ra bí quyết giữ cho trái tim không rung động, mà chỉ vì tôi... hờn dỗi!

Tôi muốn nhìn lại, gọi tên và khóc. Nhưng tôi không làm gì hết. Chỉ thản nhiên đi, và rồi đã thản nhiên nói những chuyện không có liên quan gì tới ba thứ muốn ấy.

Tôi biết người ta còn nhìn tôi nhiều lần. Tôi cũng biết vì sao người ta không đến sớm hơn. Nhưng cái hờn dỗi của tôi nó không chịu biết gì hết. Rồi người ta đã nói:

— Làm thế nào được, đời công chức nó như thế!

Cái hờn dỗi của tôi đâu cần biết đời công chức thế nào. Chỉ đúng thứ cần hay muốn, đồ vật hoặc lời nói đó mới có giá trị.

Sau đó, khi còn lại một mình, tôi tìm hiểu hậu quả của cuộc thăm hỏi vừa rồi. Tôi thấy thà không đến còn hơn. Khỏi làm gì nguồn hy vọng vô vọng? Cứu sống làm gì những thứ đã gần chết? Dại gì làm nô lệ cho ảo tưởng mãi.

Tôi đã có lý lắm. Mấy hôm sau tôi nhận được một bức thư. Người ta khuyên tôi đừng nghĩ xa xôi viễn vông, nên nhận định cuộc đời một cách thực tế. Trong sự sống cần nhiều đức tính như mạnh dạn, tự trọng, một cá tính mạnh mẽ, một suy luận vững vàng...

Tìm hiểu lại những sự việc đã xảy ra gần đây, tôi nhận thấy mình đã hành động đúng như những lời khuyên trong bức thư này từ lâu. Hay đúng hơn, từ một tháng nay.

Nếu cho yêu trong khi đang ốm là nghĩ xa xôi viễn vông, thì tôi có thể tự an ủi rằng đã biết nhận định cuộc đời một cách thực rất tế. Từ đầu đến cuối, có bao giờ tôi cho là mình được yêu lại. Và được như từ trước đến nay, chắc tôi phải có một cá tính mạnh mẽ. Nếu cho yêu người không yêu mình là thiếu tự trọng, thì từ bây giờ tôi sẽ tỏ cho người ta biết bằng cách theo rất đúng lời khuyên đó.

Đã nhận định cuộc đời một cách thực tế, suy luận của tôi vững vàng lắm rồi. Và đã có cá tính mạnh mẽ, tôi sẽ không nghĩ xa xôi viễn vông nữa.

Rất có thể người khác cho là tôi chưa thật lòng yêu, dễ quên, coi tự trọng tự ái hơn tình, hoặc là ngọn lửa yêu đang trong lòng tôi chỉ là một ngọn lửa rơm.

Nếu ai cũng có thể yêu như ai cũng có thể ốm, thì ái tình cũng chỉ là một thứ bệnh.

Một thứ bệnh không có vi trùng, không truyền nhiễm, song cũng nguy hiểm chẳng kém gì các thứ bệnh nguy hiểm khác. Các thứ bệnh nguy hiểm đều có thể khỏi nếu chữa kịp thời, đúng lúc, thì bệnh thất tình cũng khỏi nếu chữa vừa đúng lúc, đừng để muộn quá, đừng đợi lúc trầm trọng quá mới chữa.

Vì cũng như các thứ bệnh khác nên có thể khỏi song không thể khỏi ngay tức khắc. Ít ra cũng phải một thời gian, và cần nhất là kiên nhẫn, tin rằng mình sẽ khỏi.

Đã có can đảm kiên nhẫn đương đầu với vi trùng trong bao nhiêu tháng trời, tôi tin rằng sẽ có đủ kiên nhẫn phấn đấu vượt bất cứ thử thách nào.

Đoạn kết

Những ngày nghỉ ngơi ở miền núi vẫn lặng lẽ qua một cách đều đều và bình thản.

Mặt trời vẫn sáng dậy muộn, sáng dậy đúng giờ. Núi đồi in dáng dưới trời xanh vẫn mờ màng với vẻ trầm tư mặc tưởng. Đời sống của tôi cũng đều đều bình thản như ngày tháng, như cảnh vật nơi đây.

Rồi những ngày sắp tới sẽ cũng như thế. Biết rõ ràng sự thật, tôi không để tâm hồn bị xáo trộn bởi những mộng tưởng vô ích nữa. Tôi đã suy nghĩ nhiều về nụ cười của núi. Và tôi cũng đã công nhận không thể trông mong vào sự giúp đỡ của ai khác.

Buồn rầu, chán nản, tuyệt vọng... nhưng ngày tháng vẫn qua, đời sống vẫn tiếp tục. Dù sự việc nào xảy ra, tôi cũng như hết mọi người, mọi cảnh vật, vẫn phải tiếp nhận những ngày sẽ tới.

Sức khỏe của tôi đã hồi phục dần. Như thời gian, sức khỏe đi từng bước nhỏ.

TUYẾT HƯƠNG

thong thả và lặng lẽ. Đến không báo trước, không ai hay biết. Nhưng rồi một ngày nào đó, tôi sẽ nhận thấy mình đã hoàn toàn khỏe mạnh và đã sống như tất cả mọi người. Chẳng khác nào một ngày nào đó cảnh vật bừng tỉnh, bỗng nhiên nhận thấy tất cả đều đổi khác, đều vui tươi và rộn ràng sống vì mùa xuân đã về. U sầu, ảm đạm đã tiêu tan với mùa cũ.

Như núi rừng, cảnh vật nơi đây, dù sự việc nào xảy ra, tôi vẫn thản nhiên sống, để rồi ngày nào đó tới, tôi sẽ bình tĩnh, dụi mắt coi như vừa qua một giấc mộng nặng nề. Tất cả mọi sự đều tiêu tan với ngày tháng.

Lấy kinh nghiệm vừa trải qua, tôi cho ốm đau hay thất vọng về yêu đương chỉ là bóng tối của đêm. Dù đen tối nặng nề,

dù âm u rừng rợn, thế nào cũng có lúc chấm dứt, tiêu tan, trả lại chỗ cho ánh sáng.

Trên con đường về nhà, tôi vẫn có một mình. Nhưng nhìn cái bóng rả trên nền đất, tôi sẽ không tự hỏi sẽ làm gì với cái bóng này nữa.

Chưa thể đoán biết lúc ấy tôi sẽ có những tư tưởng nào. Tôi chỉ biết trước hai ý nghĩ sẽ choán hết tâm trí, sẽ làm tôi bận rộn vô cùng. « Tìm cách làm sao cho bóng tôi còn in trên mặt các con đường sẽ đi tới, liền bên tôi mãi mãi. Tôi sẽ gặp lại các người thân yêu, sẽ lại cùng xây một tương lai bằng những ngày tươi sáng, tràn sức sống sẽ tới. »

TUYẾT-HƯƠNG

— HẾT —

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

— Các tiệm tạp-hóa

— Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn

Đ.T. số 24.454

— Kho 6 Bến Ván-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

TRỞ VỀ

hoàng
khanh

Đêm đêm về quán trọ
Đi theo con đường dài
Cây cỏ như chờ ai
Nên con đường rất sợ

Đêm đêm về quán trọ
Giữa vườn cây âm thầm
Tiếng buồn không hồi âm
Tôi nhìn đêm man rợ

Đêm đêm về quán trọ
Ánh đèn đổ ra vườn
Tôi mang những nỗi buồn
Vào theo vệt sáng đỏ

Đêm đêm về quán trọ
Một mình nằm trên giường
Năm canh dài nhớ thương
Giấc mơ đầy quá khứ

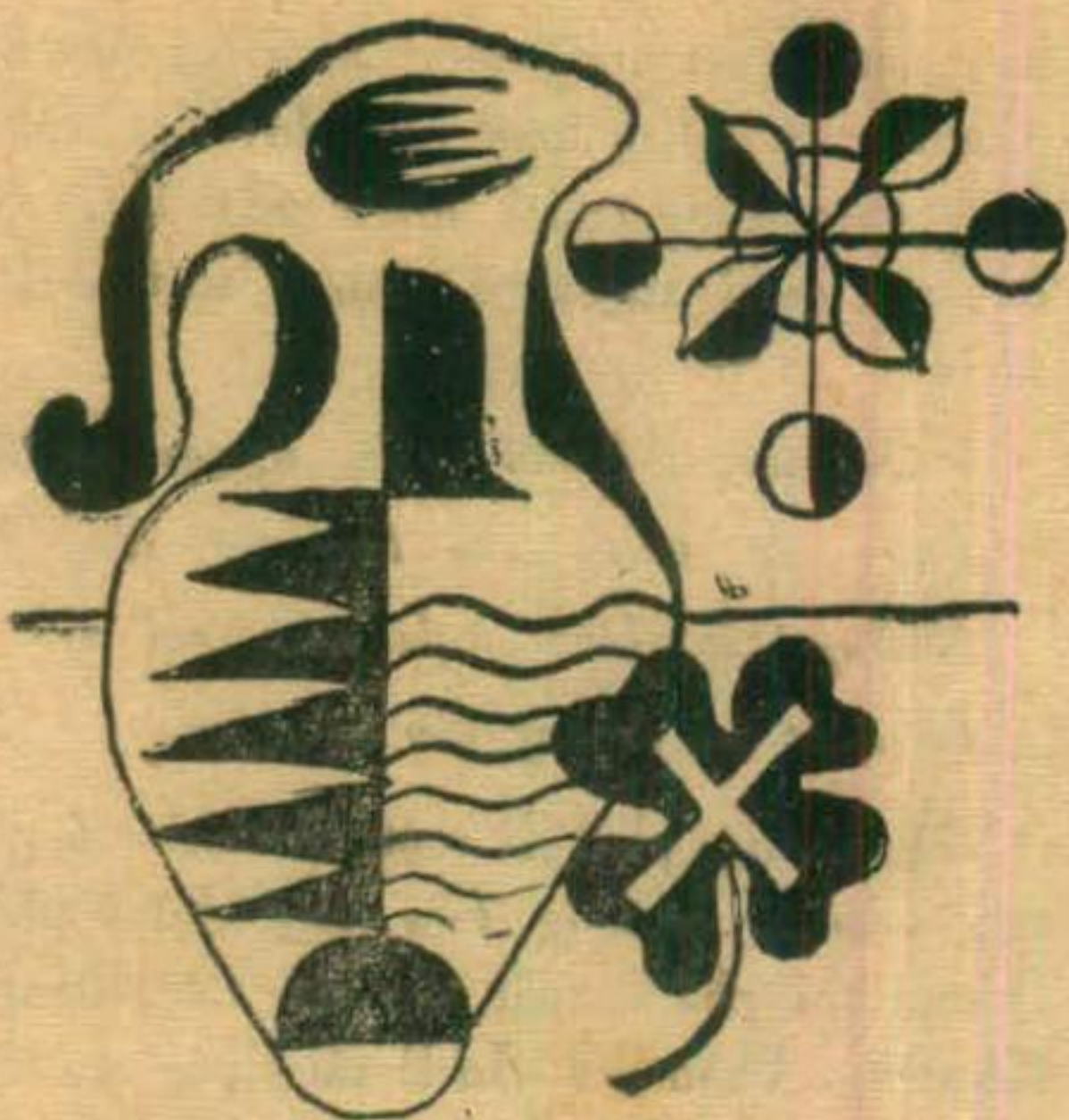
Ôi những đêm dài đó
Với những tiếng thở dài
Với nỗi buồn đôi vai
Khi tôi về quán trọ

H. K.

ĐÊM DÀI

Còn bao lâu nữa sang ngày,
Còn bao lâu nữa thì chầy năm canh !
Nằm đây, lờ chuyển lâm hành
Mưa ngăn cánh mộng về quanh chỗ nằm
Nhớ như trẻ nhớ trăng rằm
Buồn như giọt nhỏ thì thầm mái cao
Đã qua những sớm mưa rào,
Thời gian mở lối thu vào gieo « ngẫu ».
Những toan dứt áo, qua cầu
Mai sau viết chuyện buổi đầu gửi ai
Nhưng mưa vây kín đêm dài
Lối đông còn vọng nẻo đoài... buồn chưa !
Mưa, mưa... trời vẫn còn mưa,
Thức bao lâu nữa cho vừa ý đêm ?

TƯỜNG - LINH



SINH-HOẠT

QUA CÁC HÀNG SÁCH

TÂM SỰ KÊ SANG TẦN

của Vũ-Hoàng-Chương

PHAN-KHÔI VÀ CUỘC TRANH
ĐẤU TƯ TƯỞNG Ở MIỀN BẮC

của Nguyễn-Vạn-An

THÌ-sĩ Vũ-Hoàng-Chương vừa xuất bản một vở kịch bằng thơ. Chuyện trong kịch xảy ra ở nước Tàu, cách đây chừng hăm ba thế-kỷ. Kịch viết không rõ từ bao giờ, nhưng đã diễn lần đầu cách đây hơn mười năm, ở Hà-Nội.

Như-nhan đề đã nói rõ, vở kịch của Vũ-Hoàng-Chương diễn lại câu chuyện Kinh-Kha sang Tần, chú ý ở cái tâm sự của người hiệp-sĩ trong những ngày sắp lên đường. Trong tâm sự ấy ta thấy

một phần là lòng ham danh vọng của một anh trai thời loạn hăm hực vì « văn trắng tay cơ đồ », một phần nữa là lòng tri ân đối với sự hậu đãi của thái-tử Đan, nỗi cảm kích đối với sự thúc giục của lão thần Điền - Quang và nhất là của Phan-Ô-Kỳ đã không ngần ngại tặng ngay thủ-cấp mình cho Kinh-Kha để lấy cơ đến gần Tần-Thủy-Hoàng, một phần chót nữa là lòng xót thương lương dân bị bách-hại dưới bàn tay độc tài của vua Tần.

Phần chót là cái phần yếu ớt nhất : khi Cao-Tiệm-Ly đến xem sao đoán vận mạng nước Tần, bàn qua vài câu là Kinh-Kha đã hết tin ở sự thành công của mình, hết tin rằng mình có thể trừ bạo chúa để cứu dân. Tinh thần hiệp-sĩ nao núng lắm rồi, hiệp-sĩ đã toan chuyện bỏ trốn cho xong. Nhưng chẳng qua vì người xung quanh đối với mình quá thiết tha, nên Kinh - Kha không đi sang Tần không được.

Một tâm sự như thế có thể xem là rất « người ». Nhưng tác-giả vở kịch không chịu công nhận tâm lý yếu đuối của nhân vật mình, mà muốn Kinh-Kha phải là một người hùng, vì thể giọng thơ có chỗ khoác lác, huênh hoang. Trong phần kết từ có những lời xưng tụng quá đáng :

*Gươm trở xuống nằm run trang lịch sử
Gươm vung lên ngừng chuyển bánh
luân hồi*

Múa về Đông bể cả dấy phong lôi

Múa về Bắc non cao mờ nhạt nguyệt... »

Không biết Kinh-Kha thực trong lịch sử Trung-Hoa khí tiết thế nào, chứ còn Kinh-Kha của Vũ - Hoàng - Chương giá còn sống mà nghe được lời thơ ấy thì phải đỏ mặt xấu hổ.

Ngoài Kinh-Kha ra, những vai phụ khác tâm lý đều thô sơ, không có gì đáng nói.

Trong toàn vở kịch động-tác đã chẳng lôi cuốn được người đọc, mà phần kết từ lại thêm vào một sự vụng về khó chịu. Tác giả kết thúc vở kịch bằng cách để cho hai người (Cao-tiệm-Ly và ông chủ quán) tranh luận nhau xem Kinh-Kha đáng khen

hay đáng chê, lòng dòng như hai ông đồ nho dở lý sự ra luận việc đời xưa trong một đám rúng. Cái nhau một lúc, rồi ông chủ quán tuyên bố phục Cao-tiệm-Ly sát đất.

« Cao ản sĩ ! những lời người nói đó
Thực đã khiến cho lòng ta sáng tỏ
Những câu bình luận rạch ròi kia
Là đuốc soi đường cho kẻ u mê... » (!)

Đã không phải là một vở kịch có giá trị, *Tâm sự kẻ sang Tần* cũng không phải là một thi phẩm xuất sắc của Vũ-Hoàng-Chương. Phần lớn vẫn là cái giọng cầu kỳ, khoa đại, như ta thường gặp ở tác giả. Nói đến khách anh hùng thì nào là *ngành thu sự nghiệp, mờ nhạt nguyệt, dấy phong lôi*, nào là *xé nát bầu mây, núi biển cương nằm run rẩy hoang mang v. v..* ; nói về người đẹp thì *ngọc ẩn hiện, ngà thấp thoáng, mười búp quỳnh lựa, hai dòng cảm thạch, khối ngọc khuôn ngà v.v...* Người con gái có bàn tay như búp hoa quỳnh ấy với người con trai chán chường thiếu sự nghiệp ấy rất quen thuộc đối với Vũ-Hoàng-Chương. Lần này người trai này không ở ngõ hẹp lầy lội, không nằm giường thấp, không kêu đầu thai lắm thế kỷ, nhưng xung quanh chàng vẫn còn bộn bề những hình ảnh sáo cũ mượn ở cuộc đời những chàng trai thất chí trước đây.

Thỉnh thoảng ở đôi chỗ Vũ-Hoàng-Chương có những đoạn thơ lời rất bóng bẩy, giọng thanh thoát, hình ảnh đẹp đẽ, như « *tiếng ngâm* » ở trang 24. Nhưng khi ấy cái cầu kỳ của tác giả không làm mất vẻ đẹp của câu thơ.

Nhưng xen vào những đoạn như thế lại có những chỗ cầu kỳ mà trống rỗng, rồi

lại có những câu tầm thường đến sống sượng như :

« Châu ngọc lời kia đích đáng thay
(trg 57)

Độc địa thay là chính sách ngu dân
(trg 77)

Sang Tần, không Cáp Nhiếp

Cùng đi và giúp ta,

Chẳng thể nào uy hiếp

Được Doanh Chính dân mà ! » (trg 69)

Tiếp theo « Tâm sự kẻ sang Tần » thì sĩ Vũ - Hoàng - Chương sắp sửa cho ra đời một thi phẩm khác. Chúng ta lấy làm mừng rằng những văn nghệ sĩ thuộc thế-hệ Vũ-Hoàng-Chương, Nhất-Linh lúc này còn thừa hăng hái để tham gia vào hoạt động văn nghệ ; nhưng tiếc rằng trong tài năng họ đã có cái gì uể oải, khiến ta sức nhớ lại mới thuở nào đây văn thơ họ còn làm ta rung động, say mê, ta không khỏi thấy ngậm ngùi.

Vật đổi sao dời chẳng mấy chốc, trong giới văn chương cũng lắm chuyện buồn.

*
* *

Ta không hiểu vì sao thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương ngày nay bỗng nghĩ đến cái tâm sự Kinh-Kha, với những chuyện muốn lập công, muốn báo ơn thái tử Đan v.v..., và ca tụng tâm sự ấy. Ra đời gần một lượt với kịch phẩm của Vũ-Hoàng-Chương, tập biên khảo của ông Nguyễn-Vạn-An nói đến tâm sự của một kẻ gần chúng ta hơn : tâm sự ông Phan-Khôi, sống dưới chế độ cộng sản ở miền Bắc Việt-Nam.

Lập luận cùng tài liệu của tác giả trong quyển « Phan-Khôi và cuộc đấu tranh tư-tưởng ở miền Bắc » không có gì mới mẻ, tuy vậy mỗi lần có ai nhắc đến cuộc tranh đấu khảng khái của ông Phan-Khôi và cái chết bi đát của ông ở Hà-nội, chúng ta vẫn cứ bồi hồi xúc động. Thái độ của ông Phan trong những ngày cuối cùng, đường đường đối kháng với nhà cầm quyền làm cho chúng ta lấy làm hãnh diện. Ông Phan không phải là một hiệp-sĩ có thể làm cho ngọn núi hay trang sử nào run rẩy, ông chỉ là một nhà văn hóa, không vì danh vọng, không vì mang ơn ai, nhưng bị áp bức thì nhất định chống lại, giản dị mà hiên ngang. Một thái độ như thế, dù là xuất hiện ở nước nào, ở dưới thứ chế độ độc tài nào, đều có thể làm cho ta phấn khởi. Không huênh hoang ra vẻ phượng tuồng, nhưng cương quyết giữ vững nhân-cách phẩm-giá trước bạo lực, dong dạc bênh vực tự do giữa một xã hội độc tài, bao giờ còn những người như thế ta còn tin tưởng ở tương lai của văn hóa, mặc dù nhân loại đang sống trong giai đoạn đen tối bị đe dọa đến thế nào.

TRÀNG-THIÊN

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP CÁC
HIỆU SÁCH TOÀN QUỐC !

BÁT CƠM, BÁT MÁU

TIỂU THUYẾT DÀI của **MẶC-THU**

Sách đẹp, bìa vernissé, 290 trang

GIÁ BÁN : 32 đồng.

Do nhà Nguyễn-dinh-Vượng xuất-bản

Cuộc khủng hoảng Bizerte

Những nguyên nhân sâu xa

Tình hình Tunisie sôi sùng-sục. Cuộc chạm súng giữa Pháp và Tunisie ở hải cảng Bizerte chỉ là một trong những giai đoạn nổ tung của một cuộc tranh chấp khi lạnh khi nóng một bên là thực dân Ý và Pháp, một bên là các sắc thổ dân ở Tunisie, từ mấy thế kỷ nay. Đến hồi thế chiến thứ hai, Tunisie đã trở thành cái bàn xoay chỉ huy các đường không vận từ Bắc-Mỹ sang Cận-Đông, từ Trung-Âu sang Trung-Phi. Trong hồi thế chiến thứ hai nhờ những căn cứ ở Tunisie mà Đồng Minh sang oanh tạc nước Ý và Trung Âu bấy giờ do Đức Quốc Xã điều khiển chiến sự. Sự kiện ấy giải thích tại sao ngày nay mới thành lập biết bao phi-trường quan trọng. Tunisie còn là nơi thuận tiện nhất trong khu vực Âu-Phi để dự trữ khí-giói chiến tranh tối tân và canh phòng miền Địa Trung Hải.

Những nguyên nhân trên đây, có thể cắt nghĩa tại sao Pháp cố duy trì căn cứ quân sự ở Bizerte, không tôn trọng chủ quyền một nước độc lập, và tổng thống De Gaulle đã tuyên bố mới đây:

« Trên cục diện thế giới ngày nay hải cảng ấy chỉ có giá trị quân sự để giữ an ninh cho nước Pháp. Đối phương chiếm đóng Bizerte, địa điểm quân sự hiểm yếu nhất ở địa Trung Hải sẽ có ảnh hưởng tai hại cho sự phòng thủ Pháp và cả Tây Phương. Vì muốn đề phòng một sự bất hạnh rất

có thể xảy ra nên nước Pháp phải tự dành quyền xử dụng căn cứ Bizerte khi tình hình thế giới vẫn còn nguy hiểm như ngày nay »

Trước tình trạng ấy, Tunisie bị dồn vào con đường cùng không thể lùi được nữa. Giai đoạn cuối cùng của phong trào giải phóng phải bùng lên để đòi hỏi chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, một sự đòi hỏi rất chánh đáng.

Bourguiba ngày nay tượng trưng cho phong trào giải phóng quốc gia, một phong trào khai sinh từ năm 1920, đã hoạt động dưới những tên Destour, Neo Destour, Moncef.

Cuộc tranh đấu của phong trào trên đây đã đem lại cho quốc gia Tunisie độc lập, nhưng còn hai vấn đề vướng lại chưa được giải quyết là hải cảng Bizerte và phần đất Sahara của Tunisie ở phía Nam vẫn do quân đội Pháp chiếm đóng. Xem ở trang sau bảng ghi các cuộc vận động với chính phủ Pháp để thu hồi những phần đất còn do quân đội Pháp chiếm đóng, ta sẽ có một ý niệm về cuộc tranh chấp trong mấy năm gần đây.

• •

Tunisie không thể chấp nhận sự có mặt của quân đội ngoại quốc trên lãnh thổ mình, nhất là chiếm đóng không có sự thỏa thuận của mình, và cũng không tôn trọng phép nước mình. Vị trí Bizerte hiểm yếu đối với sự canh phòng nước Pháp, nhưng không phải lý do để Pháp tự ý chiếm lấy, bất chấp quyền lợi của Tunisie. Khi Mỹ muốn lập căn cứ hỏa tiễn ở đất Pháp để phòng thủ Âu-Châu, Pháp từ chối vì không muốn trở thành tiền đồn để bị dội bom

LỊCH TRANH CHẤP BIZERTE GIỮA TUNISIE VÀ PHÁP

— Tháng 2 năm 1958 : Sau cuộc ném bom ở Sakiet Sidi Youssef, chính phủ Tunisie yêu cầu quân đội Pháp hoàn toàn rút khỏi Tunisie. Khủng hoảng trầm trọng, các đồn Pháp bị phong tỏa :

— 17 tháng 6 - 1958 : Sau khi Đại Tướng De Gaulle lên cầm quyền, đã có sự thỏa hiệp : Pháp sẽ lần lần triệt thoái các căn cứ quân sự trong 4 tháng, trừ hải cảng Bizerte.

— Tháng giêng 1960 : Tunisie nhắc lại vấn đề Bizerte với đại sứ Pháp, và dùng sứ quán Tunisie ở Ba Lê làm trung gian để vận động với Pháp.

— 22 tháng giêng 1960 : Từ mùng 8 tháng 2 Ô. Bourguiba tuyên bố quyết định của chính phủ ông là sẽ dùng đường lối hoà bình để yêu cầu quân Pháp triệt thoái. Vài ngày sau hoãn cuộc vận động để « khỏi làm phiền Tổng Thống De Gaulle » đang mắc khó khăn ở Alger.

— 12 tháng 9-1960 : Ông Bourguiba loan báo tin nước Pháp đã hứa hẹn sẽ chuyển giao các căn cứ quân sự trong tỉnh Bizerte cho Tunisie. Việc chuyển giao ấy được thực hiện sau đó ít lâu.

— 12 tháng 2 1961 : Hội đàm De Gaulle - Bourguiba ở Rambouillet. Hai vị quốc trưởng đồng ý hoãn việc thương thuyết lại đến khi chấm dứt chiến tranh Algérie.

— 5 tháng 7-1961 : Pháp khoáng trương căn cứ không quân ở Sidi Ahmed trong quần cảng Bizerte làm Tunisie lại khởi động vấn đề triệt thoái quân đội Pháp.

— 7 tháng 7 - 1961 : Ông Ahdallah Fahrat, chánh văn phòng của Tổng Thống Bourguiba trao cho Tổng Thống De Gaulle một thông điệp nhắc đến vấn đề Bizerte cùng một lúc với vấn đề biên giới phía nam Tunisie.

nguyên tử Nga-Sô. Tunisie bảo vệ chủ quyền lãnh thổ cũng chính đáng không khác gì Pháp vậy.

Pháp : Chưa phải lúc nói chuyện.

Ngày nay không phải tình cờ mà nền bang giao Pháp-Tunisie bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng.

Từ năm 1958, nhà cầm quyền Tunisie luôn luôn đòi hỏi chính phủ Pháp đem vấn đề Bizerte ra thảo luận và chỉ tạm ngừng thúc giục khi Pháp gặp lúc khó khăn quan trọng với việc Algérie. Họ chưa hề nhận được hồi đáp của chính phủ Ba-Lê và chưa bao giờ Pháp mở cuộc thương thuyết Hành vi thiện chí duy nhất của Pháp mới đủ là sự triệt thoái quân đội ở tỉnh Bizerte vào tháng 9-1960.

Sau một kỳ nhóm họp Hội Đồng Tổng Trưởng ông Terrenoire xác định lập trường của Pháp như sau : « Không thể thương thuyết trong tình trạng rối loạn »

Ông Bourguiba đã tỏ vẻ bức tức với thái độ này :

« Thật là kỳ cục ! Người ta đòi dân Algérie phải hạ súng mới chịu nói chuyện, nhưng rồi sau vẫn chịu nhận điều đình giữa cơn khủng bố. Đối với chúng tôi, người ta bắt chúng tôi không được lên tiếng đòi hỏi trong vòng trật tự và trong địa phận nước chúng tôi. Chúng tôi không chạm đến quyền lợi người Pháp ở đây một cách trực tiếp hay gián tiếp. Mà chúng tôi đòi gì ? Đòi trả lại tự do đã được công nhận từ 5 năm về trước. »

Pháp không muốn nói chuyện trong bầu không khí sôi nổi nhưng lúc yên tĩnh thuận

tiện lại lơ đi không mở cuộc thương thuyết.

Tờ Afrique-Action của Tunisie đã tố cáo thái độ ấy như sau : «... Lại một lần nữa người ta dùng những phương thức đã áp dụng ở Đồng Dương. Khi một dân tộc bị miệt thị cố bình tĩnh và nhẫn nại, Ba-Lê không thấy có lý do gì đáng phải thương thuyết, còn khi dân tộc ấy nổi nóng người ta quay mặt đi ».

Tunisie : Phải giải quyết ngay

Sau bài diễn văn của Ô. Bourguiba đọc tại Quốc Hội Tunisie loan tin sẽ đem quân phong tỏa căn cứ của Pháp ở Bizerte và gửi một đoàn quân đem cờ Tunisie đến cắm trên mốc 233 bãi Sahara, Ba - Lê không cho là hệ trọng : « Kể cũng khó chịu, nhưng không nguy hiểm ! ». Người ta cho Ô. Bourguiba là người « khó chịu cả cho phong trào giải phóng Algérie F.L.N. lẫn chính phủ Pháp ».

Nhưng rồi dần dà các nhà đương cuộc Pháp cũng nhận thấy vấn đề nghiêm trọng. Pháp đã công nhận chủ quyền của Tunisie ở Bizerte và sẵn sàng trả lại những quyền lợi kinh tế của hải-cảng này cho Tunisie. Nhưng Pháp không muốn triệt thoái căn cứ quân sự, Pháp muốn đợi kết thúc chiến tranh Algérie rồi mới giải quyết sau. Đó là kết quả cuộc đàm phán giữa ông Bourguiba và ông De Gaulle tại Rambouillet.

Một vấn đề đặt ra : « Tại sao đã có sự thỏa thuận ở Rambouillet, Tunisie còn đưa ra những yêu sách vào đầu tháng bảy này ? ».

Sau cuộc hội đàm ấy đã xảy ra những truyện gì ? Truyện bức tường sù quán

Pháp ở La Marsa, một truyện nhỏ nhưng nếu Tunisie không biết xử trí sẽ thành lớn. Bức tường làm ngăn trở sự bình trang thành phố mà Pháp không tuân lệnh thị trưởng La Marsa để xây lại nên thị trưởng cho phá đi. Sau đó chính phủ Tunisie đã xin bồi thường nhưng Pháp đòi phải ký giấy nhận đã vi phạm nguyên tắc bất khả xâm phạm các dinh thự sù quán. Dĩ nhiên Ô. Bourguiba không thể tự làm bản án buộc tội mình. Rồi những việc trọng đại hơn xảy đến.

Tunisie đứng ra vận động cho cuộc điều đình Pháp-Algérie, mà khi mở hội cuộc đàm ở Ba-Lê, đại sứ Tunisie không được mời tham dự !

Lại mới đây, vào khoảng tháng 6, Pháp cho khoáng trường phi trường Sidi Admed. Dân chúng Tunisie tất phải nghĩ rằng đó là một dấu hiệu chứng tỏ Pháp muốn chiếm đoạt căn cứ ấy. Người Pháp triệt thoái khỏi Maroc và Mali trong khi củng cố căn cứ ở Tunisie, điều đó là một sự nhục nhã cho dân tộc Tunisie.

Lời hứa ở Rambouillet chỉ là lời hứa miệng không có ký kết gì cả. Đợi kết thúc chiến tranh Algérie rồi mới nói truyện Bizerte là một sự chờ đợi vô vọng kiểu nàng Pénélope đợi chồng. Tại Rambouillet, người ta trông mong chiến tranh Algérie sẽ kết thúc trước mùa hè. Nhưng cuộc thương thuyết ở Evian sau một tháng bế tắc đã đình lại. Rồi cuộc thương thuyết, lại mở để lại ngưng. Bầu không khí thật ngột ngạt, Tunisie phải tìm lối thoát : « Trong trường hợp ấy, dĩ nhiên chúng tôi phải nghĩ đến cách bảo vệ quyền lợi của chúng tôi. Ngay bây giờ phải



thâu hồi những địa điểm chưa hoàn toàn thuộc chủ quyền của chúng tôi. Những địa điểm ấy là Bizerte và những miền đất ở phía Nam».

Những vấn đề biên giới

Ngoài vấn đề Bizerte còn một mục phiêu tranh chấp quan trọng : Đó là biên giới phía Nam nước Tunisie. Thực ra hai vấn đề vẫn thường kể chung làm một : biên giới Tunisie-Tripolitaine và Sahara.

1) Theo thỏa ước ngày 19 tháng 5-1910 ấn định biên giới hai xứ Tunisie và Tripolitaine, và theo mốc phân ranh của một ủy ban lập ra năm 1911 dưới chế độ bảo hộ Pháp,

thì một phần đất thuộc lãnh thổ phía Nam nước Tunisie nay vẫn cho quân đội Pháp ở Sahara chiếm đóng. Đó là dải đất từ Fort-Saint đến Garet El Hamel, nơi đây có đóng cột mốc gọi là cột mốc 233. Ô. Bourguiba cho một đội binh đến cắm lá cờ Tunisie lên mốc ấy để tượng trưng cho chủ quyền quốc gia.

2) Đối với người Tunisie, phần đất ấy là cửa ngõ vào sa mạc Sahara. Tunisie còn đòi một phần đất quan trọng ở Sahara nữa. Nhưng ngày mùng 5 tháng 2-1959. Ông Bourguiba đã xác định rằng vấn đề có thể giải quyết bằng hai biện pháp : một là Algérie và Tunisie mỗi bên nhận phần đất ở hai bên một đường cắt theo chiều dọc, hai là vùng Sahara sẽ coi là một cái biển khô để chung nhau khai thác. Sau những cuộc hội đàm khá gay go giữa Tunisie với phe kháng chiến Algérie F.L.N. hai bên đã đi đến sự thỏa thuận là sau này sẽ thương thuyết tiếp khi Algérie thâu hồi độc lập.

Nhưng sự thương thuyết và thỏa thuận với Algérie là một chuyện. Còn việc Pháp phải rút quân khỏi vùng cột mốc 233 là một vấn đề riêng của Pháp với Tunisie, phải giải quyết ngay để bảo vệ quyền lợi của Tunisie. Pháp không thể khi thì dựa vào Algérie để chống Tunisie, khi thì dựa vào Tunisie để chống Algérie mới được.

* *

Bourguiba từ trước đến nay vẫn được coi là một lãnh tụ Bắc Phi ôn hòa, chủ trương tranh đấu bằng đường lối thương thuyết với Tây-phương — Đối với một người đại diện cho chính sách mềm dẻo như vậy, chính phủ Pháp đã trường kỳ

bội ước, trong khi ngược lại, đối với phe kháng chiến Algérie chủ trương vũ lực và bạo động thì chính phủ Pháp lại đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác. Vụ Bizerte đã đưa đến kết quả là chủ trương ôn hòa cố cựu của Bourguiba đối với Pháp đã được chính Pháp chứng tỏ là sai lầm và chính sách bạo động và võ trang tranh đấu của Algérie mới là hợp lý. Trong cuộc điều đình giữa Pháp và Algérie hiện nay, tất nhiên Algérie sẽ quyết tâm giữ vững lập trường của mình hơn nữa.

Các nhà ngoại giao hiện nay đang cố tìm một giải pháp cho Tunisie. Dầu sao, bằng cách này hay cách khác, Liên-hiệp-

quốc, Liên minh Bắc Đại-tây dương có can thiệp hay không, thì sớm muộn Bizerte vẫn sẽ phải trở về với Tunisie vì tình hình quốc tế đã đến lúc không thể dung dưỡng chính sách thực dân ẩn núp dưới bất cứ hình thức nào. Có điều bất lợi cho Pháp là hi vọng điều đình để sử dụng quân cảng Bizerte như vậy là tất hẳn.

Rồi đây quân đội Pháp sẽ phải triệt thoái khỏi mọi căn cứ ở Bizerte và hiện nay những thương dân Pháp đã phải lần lượt hồi hương để chấm dứt cả cái chính trị mệnh danh là sự « hiện diện của Pháp » tại Tunisie.

TRỌNG KHANG



Nói chuyện về kịch

Trong phạm vi hoạt động của ban Thường-vụ và ban Chấp-hành mới, Trung tâm Văn Bút Việt-Nam có tổ chức một cuộc « Nói chuyện về Kịch » tại trụ sở Nghiên cứu Liên lạc Văn hóa Á-Châu, chiều ngày thứ ba 8-8-61. Đây là buổi diễn thuyết đầu tiên hàng tháng của Bút-Việt.

Diễn giả là ông Vi-Huyền-Đắc, đệ nhị phó chủ tịch của nhóm, tác giả nhiều vở kịch giá trị, một nhà soạn kịch lớp tiên phong và có cả bốn chục năm kinh nghiệm trong ngành này.

Ông Phạm-Việt-Tuyền, tổng thư ký của nhóm, nói mấy lời giới thiệu Trung tâm Văn Bút quốc tế, Trung tâm Văn Bút Việt-Nam và diễn giả.

Mở đầu, tác giả « Ông Kí Cóp » đề cập đến nguồn gốc thoại kịch thế giới, mà thi tổ là Eschyle, người cổ Hi-Lạp. Nước ta không có *thoại kịch*, mà chỉ có *bình kịch*, tức là chèo, tuồng xưa và cải lương. Thoại kịch mới du nhập nước ta trong vòng bốn mươi năm nay.

Người mở đường khai lối cho bộ môn này là nhà giáo Vũ-Đình-Long với vở « Chén Thuốc Độc »; vở kịch đầu tiên này được hoan nghinh nhiệt liệt vì nó đem một cái gì mới, lạ cho sân khấu Việt.

Ảnh hưởng to rộng của thoại kịch được diễn giả phân tích. Và diễn giả ví tiểu thuyết và kịch với một chiếc bánh : « Nếu là tiểu thuyết, tác giả sẽ đem cả chiếc bánh ra để độc giả dùng, nhưng nếu là kịch, tác giả sẽ chỉ cắt lấy có mấy khoanh thôi để

khán giả thưởng thức, và chỉ có mấy khoảnh khắc mà khán giả cũng sẽ hưởng đủ hương, vị của cả chiếc bánh ».

Rồi ông so sánh những phương tiện rộng rãi của tiểu thuyết với những phương tiện eo hẹp của kịch. Ông nhắc đến kịch Âu-Châu suốt thời kỳ cổ điển bị trói buộc trong ba qui tắc của luật tam duy : vị trí duy nhất, thời khắc duy nhất và động tác duy nhất. Để cởi mở cho kịch nghệ, người ta đã tử công để phá bỏ cho bằng được luật tam duy mà chỉ còn giữ lại có động tác duy nhất.

Trong đoạn nói về phạm vi của kịch, diễn giả bảo : « Nếu tiểu thuyết là phản ánh của cuộc sống, thì kịch lại chính là cuộc sống, cho nên nó phải đi sát với đời thực. Tuy nhiên, nó không phải là đời thực trần trụi đem lên sân khấu ».

So sánh cuộc cấu tạo của tiểu thuyết và kịch nghệ, người ta thường bảo : « viết kịch là chăm phá, mà viết tiểu thuyết là truyền thần ». Tìm sự khác nhau giữa kịch và tiểu thuyết, ông nhận xét rằng « tác giả kịch bắt buộc phải quán kết vở kịch ngay từ trước khi viết », và điều kiện cần là hành vi của các vai phải hợp lí thì khán giả mới tin vào lời nói của tác giả mà cảm thông và hoan thưởng vở kịch.

Kịch đòi ở tác giả rất nhiều kinh nghiệm và từng trải về cuộc sống. Ngoài ra muốn trở thành một tác giả kịch, kèm với học hỏi, trù chí — để đi lần đến tài năng — còn có cái thiết tha : phải viết kịch, không thì thấy khổ sở, day dứt. Diễn giả nhắc đến trường hợp của Goethe bắt đầu viết vở Faust lúc mới 20, và chỉ hoàn thành lúc đã 80. Vở kịch chỉ sống trọn vẹn

khi được đưa lên sân khấu ; nên vai trò của nhà đạo diễn — một nhà quỷ thuật — thật là quan trọng ; rồi đến sự góp phần sáng tác vào vở kịch của các diễn viên. Cách giả mà bài trí sao như thật, hay gọi cảnh thật ; người diễn tự cho mình sống thật, người xem tự cho là nghe thấy thật, rồi lắm khi người đóng người xem đi từ dối đến thật mà không ngờ !

Theo tác giả « Hoàng-Mộng-Điệp » thì « diễn viên chớ nên sống cái vai của mình, mà phải đóng cái vai đó, nghĩa là : không bao giờ diễn viên được để cho tình cảm áp đảo lí trí. Lúc nào diễn viên cũng phải sáng suốt và tỉnh táo. Tuy ngoài mặt buồn phiền, đau khổ, nước mắt tuôn rơi, nhưng trong lòng không chết lịm đi ; tuy bộ dạng hung hãn, miếng găm thét, chân tay khua múa, nhưng cân não vẫn bình tĩnh. Có tự chủ được như vậy, diễn viên đóng trò mới đều đặn và mới có cơ đạt tới kĩ thuật vậy ». Và ông kể đôi giai thoại buồn cười có, cảm động có đã xảy dưới ánh đèn sân khấu. Diễn kịch không cho phải là điều dễ, nhưng bù lại, nó đem lại ta lắm điều hay :

« Đóng những vai kịch, tức là thử làm những người khác xem sao ? Rồi nhân đó, ta học nói, học cười, học đi, học đứng học tất cả những cái gì nó làm cho mình trở nên thành thạo trong cách xử thân, tiếp vật và lịch lãm trong cuộc sống hằng ngày ».

Nói xong về kịch, ông Vi-Huyền-Đắc có xét sơ qua về chèo, tuồng đã có trước kịch trên năm trăm năm, nên đã đạt tới một kĩ thuật khả quan.

Từ xưa tới nay, từ Đông sang Tây, người ta đều nhận rằng nghệ thuật sân

khẩu chỉ sinh sôi nảy nở được trong những thời mà dân chúng được sống yên vui, quốc gia được thái bình. Và diễn giả kết thúc :

« Tuy nhiên, hiện nay, đang ló dạng ở phía chân trời của kịch nghệ một ánh bình minh đầy hứa hẹn. Trong một tương lai gần đây, quý vị sẽ được hoan thưởng những tối kịch tượng bừng, náo nhiệt, và nếu tôi không lầm vấn đề thoại kịch đương làm bận trí nhiều người và đang phảng phất ở trong bầu không khí của Đô thành. Xin quý vị hãy nán chờ ».

Tiếp sau cuộc nói chuyện, ban Tổ chức có cho phát thanh lại một vở kịch ngắn

của diễn giả, nhan « *Vở kịch hay nhất* » do các nghệ sĩ trong ban Tao-Đàn của đài Vô tuyến truyền thanh Việt-Nam trình diễn (Thanh-Nam, Tô-Kiều-Ngân, Hoàng-Thư, Thái-Thủy, Hoài-Điệp), ban Thăng-Long dẫn kịch và đảm nhận nhạc hậu trường. Tưởng cũng nên nhắc lại đây lời kịch gia nhại một nhà thơ nổi tiếng để kết thúc vở kịch ngắn này :

« *Bài thơ hay nhất vẫn là bài thơ không làm, và vở kịch hay nhất phải là vở kịch không viết...* ».

NGUYỄN-NGU-Í

Ái tình và hôn nhân

Cái đầu đề muôn thuở này đã được nhà giáo kiêm nhà văn Hi-Di Bùi-Xuân-Uyên đem ra bàn xét tại Câu lạc bộ Văn hóa, ngày 26-7 vừa qua, và sau đó có cuộc hội thảo.

Bác-Phi xôn xao, Bá-Linh lộn xộn, Ai-Lao lồi thoi...Mà ngời đây nói về *Ái tình* và *Hôn nhân*, chẳng là làm một việc phù phiếm lắm sao? Diễn giả hỏi thế để đáp liền ngay có việc một thời, có việc muôn thuở. Và người ta vẫn có thể vừa quan tâm đến những biến cố trên thế giới vừa thảo luận những vấn đề lâu dài của xã hội mình. Và lại, đây cũng là một vấn đề thời sự: lật qua tờ báo hằng ngày, đứng trước một rạp chiếu bóng, *Ái tình* hoặc *Hôn nhân* được

nhắc nhở bằng những tên chém giết, đầu độc, tự tử hay được nói to bằng màu tề-ni-cô-lo. Qua một phòng trà, những điệu hát giết gân, cuồng loạn, ngang một vũ trường, ánh sáng mờ ảo với những cặp ôm nhau diu theo điệu nhạc mê li, gọi đến yêu đương không ít. Và một số phụ nữ đã được giải phóng hay tự giải phóng để bình đẳng với nam giới đã xem Hôn nhân là mục tiêu then chốt để tạo Hạnh phúc đời mình.

Nhà giáo Bùi-Xuân-Uyên đặt vấn đề xong, thì nhà văn Hi-Di vào đề.

Các bạn hãy tưởng tượng chúng ta đang ở giữa mùa xuân, có « trời xanh sáng, sông trôi vui, chim lãnh hót », hoa phô màu, cây trở lộc, bướm lượn bay, cả vũ trụ bừng lên nhạc sống. Trong không khí, phấn hoa tản mát, nhụy đực tìm nhụy cái

để đem bông kết trái Trong Thiên nhiên, Ái tình chẳng bao giờ ngừng lại. Mà nắng mưa là gì? nếu không phải là sự đổi trao tình yêu giữa Trời Đất? Mà luật hấp dẫn của vạn vật, đó là sự ràng buộc giữa các tinh cầu bằng tình yêu vậy. Ở đâu có sự Sống, là có Ái tình. Vậy ta cũng nên tìm hiểu nghĩa của Ái tình.

Không phải là một triết gia, không phải là nhà khảo cứu nên diễn giả không tra tự điển, không khảo sách xưa, mà chỉ dõ lòng mình để mà thử tìm nghĩa tình Yêu.

« Khi tôi yêu, tôi bị thu hút và nếu tình tôi được san sẻ, thì tôi lại trở thành đá nam châm để thu hút lại ai. Vậy, thì tôi có thể cho Ái tình cái nghĩa: đó là sự thu hút giữa hai tâm hồn, hoặc giữa hai tinh cầu chăng? »

Mà như muôn vật, Ái tình cũng có mặt xấu mặt đẹp. Diễn giả kể lại những trạng thái xấu xa trước để mà xếp chúng qua một bên.

Ái tình có bộ mặt *đáng ghét*, khi nó là tình hám, tình si, tình mù quáng: con người lúc ấy hành động như kẻ không còn chút lương tri.

Ái tình có bộ mặt *đáng khinh*, khi nó là tình xảo, tình quyết mọi thủ đoạn, dù hèn hạ, dù dơ dáy đến đâu kẻ mắc vào đều không từ chối (dối trá, bịp bợm có nghệ thuật bọn này dư có) khi nó là tình dâm, tình uế, chỉ nhắm xác thịt làm đỉnh, con người đã hoá ra con thú

Ái tình có bộ mặt *đáng sợ*, khi nó là tình hận, tình cừu: con người mắc phải nó trở nên độc ác, tàn nhẫn, dã man.

Bộ mặt đẹp của Ái tình được diễn giả trình bày cận kề. Bước đầu của tình Yêu là

sự *khát khao*. Rồi tình cờ gặp người trong mộng, tiếng sét Ái tình bùng nổ, đây là trường hợp đặc biệt, mà các thi sĩ tưởng tượng là hai người đã hẹn nhau từ kiếp trước, hoặc là hai phân nửa chia hai từ lúc nào nay gặp lại để mà thành một. Có khi vì hoàn cảnh tạo nên, rơm để gần lửa lâu ngày phải bén; người ta bỗng thấy nụ cười ấy xinh hơn hết, người ta chỉ thích nhìn một dáng điệu nào thôi.

Sắc đẹp chưa hẳn là một yếu tố để kêu gọi sự khát khao. Và mỗi người có một cặp mắt thẩm mĩ khác nhau. Có người nhìn người yêu chỉ mơ đôi mắt, có người chỉ thấy có bàn tay (cũng có người chỉ nhớ có một lúm đồng tiền). Giả sử Dương - Quý - Phi hầu hạ U - Vương, hay Bao - Tự ở kề Minh - Hoàng, thì chưa chắc U - Vương phải lụy, mà thiên « Trường hận » đã ra đời. Bởi U - Vương, thích cái đẹp gầy gầy, buồn buồn, còn Minh - Hoàng lại mê cái đẹp đầy đặn kèm theo rượu ngon, hát ngọt, múa xinh...

Ấy là điều may: quan niệm sắc đẹp nó vốn phức tạp, bằng không chiến tranh cứ bùng ra mai mãi: để giành người mà tất cả đều cho là đẹp nhất thế gian này.

Giai đoạn kế của Ái tình là sự *kết tinh của tưởng tượng*. Bao giờ ước mơ cũng dễ thành thơ mộng. Người ta tô điểm người yêu muôn ngàn vẻ đẹp, muôn ngàn đức tánh. Có người yêu say đắm đến lí tưởng hóa, thiêng liêng hóa người mình yêu, như trường hợp Pluton, Dante. Và người ta tưởng đâu đã có sự ưng thuận của người kia, và đòi hỏi điều này điều nọ, trong khi sự thật chưa có nước non gì...

Đó là thời kì mà nói như các nhà thi sĩ. . . « Vắng một người, trái đất hóa tiêu điều ». « Không thấy người bằng không thấy mặt trời. »

Giai đoạn chót có hai lối : hoặc chờ mãi, mà *không được đáp*, tình hao mòn như đèn cạn dầu, hóa ra ảo mộng, người ta buồn rầu, chán nản. . . Cái bình tương tự thời xưa, có lắm kẻ chết mòn chết héo. . . , nhưng thể hệ nguyên tử chúng ta thì — may thay ! — không có mấy ; hoặc là *được đổi trao*, thì phút giây huy hoàng nhất của đời là lúc biết chắc là mình được người kia yêu lại. Thì lúc ấy người ta vui tươi, hăng hái, cảm thấy mình giàu vô tận, sướng vô biên, tưởng có thể lấp biển và trời ngay tức khắc.

Và tiếp theo Ái tình, là Hôn nhân.

Bởi ngoài sự hòa hợp của hai tâm hồn, còn có sự hòa hợp của hai thể xác ; rồi như cây có trái, vợ chồng phải có đứa con, kết quả cụ thể của Ái tình. Nhưng đứa con không được hợp pháp hóa, thì Ái tình không trong sạch, làm vẩn hạnh phúc của hai người. Do đó mà phải có Hôn nhân. Hôn nhân rất cần cho Hạnh phúc hai người.

Trong đoạn thứ nhì của bài thuyết trình, diễn giả xét qua quan niệm Ái tình của Khổng - Trang và của Tây-phương.

Lão giáo thần thánh hóa Ái tình thành một đạo. Không gặp người lí tưởng thì không trao tình, yêu bừa bãi là điều kị nhất. Thà không có người yêu hơn là bạ ai yêu nấy. Thà chết khát chứ không chịu uống nước dơ. May

mà gặp được người tri kỉ, thì cho đó là ơn tri ngộ, nên thiêng liêng hóa cả sự hòa hợp của hai xác thịt.

Khổng giáo thì phân biệt tình của tài tử (Trác-Văn-Quân mê tiếng đàn của Tư-Mã-Tương-Như mà vượt vòng lễ giáo để xây mộng song đôi) và tình người quân tử : đem cái nghĩa lâu dài mà thay cái tình một thuở.

Diễn giả thì muốn thêm nghĩa vào tình, thay vì lấy nghĩa thay tình.

Và hiểu tam tông như sau, để mà bình vực chúng : cha có những kinh nghiệm thì *theo cha* để học ; chồng yêu nước, thì vợ cũng *theo chồng* mà yêu nước ; chồng chết, *theo con* vì đó là di vật quý báu của người bạn đời để lại cho mình, theo con, lo cho con để chứng tỏ Tình mình vượt không gian và thời gian, chấp cả cái chết.

Cho nên, cần có Hôn nhân để bảo đảm cho Ái tình, và nghi lễ phiên toái để thêm phần ràng buộc.

Yêu nhau, lấy nhau, mà không có con, cũng là điều thiếu sót. Ái tình như thế không trọn vẹn.

Tây-Phương thì tôn trọng cá nhân, để Ái tình được hoàn toàn tự do, tha hồ cởi mở. Không gặp gì ngăn trở, Ái tình bạo phát mà cũng bạo tàn. Tình yêu do đó mà phần đông buông thả, kém phần lý-tưởng, kém phần trong sạch, nên chẳng vươn lên.

Chúng ta bắt chước Tây-Phương trong việc yêu đương, nên tình đời nay mau tan rã, vì không có nghĩa giữ gìn. Xưa, kém phần say đắm, nồng nàn, song lại bền bỉ, thì chung.

Phụ nữ nước ta với Ái tình và Hôn nhân là đoạn chót của bài thuyết trình. Diễn giả nhận rằng xã hội đã tiến, thì phụ nữ cũng được giải phóng hay tự giải phóng.

Trước hết, người phụ nữ muốn được độc lập về kinh tế. Một số chị em có học, có nghề riêng, đã đạt được ý nguyện này. Nhưng họ sợ có con nhiều, vì cho đó là một lý do có thể làm mất hạnh phúc của họ và sự bình đẳng với đàn ông.

Ông Bùi-Xuân-Uyên nhận rằng độc lập về kinh tế của phụ nữ có phần bất lợi cho hạnh phúc lứa đôi. Người đàn ông thích được che chở vợ (tính này có từ thuở ăn lông ở lỗ, khi người đàn ông phải chống thú dữ, phải đi săn để « phụng sự » vợ con). Giờ mất cái « oai » che chở người bạn đời, e rằng mặc cảm sẽ nảy sinh, làm hại Hạnh phúc vợ chồng một ít. Nên diễn giả nghĩ nếu người đàn bà cái gì cũng bằng người đàn ông : sức lực cũng bằng, hiểu biết cũng bằng, lương bổng cũng bằng, địa vị xã hội cũng bằng, thì người đàn ông cảm mình như thua kém và ảnh hưởng không hay đến đời sống yên vui của gia đình.

Còn con, có nhiều bao nhiêu thì càng vui cửa vui nhà bấy nhiêu. Vì đó là kết quả của Ái tình chân chính, là dây ràng buộc chặt chẽ giữa hai người, đó là nguồn an ủi mau nhiệm những lúc khổ đau, đó là nguồn hi vọng thiêng liêng trong những giờ đen tối. . .

Có lẽ các nhà tu sĩ cho Hôn nhân là việc không cần. Nhưng diễn giả không phải tu sĩ, muốn sống trọn vẹn đời sống con người : có thể xác, có tinh thần, có tâm hồn thì muốn được sống đầy đủ cả ba phần ấy. Thiếu một phần nào là diễn giả thấy đời mình còn thiếu sót. Nên yêu thì phải lấy, lấy thì phải được mọi người công nhận, và lấy nhau rồi thì phải có con, càng nhiều càng tốt, để mà truyền lại sự sống, để mà gây dựng một xã hội ngày mai tươi đẹp.

Trên đây là những ý kiến riêng của diễn giả, còn chờ cuộc thảo luận của tất cả các bạn tham dự để làm sáng tỏ, để mà kết luận.

Diễn giả đã được cử tọa hoan nghinh nhiều lần, và cuộc thảo luận sau đó có lắm điều lí thú. Chúng tôi xin hẹn các bạn ở số sau.

NGUYỄN-HỮU-NGƯ thuật

HẰNG THÁNG ĐÓN ĐỌC

VĂN - NGHỆ

TẠP CHÍ TRANG ĐẦU VĂN HỌC NGHỆ THUẬT MỚI

- ★ Trình bày những vấn đề khẩn thiết.
- ★ Giới thiệu những sáng tác giá trị.
- ★ Nhận định chính xác, thẳng thắn về sinh hoạt thường xuyên của đời sống văn học nghệ thuật.

Chúng tôi đã nhận được :

- Gandhi và Gita (Trần-kim-Huê) — Quan-niệm về sự học, ; Lá thư tâm tình ; thơ dịch (Đặng Cao, Nguyễn - Việt - Sơn) — Bán thiên-đường ; Trời sang ; Thoát y ; (Nguyễn-Trình Hàn-vi-Nguyệt) — Ấn độ trên đường cách-mạng trăm lạng ; Trường hợp dân chủ ngày nay (Phan-minh-Huy).
- Thao thức (Vũ-Hân) Mộng cổ thôn — Biết nói gì đây (Hàn-Xuân) Dâng ý (Lưu-tiến-Vũ) Xa vắng — Sang sông (Nguyễn-Hữu) Người đi Hoàng-hương-Trang Hương đồng phấn nội — Hồi âm (Thành-Tôn) khoảng cách — Khúc hát hoàng hôn (Minh-Hoàng) Nhớ bạn (Trọng Phương) Cô tịch (Nguyễn Mai) Trút tội (Mạnh-Tường) Hơi rừng — Thành xưa — Ngút sâu (Lữ-Quỳnh).
- **Ô. Phan - minh - Huy** : Đã nhận được các bài của ông — Cảm ơn ông lắm — Sẽ xin có thư riêng của tòa-soạn.
- **Anh Công-glô-Nguyên** — Nh.Tr. — Tòa soạn Bách Khoa đã nhận được : Brecht và bản dịch « Cơn khát » — xin cảm ơn anh — Chờ anh trả lời cuộc phỏng vấn gần mòn con mắt. Anh đừng quên cái « nợ » : du kí xứ người anh hứa đã 2 năm rồi.

N. N. I.

SÁCH BÁO MỚI

- « **Phan Khôi** và cuộc đấu tranh tưởng ở miền Bắc » của (Nguyễn-Vạn-An), do Ủy-ban Trung-Ương

chống chính-sách nô-dịch văn-hóa ở Miền Bắc » xuất bản — Sách dày 146 trang do nhà xuất bản gửi tặng.

- « **Chinh phục ngấm** và tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đày » của Lê-Tuyên, Đại-Học Huế xuất bản. Do nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 222 trang giá 95đ.
- **Bát cơm bát máu** tiểu thuyết của Mặc - Thu, Ng.-đình - Vượng xuất bản, do tác giả gửi tặng. Sách dày 290 trang loại đặc biệt, không đề giá.
- **Trên đường chiều** thơ của Chiều-Thiên-Thương do tác giả xuất-bản và gửi tặng — Sách dày 36 trang giá 25đ.
- **Đôi mắt người xưa** quyền I tiểu-thuyết đăng báo của Ngọc-Linh, Lê-Sống xuất bản, do báo Lê-Sống và tác-giả gửi tặng. Sách dày 280 trang, loại đặc biệt, không đề giá.
- Bản nhạc, **Anh đi rồi trời Huế có buồn không** của (Thúc-Linh) giá 7đ.
- **Thoát ly hoả-ngục** — Bản dịch cuốn « Deliver us from evil » của bác sĩ Thomas A. Dooley, do hai ông Lê - Hùng - Tâm và Vũ - Phụng-minh) dịch, (Ziên - Hồng) xuất bản và gửi tặng — sách dày 156 trang giá 25đ.
- **Toán thi** Trung-học đệ-nhất-cấp (I — Hình-học) của Nguyễn-đình-Hàm, Đại-Học xuất bản, do nhà xuất bản tặng Sách dày 130 trang, giá 35đ.

TRƯỜNG BÁCH KHOA BÌNH-DÂN



Khóa XIV — Thu 61

Khai giảng : Tối thứ Hai 4-9-1961.

Nhận đơn : Kể từ ngày 16-8-1961 tại Trường Tôn-Thọ-Tường số 8
đại-lộ Trần-hưng-Đạo Saigon — Mỗi tối từ 7 g. đến 9 g.

Điều kiện chung :

- | | | |
|---------------------|----------------------|---------------|
| — Có thẻ Kiểm-tra. | — Đóng lệ phí cho cả | |
| — Học lực Tiểu-học. | khóa 4 tháng rưỡi | 150 \$ |
| — Hai tấm ảnh 4×6. | — Tiền Hiệu-đoàn | 30 \$ |

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI NAM VĂN HIẾN

THẺ PHONG

— **ĐÃ IN** : LƯỢC SỬ VĂN NGHỆ VIỆT NAM « trọn bộ 5
cuốn » — Nhà văn tiền chiến 1930 — 1945 — Nhà văn kháng chiến chủ
lực 1945-50 — Nhà văn miền Nam 1945-50 — Nhà văn hậu chiến
1950-1955 — Tổng luận 1900-1956 (phê bình) — **NỬA ĐƯỜNG ĐI
XUỐNG** — NGƯỜI THƯƠNG BINH LIÊN KHU — NGƯỜI
LÍNH CASABLANCA (truyện dài, ngắn) — **NẾU ANH CÓ EM LÀ
VỢ...** — SAI BIỆT (thơ) — FRÉDÉRIC NIETZSCHE và CHỦ
NGHĨA ĐI LÊN CON NGƯỜI — HÀN MẶC TỬ — QUÁCH
THOẠI, nhà thơ siêu thoát (nhận định)...



— **SẼ IN** : GÓP HỖI TÀI HOA — QUA NÉT PHÁT HỌA
VỀ 12 NHÀ THƠ MỚI NHẤT HÔM NAY (Đường Bá Bôn
glori thiệu) — VƯƠNG MIỆN MAI A (thơ *Thế Phong*) — Bốn
nhà văn quốc tế : GHEORGHIU, PERRY, MALRAUX và SARTRE
(*Thế Phong*) THƠ MỸ (Cao My Nhân) và những thi văn, kịch, phẩm
của THANH THƯƠNG HOÀNG — BÙI KHÁI NGUYỄN — VŨ
LANG — DIỄM CHÂU — KIỀU THỆ THỦY...

Xin gửi thư cho ông : **PHẠM-NGỌC-DAO**
201-11, Nguyễn-Huệ — Phú-Nhận — SAIGON

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TÒNG CUỘC SAIGON :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.